



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Viết 4**

Mã học phần: **0101001733**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **3**

Tổng số tiết quy chuẩn: **60**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	30	0	60 + 120 = 180

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Viết 3**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn cơ sở ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: **Nắm vững cách viết tốt các dạng bài văn (miêu tả biểu đồ, biểu bảng, tiến trình, bài luận thuận tiện, bất tiện, bài luận đưa ra hai quan điểm tranh luận,.....)**

**\* Về kỹ năng**

MT2: **Có thể viết tốt các dạng bài văn (miêu tả biểu đồ, biểu bảng, tiến trình, bài luận thuận tiện, bất tiện, bài luận đưa ra hai quan điểm tranh luận,.....)**

MT3: **Trang bị cho sinh viên kỹ năng học tập hiệu quả để có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa của các nước thuộc Cộng đồng Anh ngữ.**

MT4: **Rèn luyện các kỹ năng mềm khác như kỹ năng viết CV, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin...**

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**



MT5: Sinh viên khi tốt nghiệp là những người trung thành với lợi ích quốc gia – dân tộc, có ý thức tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm đối với cộng đồng, có phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong nghề nghiệp tốt, có ý thức nâng cao năng lực bản thân và sáng tạo trong học tập và công việc sau này.

#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101001733	Viết 4	0	0	3	3	0	0	3	0	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
		3	0	0	0	0	0	0			

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Nắm vững cách viết tốt các dạng bài văn (miêu tả biểu đồ, biểu bảng, tiến trình, bài luận thuận tiện, bất tiện, bài luận đưa ra hai quan điểm tranh luận,.....)	PO3, PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT2	CO2	Có thể viết tốt các dạng bài văn (miêu tả biểu đồ, biểu bảng, tiến trình, bài luận thuận tiện, bất tiện, bài luận đưa ra hai quan điểm tranh luận,.....)	PO7
MT3	CO3	Có thể tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng, bước đầu hình thành tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa của các nước thuộc Cộng đồng Anh ngữ.	PO7, PO11
MT4	CO4	Rèn luyện các kỹ năng mềm khác như kỹ năng viết CV, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin...	PO7, PO11

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức nâng cao năng lực bản thân và sáng tạo trong công việc.	PO3, PO4, PO7, PO11

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để viết các dạng bài văn như: nguyên nhân-kết quả, so sánh, tranh luận,...

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng vào thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài viết, phát hiện vấn đề, tham gia viết và sửa bài viết trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	5 5

3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Giáo trình Writing 4 do giảng viên bộ môn biên soạn và tổng hợp

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Keith, S.F., April, M-V., & Elena, V, S. (2014). *Great Writing 4: Essay development (4 Eds.)*. National Geographic Learning-Cengage Learning.

[2] Kirt, K. (2013). *Marvellous techniques for IETLS writing (1<sup>st</sup> Ed.)*. Beijing Language & Cultural University Press.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<b>Chapter 1: Describing graphics</b> Steps 1: Plan	Trang 1-15	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
2	<b>Chapter 1: Describing graphics</b> - Steps 2: Write the introduction	Trang 15-21	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3	<b>Chapter 1: Describing graphics</b> - Steps 2: Write the paragraphs	Trang 22-27	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
4	<b>Chapter 1: Describing graphics</b> - Steps 2: Practice writing the paragraphs	Trang 27	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5	<b>Chapter 1: Describing graphics</b> - Steps 2: Write the conclusion	Trang 28	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	- <b>Chapter 1: Describing graphics</b> - Steps 3: Revise	Trang 29-38	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7	<b>Practice describing graphics</b>	Trang 39-42	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8	<b>Chapter 2 Describing process</b> Step 1: Plan	<b>Trang 43-52</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9	<b>Chapter 2 Describing process</b> Step 2: Write the introduction	<b>Trang 52-57</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	<b>Chapter 2 Describing process</b> Step 2: Write the body	<b>Trang 57-62</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
11	<b>Chapter 2 Describing process</b> Step 2: Practicing writing the body	<b>Trang 63</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
12	<b>Chapter 2 Describing process</b> Step 3: Revise	<b>Trang 63-75</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
13	<b>Chapter 3 Writing essays</b> Step 1: Plan	<b>Trang 76-82</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
14	<b>Chapter 3 Writing essays</b> Step 1: Plan (cont..)	<b>Trang 83-90</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
15	<b>Chapter 3 Writing essays</b> Step 2: Write the introduction	<b>Trang 91-95</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
16	<b>Chapter 3 Writing essays</b> Step 2: Write the paragraphs	<b>Trang 96-98</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
17	<b>Chapter 3 Writing essays</b> Step 2: Write the paragraphs	<b>Trang 98</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
18	<b>Chapter 3 Writing essays</b> Step 2: Write the paragraphs	<b>Trang 98</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5



19	Chapter 3 Writing essays Step 2: Write the conclusion	Trang 99-102	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
20	Chapter 3 Writing essays Step 3: Revise	Trang 103-115	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CƠ SỞ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Đình Quốc**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Nghe – Nói 4

Mã học phần: 0101001734

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 3      Tổng số tiết quy chuẩn: 60

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	60 + 120 = 180
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Nghe nói 1, Nghe nói 2, Nghe nói 3

**Học phần học song hành:** Nghe nói 1, Nghe nói 2, Nghe nói 3

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Anh:

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn cơ sở ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT) :**

**\* Về kiến thức**

MT1: Vận dụng kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng trong các tình huống giao tiếp khác nhau liên quan đến các chủ đề như

MT2: Trình bày một số kiến thức về văn hóa của các nước nói tiếng Anh, cũng như ảnh hưởng của văn hóa đến giao tiếp trong tiếng Anh

**\* Về kỹ năng**

MT3: Kỹ năng nghe hiểu: Hiểu được nội dung ý chính và ý chi tiết trong các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện ngắn liên quan đến các chủ đề quen thuộc

MT4: Kỹ năng nói: Giao tiếp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong đời sống hằng ngày

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm



MT6: Phát huy thái độ ứng xử, giao tiếp tốt với mọi người

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
01010	Nghe										
01734	–	0	0	3	3	0	0	3	0	3	0
	Nói	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
	3	3	0	0	0	0	0	2			

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Vận dụng kiến thức về từ vựng để diễn đạt ý trong giao tiếp (yêu cầu những dịch vụ cần thiết, các tổ chức và nhiệm vụ, những vấn đề gặp phải ở nơi làm việc, trò chuyện điện thoại, họp mặt)	PO3, PO4
	CO2	Vận dụng kiến thức về ngữ pháp và ngữ âm để giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau	PO3, PO4
MT2	CO3	Trình bày một số kiến thức về văn hóa của các nước nói tiếng Anh, cũng như ảnh hưởng của văn hóa đến giao tiếp trong tiếng Anh	PO3, PO4, PO7
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO4	Kỹ năng nghe hiểu: Hiểu được nội dung ý chính và ý chi tiết trong các đoạn hội thoại và các bài nói chuyện ngắn liên quan đến các chủ đề quen thuộc	PO3, PO7, PO11
MT4	CO5	Kỹ năng nói: Giao tiếp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong đời	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11



		sống hằng ngày	
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	CO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO17
MT6	CO7	Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO17

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Nghe – Nói 4 được xây dựng nhằm cung cấp thêm cho sinh viên tài liệu để nâng cao khả năng Nghe – Nói Tiếng Anh, rèn luyện cho sinh viên khả năng nghe nói trong các tình huống phổ biến trong cuộc sống. Môn học cung cấp cho sinh viên từ vựng và mẫu câu nâng cao dùng trong giao tiếp xã hội và du lịch (gặp gỡ bạn bè, hỏi đáp lời mời, sống xa nhà, phương tiện di chuyển, ăn bên ngoài, các tình huống khẩn cấp, sức khỏe, nghỉ dưỡng, nơi ăn chốn ở, du lịch ngắm cảnh, du lịch nước ngoài, tin tức thường ngày cùng với đó là từ vựng và mẫu câu dùng trong giao tiếp công việc và học tập (chào đón khách du lịch nước ngoài, các tình huống thảo luận nơi làm việc, tổ chức một sự kiện, những buổi thảo luận/seminar, trường học, thói quen học tập, mục tiêu học tập).

#### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17

#### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết trên lớp.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm và cá nhân theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức học nhóm và tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Miles Craven, Real listening & Speaking 4, Cambridge University Press, 2008.

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Jack C. Richards with Grant Trew, Expanding Tactics for Listening 3<sup>rd</sup> Edition, Oxford University Press, 2011

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<b>Unit 1. How's it going?</b>		
1	- Start up a conversation and make small talk - Develop and maintain a conversation - Use intonation to indicate emotions	[1] Unit 1. Page 10-13	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 2. I'm looking for a camera</b>		
2	- Ask about products in detail		PO3, PO4, PO7,

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Negotiate and get good deal</li> <li>- Return item to a shop and give explanation</li> </ul>	[1] Unit 2. Page 14-17	PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 3. I need to see a doctor</b>		
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Enquire about and register for health services</li> <li>- Understand a doctor's diagnosis</li> <li>- Use stress to correct any important misunderstandings</li> </ul>	[1] Unit 3. Page 18-21	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 4. What's the problem?</b>		
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Describe everyday problems and speculate about causes</li> <li>- Give advice and make strong recommendations</li> <li>- Explain the consequences of particular actions</li> </ul>	[1] Unit 4. Page 22-25	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 5. What a lot of red tape!</b>		
5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ask about official procedures</li> <li>- Understand official processes</li> <li>- Be concise and to the point when answering questions</li> </ul>	[1] Unit 5. Page 26-29	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 6. What a great view!</b>		
6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Show visitors around your hometown</li> <li>- Talk about places of interest</li> <li>- Ask about attractions in a city</li> </ul>	[1] Unit 6. Page 30-33	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
7	<b>Mid-term test 1</b>		
	<b>Unit 7. I'd appreciate it</b>		
8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Make polite requests and explain what you want</li> <li>- Interrupt politely and ask for help</li> </ul>	[1] Unit 7. Page 34-37	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 8. This is your office</b>		
9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Understand company structures</li> </ul>	[1] Unit 8. Page	PO3, PO4, PO7,



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Understand roles and responsibilities</li> <li>- Talk about role and responsibilities</li> <li>- Describe personal qualities and strengths</li> </ul>	38-41	PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 9. I'll sort it out</b>		
10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Handle customers' complaint</li> <li>- Confirm and check information</li> <li>- Put forward solutions</li> </ul>	[1] Unit 9. Page 42-45	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 10. Can I call you back?</b>		
11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Make and take calls successfully</li> <li>- Take and leave messages</li> <li>- Overcome phone-related difficulties</li> </ul>	[1] Unit 10. Page 46-49	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 11. Shall we move on?</b>		
12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Identify other people's opinions</li> <li>- Express your opinions</li> </ul>	[1] Unit 11. Page 52-55	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 12. I'd like to begin by...</b>		
13	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Take note effectively</li> <li>- Summarize what you heard</li> <li>- Ask questions for further information</li> </ul>	[1] Unit 12. Page 56-59	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 13. Let's take a closer look</b>		
14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Describe information in charts and graphs</li> <li>- Link ideas effectively</li> </ul>	[1] Unit 13. Page 60-63	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 14. Can you expand on that?</b>		
15	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Express opinions and disagree politely</li> <li>- Ask for more detail</li> </ul>	[1] Unit 14. Page 64-67	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17

	<b>Unit 15. It'll help me get a good job</b>		
16	- Talk about study plans in detail - Ask for opinions and recommendations - Understand detailed course requirements	[1] Unit 15. Page 68-71	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
	<b>Unit 16. I'll work well under pressure</b>		
17	- Describe yourself and your strengths - Sound confident and make good impression	[1] Unit 16. Page 72-75	PO3, PO4, PO7, PO9, PO11, PO17
18	<b>Mid-term test 2</b>		
19	<b>Revision</b>		
20	<b>Revision</b>		

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phân**

- Phòng học máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CƠ SỞ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Đình Quốc**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Dẫn luận văn chương**

Mã số học phần : **0101001859**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **3**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	45	0	0	0	45 + 90 = 135

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh:

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành học phần Dẫn luận văn chương, sinh viên có thể:

**\* Về kiến thức**

MT1: Khái quát hóa kiến thức về văn học qua các biện pháp nghệ thuật và các thể loại cơ bản của văn học: tác phẩm hư cấu, phi hư cấu và thơ ca.

MT2: Mở rộng sự hiểu biết về văn hóa phương Tây qua các tác phẩm văn học.

MT3: Rèn luyện thêm khả năng cảm thụ văn học qua một nền văn học lớn, phong phú, với nhiều thành tựu có giá trị cao.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Vận dụng kiến thức đã học vào phân tích các yếu tố văn học trong một tác phẩm.

MT5: Đánh giá một tác phẩm văn chương, hoặc tác phẩm thơ văn nước ngoài bằng tiếng Anh.

MT6: Rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin để thảo luận một vấn đề liên quan đến một tác phẩm văn học nào đó.

MT7: Rèn luyện kỹ năng viết và cách sử dụng ngôn ngữ chọn lọc khi phân tích một tác phẩm văn chương.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Hình thành ý thức và trách nhiệm cao về hoạt động chuyên môn, năng lực làm việc nhóm và tư duy phản biện.

MT9: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm và có khả năng sáng tạo trong công việc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001859	Dẫn luận văn chương	0	0	0	3	3	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	0	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	0				

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT4, MT5	CO1	Xác định được những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong một tác phẩm.	PO4, PO5
MT1, MT4, MT5	CO2	Trình bày cấu trúc của một thể loại văn học.	PO4, PO5
MT1, MT2, MT3, MT4, MT5	CO3	Áp dụng lý thuyết để phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học.	PO4, PO5, PO7, PO8
<b>Kỹ năng</b>			
MT4, MT5	CO4	Vận dụng kiến thức về văn học để giải thích các yếu tố nghệ thuật và phân tích tác phẩm.	PO4, PO5, PO7, PO8
MT4, MT5, MT6, MT7	CO5	Trình bày nội dung, ý nghĩa của một tác phẩm văn học.	PO4, PO5
MT6, MT7	CO6	Kỹ năng thuyết trình và báo cáo nhóm.	PO7, PO8
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			

MT8, MT9	CO7	Tự định hướng học tập, đưa ra kết luận chuyên môn liên quan đến nội dung phân tích tác phẩm.	PO7, PO8
MT8, MT9	CO8	Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp.	PO7, PO8
MT8, MT9	CO9	Đánh giá một cách chủ động và cải thiện hiệu quả hoạt động tìm hiểu văn chương.	PO7, PO8

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Dẫn luận văn chương (Introduction to Literature) dành cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh. Học phần này nhằm mục tiêu giới thiệu các kiến thức căn bản cho người học về các biện pháp nghệ thuật và các thể loại văn học thông dụng. Trên cơ sở nắm vững các thuật ngữ và lý thuyết phân tích một tác phẩm văn học cơ bản, người học sẽ phân tích tác phẩm văn học với tư duy phê phán và có khả năng sáng tác truyện, thơ.

#### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Báo Cáo	Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng Nói, khả năng tự tin và rèn luyện kỹ năng nói trước đám đông. Áp dụng các kỹ năng tin học như Word, Powerpoint vào bài báo cáo.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Hướng dẫn viết bài	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tế, nâng cao kỹ năng chuyên ngành.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

#### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.



### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO9	10
3	Bài tập + Báo cáo nhóm	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

An Introduction to Literature course pack compiled by the instructors

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Di Gianni, Robert. Literature: Reading Fiction, Poetry, and Drama. 5th ed. New York: McGraw – Hill, 2002.
2. Kirszner, Laurie G., and Stephen G. Mandell. Literature: Reading – Reacting – Writing. Cengage Learning, 2023

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chapter 1: Introduction		CO1, CO2, CO3, CO8, CO9
2/3/4	Chapter 2: Fiction 2.1. Elements of fiction 2.2. Reading practice: 2.1. A Case of Suspicion 2.2. Marionettes, Inc. 2.3. The Lady, or the Tiger? 2.4. Roman Fever 2.5. A Clean, Well-Lighted Place 2.6. The Gift of the Magi 2.7. The Necklace 2.8. The Interlopes		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7, CO8, CO9

	2.9. A Rose for Emily 2.10. The Fly		
5/6	Chapter 3: Nonfiction 3.1. Types of nonfiction 3.2. Elements of nonfiction 3.3. Reading practice: 3.1. A Letter to Mrs. Bixby 3.2. A Letter from Thomas Jefferson to His Daughter 3.3. From Diary of a Young Girl		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7, CO8, CO9
7/8/9	Chapter 4: Poetry 4.1. Elements of Poetry 4.2 Reading practice: 4.2.1. Metrical verse poems 4.2.2. Free verse poems		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7, CO8, CO9
10/11/12/13/14	Students' presentation		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
15	Revision		

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Máy tính cá nhân, giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Truyền Thông\*

Mã học phần: 0101001853

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	15	0	30	0	

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên giảng dạy:**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành học phần Truyền thông, sinh viên có thể:

**3.1 Kiến thức:**

MT1: Giải thích các đặc điểm khác nhau cơ bản giữa loại truyền thông đại chúng như báo, tạp chí, radio và phim ảnh.

MT2: Diễn giải khái niệm truyền thông và các thuật ngữ chính liên quan đến các loại truyền thông đại chúng.

**3.2 Kỹ năng:**

MT3: Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để biên soạn các nội dung quảng cáo, cập nhật tin tức trên các kênh truyền thông khác nhau.

MT4: Phát triển kỹ năng thuyết trình để truyền đạt ý tưởng trước đám đông.

MT5: Phát triển tư duy sáng tạo, khả năng phân tích vấn đề để tạo ra các ý tưởng mới nhằm nâng cao hiệu quả công việc.



### 3.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

MT6: Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng về sức ảnh hưởng của ngôn ngữ trong giao tiếp với khán giả trong môi trường làm việc có yếu tố truyền thông.

MT7: Thể hiện thái độ nghiêm túc khi làm việc nhóm hoặc khi thực hiện các phần việc được giao để thiết kế nội dung liên quan đến truyền thông.

M8: Thể hiện tác phong đúng đắn, khéo léo làm chủ hành vi và ngôn ngữ trong giao tiếp.

### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp

1 = Mức thấp

2 = Mức trung bình

3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001852	Ngữ dụng học	0	0	0	0	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	3	0	3	3	0	2
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Giải thích các đặc điểm cơ bản của các loại truyền thông đại chúng như báo, tạp chí, radio và phim ảnh.	PO7
MT2	CO2	Giải thích được các thuật ngữ cơ bản được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực truyền thông đại chúng khác nhau.	PO7
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO3	Sử dụng ngôn ngữ phù hợp để tạo ra các sản phẩm phục vụ cho mục đích truyền thông, như quảng cáo và tường thuật tin tức.	PO7
MT4	CO4	Phát triển kỹ năng thuyết trình để truyền đạt ý tưởng trước đám đông.	PO9, PO14
MT5	CO5	Phát triển khả năng tư duy sáng tạo, phân tích vấn đề để tìm ra giải pháp cho các ý tưởng mới.	PO11, PO12

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT6	CO6	Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng về sức ảnh hưởng của ngôn ngữ trong giao tiếp với khán giả trong môi trường làm việc có yếu tố truyền thông.	PO11, PO17
MT7	CO7	Thể hiện thái độ nghiêm túc khi làm việc nhóm hoặc khi thực hiện các phần việc được giao để thiết kế nội dung liên quan đến truyền thông.	PO12, PO17
MT8	CO8	Thể hiện tác phong đúng đắn, khéo léo làm chủ hành vi và ngôn ngữ trong giao tiếp.	PO11, PO17

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Đây là khóa học giới thiệu về tiếng Anh dành cho lĩnh vực truyền thông. Khóa học nhằm phát triển khả năng sử dụng ngôn ngữ được sử dụng trong các lĩnh vực truyền thông đại chúng khác nhau như báo chí, phát thanh, truyền hình, phim và quảng cáo. Khóa học gồm tám đơn vị bài. Nội dung khóa học tập trung vào các loại hình truyền thông và vai trò của truyền thông đại chúng trên thế giới hiện nay.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn.	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.



- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17	10
2	Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17	10
2	Bài kiểm giữa kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17	10

## 10. Học liệu

Ceramella, N., & Lee, E. (2011). *Cambridge English for the media*. Cambridge University Press

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Chương trình học, bao gồm lý thuyết và thực hành, được phân bổ trong 15 tuần, 1 buổi/tuần, 3 tiết/buổi, 45 phút/tiết, cụ thể như sau:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1 + 2	Unit 1: Newspaper - Writing headlines	Bài 1: Trang 6 - 17	CO7, CO9, CO11, CO12,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Analysing newspaper articles</li> <li>- Practising interview skills</li> <li>- Planning and writing a newspaper article</li> </ul>		CO14, CO17
3 + 4	<b>Unit 2: Radio</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Understanding the language of radio presenters</li> <li>- Understanding the production process</li> <li>- Planning a news list</li> <li>- Giving post production feedback</li> </ul>	Bài 2: Trang 18 - 29	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
5 + 6	<b>Unit 3: Magazines</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Composing magazine covers</li> <li>- Planning the contents of a magazine</li> <li>- Giving instructions for a photo shoot</li> <li>- Planning and writing a true-life story</li> </ul>	Bài 3: Trang 30 - 45	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
7 + 8	<b>Unit 4: Television</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Understanding the pre-production process</li> <li>- Organising a filming schedule</li> <li>- Filming on location</li> <li>- Editing a TV documentary</li> </ul>	Bài 4: Trang 42 - 51	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
9	Mid-term test		CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
10 + 11	<b>Unit 5: Film</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Writing a screenplay</li> <li>- Pitching successfully</li> <li>- Organizing a shoot</li> <li>- Writing a film review</li> </ul>	Bài 5: Trang 52 - 62	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
12 + 13	<b>Unit 6: New media</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Briefing a website designer</li> <li>- Analysing problems and providing solutions</li> <li>- Planning and writing a blog</li> <li>- Creating a podcast</li> </ul>	Bài 6: Trang 63 - 72	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
	<b>Unit 7: Advertising</b>		
14	- Selling your services to a potential client	Bài 7: Trang 74	CO7, CO9,



Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Creating a print advert</li> <li>- Creating a screen advert</li> <li>- Presenting a finished advert</li> </ul>	- 83	CO11, CO12, CO14, CO17
15	<b>Unit 8: Marketing</b>	Bài 8: Trang 83	CO7, CO9, CO11, CO12, CO14, CO17
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Analysing market trends and taking action</li> <li>- Setting up a marketing communication strategy</li> <li>- Organising the relaunch of a product</li> <li>- Evaluating the success of a relaunch</li> </ul>	- 92	

### 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành các bài tập về nhà được giao.</li> </ul>
Quy định về tham dự lớp	- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.
Các quy định khác	- Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết)

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**

**CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Dẫn Luận Ngôn Ngữ**

Mã học phần: **0101001695**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **3**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

**Phân bổ thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	45	0	0	0	

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh:

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành học phần Dẫn Luận Ngôn Ngữ, sinh viên có thể:

**3.1 Kiến thức:**

MT1: Nhận biết hệ ngôn ngữ

MT2: Phân loại các nhóm hình vị: ngữ pháp và tạo sinh

MT3: Phân tích được quy tắc thành lập từ, ngữ, cấu trúc câu và chức năng các nhóm thành tố

MT4: Phân tích nghĩa của từ, nghĩa diễn ngôn, nghĩa tình huống.

MT5: Phân tích được âm thanh lời phát, cách tạo thành nguyên, phụ âm (âm sát, tắc sát, âm vang,...)

**3.2 Kỹ năng:**

MT6: Phân tích tình huống để hiểu nghĩa của câu trong từng tình huống cụ thể.

MT7: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.

**3.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**



MT8: Nhận thức đúng về vai trò của môn học đối với các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu, viết và dịch tiếng Anh.

MT9: Nâng cao ý thức trong diễn đạt ý tưởng, chuyển tải ý tưởng tránh gây hiểu lầm tai hại khi sử dụng cấu trúc sai hay dùng câu tối nghĩa.

#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp

1 = Mức thấp

2 = Mức trung bình

3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001695	Dẫn luận ngôn ngữ	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	0	0	0	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Nhận biết hệ ngôn ngữ nói chung là gì	PO4, PO7
MT2	CO2	Phân loại các nhóm hình vị: ngữ pháp và tạo sinh	PO4, PO7
MT3	CO3	Phân tích được quy tắc thành lập từ, ngữ, cấu trúc câu và chức năng các nhóm thành tố	PO4, PO7
MT4	CO4	Phân tích nghĩa của từ, nghĩa diễn ngôn, nghĩa tình huống	PO4, PO7
MT5	CO5	Phân tích được âm thanh lời phát, cách tạo thành nguyên, phụ âm (âm sát, tắc sát, âm vang,...)	PO4, PO7
<b>Kỹ năng</b>			
MT6	CO6	Phân tích ngữ cảnh để hiểu nghĩa của câu trong từng tình huống cụ thể.	PO7, PO8, PO13
MT7	CO7	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	PO7, PO8, PO13
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT8	CO8	Nhận thức đúng về vai trò môn học đối với các kỹ	PO14

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
		năng nghe, nói, đọc hiểu, viết và dịch tiếng Anh.	
MT9	CO9	Nâng cao ý thức trong diễn đạt ý tưởng, chuyển tải ý tưởng tránh gây hiểu lầm tai hại khi sử dụng cấu trúc sai hay dùng câu tối nghĩa.	PO14

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Dẫn luận ngôn ngữ là một trong những môn học cơ bản bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh. Môn học giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về các ngành của ngôn ngữ học như Ngữ âm học, Âm vị học, Từ pháp học, Cú pháp học, Ngữ nghĩa học, Ngữ dụng học. Kiến thức dẫn nhập này giúp làm nền tảng cho các môn chuyên sâu về ngôn ngữ; nhờ đó sinh viên có thể đọc hiểu, viết, sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn trong học tập, công việc; hỗ trợ cho công tác dịch thuật, phân tích văn chương, ngôn ngữ nâng cao.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
2	Thuyết trình và bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài thuyết trình và bài tập nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
2	Bài kiểm giữa kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Kien, L, T. (2019). *Tập bài giảng Dẫn Luận Ngôn Ngữ*

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Fromkin, V., Rodman, R., & Hyams, N. (2017). *An introduction to language*. Cengage.

[2] Miller, J. (2002). *An Introduction to English Syntax*. Edinburgh University Press.

[3] Roach, P. (2009). *English Phonetics and Phonology: A Practical Course* (4<sup>th</sup> Ed.). Cambridge University Press.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Chương trình học được phân bổ trong 15 tuần, 1 buổi/tuần, 3 tiết/buổi, 45 phút/tiết, cụ thể như sau:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1 + 2	<b>Chapter 1</b> <b>What is language?</b>	[1] Chapter 1 Trang 1 - 32	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	- Language - Linguistic knowledge - Linguistic knowledge and performance - Types of grammar		
3+ 4 + 5	<b>Chapter 2</b> <b>Morphology: the words of language</b>	[1] Chapter 2 Trang 33 - 76	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	- Dictionaries - Classes of words - Word sets - Morphemes: the minimal units of meaning - Rules of word formation - Word coinage - Pronunciation of morphemes		
6 + 7 + 8	<b>Chapter 3</b> <b>Syntax: the sentence patterns of language</b>	[1] Chapter 3 Trang 76 - 138	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	- Grammatical/ ungrammatical - Characteristics of syntactic rules - Sentence structure - Phrase structure rules - The infinitude of language - The function of constituents - Types of language - Transformational rules		
9	Revision + Mid-term exam		
10+11+12	<b>Chapter 4</b> <b>Semantics: the meanings of language</b>	[1] Chapter 4 Trang 139 - 188	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9



Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Word meanings</li> <li>- Phrase and sentence meaning</li> <li>- Discourse meaning</li> <li>- Pragmatics</li> <li>- When rules are broken</li> </ul>		
13 + 14	<b>Chapter 5</b> <b>Phonetics: the sounds of language</b>	[1] Chapter 5 Trang 189 - 223	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sound segments</li> <li>- Articulatory phonetics</li> <li>- The phonetic alphabet</li> <li>- Phonetic features</li> </ul>		
15	<b>Course revision</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

## 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Yêu cầu đối với sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành các bài tập về nhà được giao.</li> </ul>
Quy định về tham dự lớp	- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.
Các quy định khác	- Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết).

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Từ pháp\***

Mã học phần: **0101001851**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45+90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Dẫn luận ngôn ngữ**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**Về kiến thức**

MT1: Học phần giúp sinh viên nắm được các khái niệm trong từ pháp học, có kiến thức về cấu tạo từ, và có khả năng phân tích cấu tạo từ tiếng Anh.

**Về kỹ năng**

MT2: Vận dụng và phân tích các vấn đề về cấu tạo từ.

**Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT3: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT4: Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7



01010018 51	Từ Pháp	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	0	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Nắm được các khái niệm trong từ pháp học, có kiến thức về cấu tạo từ, và có khả năng phân tích cấu tạo từ tiếng Anh.	PO4, PO7, PO8
<b>Kỹ năng</b>			
MT2	CO2	Vận dụng và phân tích các vấn đề về cấu tạo từ.	PO4, PO7, PO8
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT3	CO3	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO4, PO7, PO8
MT4	CO4	Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO4, PO7, PO8

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học giúp người học nắm được cơ bản về lý thuyết cấu tạo từ trong ngôn ngữ Anh. Người học biết cách phân tích từ và sử dụng từ tiếng Anh chuẩn xác.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1,CO2,CO3,CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2,CO3,CO4



Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Bài Giảng

Tập bài giảng English Morphology do giáo viên phụ trách biên soạn

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

Đặng Thị Kim Mai (2010), English morphology, Đại học Cần Thơ [425 M103]

### 11. Nội dung chi tiết học phần

<b>Tuần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài Liệu</b>	<b>CDR của HP</b>
1	<b>Introduction: purpose of the course</b> <b>Unit 1: An introduction to morphology</b> <b>Overview of Morphology</b>	Trang 1-3	CO1, CO2, CO3,CO4
2	<b>Unit 1: Morphemes</b> Word families Characteristics of words	Trang 3-7	CO1, CO2, CO3, CO4
3	<b>Unit 2: Morphemes and morphology</b>	Trang 8-10	CO1, CO2, CO3, CO4
4	<b>Unit 2: Morphemes and morphology</b> <b>(cont)</b> <b>Exercises</b>	Trang 10-11	CO1, CO2, CO3, CO4
5	<b>Unit 3 Classification of morphemes</b> Roots, affixes + Exercises	Trang 12-13	CO1, CO2, CO3, CO4
6	<b>Unit 3 Classification of morphemes</b> Grammatical vs lexical morphemes, stems, + exercises	Trang 13-20	CO1, CO2, CO3, CO4
5	<b>Unit 4: Identification of morphemes</b>	Trang 21-24	CO1, CO2, CO3, CO4
6	<b>Review units 1,2,3,4</b>	Trang 25-28	CO1, CO2, CO3, CO4
7	<b>Mid-term Exam</b>		
8	<b>Unit 5: Morphs and allomorphs</b>	Trang 30-36	CO1, CO2, CO3, CO4
9	<b>Unit 6: Derivational and inflectional morphemes</b>	Trang 37-47	CO1, CO2, CO3, CO4
10	<b>Review units 5+6</b>	Trang 48-51	CO1, CO2, CO3, CO4
11	<b>Unit 7 Immediate constituent</b>	Trang 52-54	CO1, CO2, CO3, CO4
12	<b>Practice drawing word trees</b>	Trang 54-56	CO1, CO2, CO3, CO4
13	<b>Unit 8 words</b>	Trang 57-60	CO1, CO2, CO3, CO4
14	<b>Unit 8 (cont)</b>	Trang 60-68	CO1, CO2, CO3, CO4
15	<b>Review Units 1-8 for final exam</b>	Trang 69-75	CO1, CO2,

			CO3, CO4
--	--	--	----------

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**







**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Cú pháp học**

Mã học phần: **0101001858**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**      Tổng số tiết quy chuẩn: **45 tiết**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Dẫn luận ngôn ngữ**

Học phần học trước: **Dẫn luận ngôn ngữ**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Nhận biết các cấu trúc câu trong tiếng Anh

MT2: Phân biệt các từ loại, vị trí và chức năng ngữ pháp của chúng trong cụm, câu

MT3: Phân loại được cấu tạo và đặc điểm chức năng của cụm từ

MT4: Phân loại được các kiểu mệnh đề, kiểu câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà cụm từ có thể nắm giữ

MT5: Nhận biết các mẫu câu cơ bản, quy tắc chuyển đổi câu

MT6: Nhận biết vai trò ngữ nghĩa của các ngữ danh từ trong câu

**\* Về kỹ năng**

MT7: Phát triển khả năng phân tích cấu trúc ngữ, mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép, câu hỏi, biểu diễn cấu trúc câu bằng sơ đồ cây

MT8: Phân tích được khả năng gây tối nghĩa của câu, diễn giải câu tránh gây tối nghĩa (dựa vào sơ đồ cây)



MT9: Phát triển khả năng tư duy logic, phân tích tình huống, diễn đạt suy nghĩ bằng nhiều cách khác nhau, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Nhận biết được vai trò môn Cú pháp đối với các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và dịch tiếng Anh

MT11: Phát triển khả năng diễn đạt ý tưởng rõ ràng, tránh gây hiểu lầm khi sử dụng cấu trúc sai hay dùng câu tối nghĩa

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
0101001858	Cú pháp học	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	1	0	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Nhận biết các cấu trúc câu trong tiếng Anh	PO4, PO7
MT2	CO2	Phân biệt các từ loại, vị trí và chức năng ngữ pháp của chúng trong cụm, câu	PO4, PO7
MT3	CO3	Nhận biết cấu tạo và đặc điểm chức năng của cụm từ	PO4, PO7
MT4	CO4	Phân biệt các loại mệnh đề, kiểu câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà cụm từ có thể nắm giữ	PO4, PO7
MT5	CO5	Nhận biết các mẫu câu cơ bản, quy tắc chuyển đổi câu	PO4, PO7
MT6	CO6	Nhận biết vai trò ngữ nghĩa của các ngữ danh từ trong câu	PO4, PO7

<b>Kỹ năng</b>			
MT7	CO7	Phát triển khả năng phân tích cấu trúc ngữ, mệnh đề, câu đơn, câu phức, câu ghép, câu hỏi, biểu diễn cấu trúc câu bằng sơ đồ cây	PO7, PO8, PO9
MT8	CO8	Phân tích được khả năng gây tối nghĩa của câu, diễn giải câu tránh gây tối nghĩa (dựa vào sơ đồ cây)	PO7, PO8, PO9
MT9	CO9	Phát triển khả năng tư duy logic, phân tích tình huống, diễn đạt suy nghĩ bằng nhiều cách khác nhau, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm	PO7, PO8, PO9
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT10	CO10	Nhận thức được vai trò môn Cú pháp đối với các kỹ năng nghe, nói, đọc hiểu và dịch tiếng Anh	PO17
MT11	CO11	Phát triển khả năng diễn đạt ý tưởng rõ ràng, tránh gây hiểu lầm khi sử dụng cấu trúc sai hay dùng câu tối nghĩa	PO17

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

- Cú pháp học là một trong những môn học cơ bản bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh gồm Ngữ Âm – Âm vị, Cú Pháp – Hình Thái, và Ngữ Nghĩa – Ngữ Dụng Học.
- Môn học giúp sinh viên phân biệt các loại từ, ngữ, câu cũng như phương pháp tạo cụm từ, mệnh đề, câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà các cụm từ có thể nắm giữ; các mẫu câu cơ bản; vẽ sơ đồ cấu trúc câu; xác định khả năng gây tối nghĩa của những cấu trúc câu mơ hồ nhờ đó đọc hiểu, viết, sử dụng tiếng Anh hiệu quả hơn trong học tập, công việc.

#### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

<b>Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Mục đích</b>	<b>CDR của HP đạt được</b>
Thuyết giảng, làm mẫu	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức chuyên ngành mới	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7 CO8, CO9, CO10, CO11
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8,



	sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO9, CO10, CO11
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa kì
- Tham dự thi kết thúc học phần

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + làm bài tập (10%) Thời gian tham dự buổi học bắt buộc (10%)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11	5
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Tập Bài giảng do Giảng viên dạy chọn lọc và biên soạn

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

1. Jackson, H. (1999). *Analyzing English: An Introduction to Descriptive Linguistics*. Thanh Nien Publishing House
2. Miller, J. (2008). *An Introduction to English Syntax*. Edinburgh university press.
3. Le Van Su (2000). *English Linguistics: Syntax and morphology*. Dong Nai Publishing House



### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1, 2	<b>Unit 1: Introduction to English Syntax</b> 1. Introduction 2. Syntactic Categories and Word Classes 3. Phrases 4. Sentences 5. Clauses 6. Exercises		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
3	<b>Unit 2: Word Classes</b> 1. Introduction 2. Characteristics of Word Classes - 3. Exercises		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
4	<b>Unit 3: English Phrases</b> 1. Introduction 2. Characteristics of Phrases - 3. Exercises		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
5	<b>Unit 4: English Sentences</b> 1. Introduction 2. Characteristics of Sentences 3. Categoriality 4. Exercises		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
6	- <b>Revision unit 1-4</b> - <b>Midterm test</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
7	<b>Unit 5: Types of Sentences: Simple and Complex</b> 1. Introduction 2. Simple sentence 3. Compound sentence 4. Complex sentence 5. Phrase Structure Rules 6. Exercises		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
8,9	<b>Unit 6: Transformational Grammar and Thematic Roles of Noun Phrases</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

	1. Introduction 2. Transformational Rules or Transformations 3. Thematic roles 4. Exercises		
10	<b>Revision for the Final unit 1-6</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Máy tính cá nhân, giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Ngữ nghĩa học**

Mã số học phần: **0101001997**

**1. Thông tin học phần:**

Số tín chỉ học phần: **02 tín chỉ**

Số tiết học phần: **45 tiết**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45+90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Dẫn luận ngôn ngữ**

Học phần học trước: **Dẫn luận ngôn ngữ**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Hiểu những thuật ngữ cơ bản trong môn Ngữ nghĩa và các mối tương quan giữa Ngữ nghĩa và phân nhánh khác của Ngôn ngữ học

MT2: Hiểu các yếu tố liên quan đến nghĩa của từ (nghĩa biểu vật, nghĩa biểu cảm, nghĩa đen, nghĩa bóng), các thuộc tính ngữ nghĩa, trường nghĩa, sở chỉ, nghĩa, quan hệ, bao nghĩa, đồng nghĩa, phản nghĩa, từ ghép, quan hệ đồng âm đồng tự, từ đa nghĩa, câu vô nghĩa, câu mơ hồ.

MT3: Phân biệt được các biện pháp tu từ (so sánh tu từ, ẩn dụ, nhân cách hóa, hoán dụ, ngoa dụ, phép nói mỉa, uyển ngữ)

MT4: So sánh thành ngữ, tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt

MT5: Hiểu một số phong cách từ vựng tiếng Anh (tiêu đề bài báo, tiếng Anh trang trọng, tiếng Anh trong quảng cáo, các kiểu xưng hô trong giao tiếp, đối đáp trong đàm thoại hàng ngày, tiếng lóng)

MT6: Áp dụng các hành vi ngôn từ (speech acts), hàm ngôn (implicature) trong giao tiếp

**\* Về kỹ năng**

MT7: Hoàn thiện ngôn ngữ, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ và phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

MT8: Phát huy năng lực tư học, tự nghiên cứu.

MT9: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Rèn luyện tính chuyên cần, chăm chỉ, tích cực, say mê học tập.

MT11: Hình thành thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp

MT12: Chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
01010019 97	Ngữ nghĩa học 1	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	1	0	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
0	0	2						

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT2	CO1	Giải thích các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa và các mối quan hệ ngữ nghĩa	PO4, PO8
MT3	CO2	Trình bày những kiến thức về từ và các đặc điểm của từ	PO4, PO8
MT4, MT5, MT6	CO3	Xác định được các hình thái tu từ; thành ngữ tiếng Anh; hành vi lời nói và hàm ngôn	PO4, PO8
<b>Kỹ năng</b>			
MT7	CO4	Phân tích ý nghĩa của từ, cụm từ, thành ngữ, câu của tiếng Anh (semantic properties, idiomatic expressions).	PO4, PO7, PO8, PO9
MT8	CO5	Hiểu ý nghĩa của đoạn văn qua việc phân tích các hình thái tu từ (figures of speech).	PO4, PO7, PO8, PO9
MT9	CO6	Áp dụng các hành vi ngôn từ (speech acts), hàm ngôn (implicature) trong giao tiếp.	PO4, PO7, PO8, PO9
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			

MT10	CO7	Rèn luyện tính chuyên cần, chăm chỉ, tích cực, say mê học tập.	PO7, PO8, PO17
MT11	CO8	Hình thành thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp.	PO4, PO7, PO8, PO17
MT12	CO9	Chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà.	PO4, PO7, PO8, PO17

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhằm hệ thống hóa kiến thức về các cấp độ ngữ nghĩa tiếng Anh (từ, cụm từ, thành ngữ, câu, đoạn văn), tìm hiểu về các khái niệm căn bản về ngữ nghĩa (semantic triangle, semantic properties, referring expressions, referent, sense, ...), hình thái tu từ (figures of speech), hiểu ngữ nghĩa theo bối cảnh và hành vi lời nói (speech acts).

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học	CO1 - CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1 – CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1 – CO9

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1- CO9	10

3	Thi giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1 – CO9	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1 – CO9	10

#### 10. Học liệu

Semantics - A coursebook (James R. Hurford, Brendan Heasley, & Michael B. Smith), Cambridge University Press, 2007

#### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	CĐR của HP
1	Basic concepts	3	CO1, CO7, CO8, CO9
2	Sense and reference	3	CO1, CO7, CO8, CO9
3	Sense properties	3	CO2, CO7, CO8, CO9
4/5	Sense relations	6	CO2, CO7, CO8, CO9
6	Idioms	3	CO3, CO7, CO8, CO9
7/8	Figures of speech	6	CO5, CO7, CO8, CO9
9	Properties of predicates, Midterm	3	CO4, CO7, CO8, CO9
10	Derivation, participant roles	3	CO3, CO7, CO8, CO9
11/12	Speech acts	6	CO6, CO7, CO8, CO9
13	Perlocutions and illocutions	3	CO6, CO7, CO8, CO9
14/15	Conversational implicatures	6	CO6, CO7, CO8, CO9

#### 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**

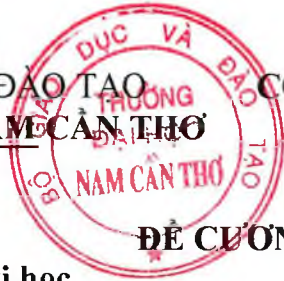


**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CHƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Âm vị học

Mã học phần: 0101001998

1. Thông tin về học phần:

Số tín chỉ học phần: 02 tín chỉ

Số tiết học phần: 45 tiết

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dẫn Luận Ngôn Ngữ

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa ngoại ngữ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

\* Về kiến thức

MT1: Phân biệt Ngữ âm học và Âm vị học

MT2: Phân loại được các hệ thống phát âm và âm thanh lời phát

MT3: Giải thích được khái niệm âm vị

MT4: Phân biệt được phiên âm hệ ngữ âm và âm vị

MT5: Nhận biết được khái niệm âm tiết trong tiếng Anh

MT6: Nhận biết các lỗi diễn đạt khác nhau và chức năng của chúng trong giao tiếp tiếng Anh

\* Về kỹ năng

MT7: Sử dụng hiệu quả hệ phiên âm (ngữ âm hoặc âm vị)

MT8: Xây dựng được các câu thoại có dùng nhân âm và ngữ điệu hợp lý khi giao tiếp.

\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT9: Phát triển năng lực tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng Anh.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao



Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
01010019 98	Âm vị học	0	0	0	3	0	0	3	3	0	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
		3	0	0	0	0	0	2			

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Phân biệt Ngữ âm học và Âm vị học	PO4
MT2	CO2	Phân loại được các hệ thống phát âm và âm thanh lời phát	PO4
MT3	CO3	Giải thích được khái niệm âm vị	PO4
MT4	CO4	Giải thích được khái niệm âm vị	PO4
MT5	CO5	Nhận biết được khái niệm âm tiết trong tiếng Anh	PO4
MT6	CO6	Nhận biết các lỗi diễn đạt khác nhau và chức năng của chúng trong giao tiếp tiếng Anh	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT7	CO7	Sử dụng hiệu quả hệ phiên âm (ngữ âm hoặc âm vị)	PO7, PO8, PO11
MT8	CO8	Xây dựng được các câu thoại có dùng nhân âm và ngữ điệu hợp lý khi giao tiếp.	PO7, PO8, PO11
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT9	CO9	Phát triển năng lực tự học tập nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức và năng lực thực hành tiếng Anh.	PO17

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về bản chất cấu thành âm phát, hiểu được các khái niệm về âm vị, nguyên âm (dài, đôi, ba), và phụ âm. Ngoài ra sinh viên cũng có thể phân biệt được các nhóm âm khác nhau, ví dụ như: các âm sát, tắc sát, âm mũi,...Sâu hơn nữa, sinh viên có thể phát được tốt các nguyên, phụ âm, và tạo các câu thoại có dùng thêm nhân trọng âm và ngữ điệu hợp lý khi giao tiếp.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp,	Mục đích	CDR của HP đạt được
--------------	----------	---------------------



hình thức tổ chức dạy học		
Thuyết giảng, thuyết trình và thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp, trình bày và thảo luận giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, thuyết trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng và thảo luận trên lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	5
3	Thuyết trình & bài kiểm tra giữa kỳ	30	- Theo nhóm, cá nhân & theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Kien, L., T. (2019). *Tập bài giảng Âm Vị Học*.

## 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Roach, P. (2009). *English phonetics and phonology- A practical course (4 Eds)*. Cambridge University Press.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1-2	<b>Chapter 1: Introduction: Phonetics and Phonology</b> 1.1 Phonetics and Phonology 1.2 Sounds and Letters 1.3. Exercises	Trang 5-11	CO1, CO2
3-5	<b>Chapter 2: Speech production</b> 2.1 The respiratory system 2.2. The phonatory system 2.3 The articulatory system 2.4 Classifying speech sounds 2.5 Articulation in connected speech 2.6 Exercises	Trang 13-33	CO3
6-11	<b>Chapter 3: The phonology of English: Phonemes, Syllables and Words</b> 3.1 The phonemes of English 3.1.1 The consonants of RP and GA and their transcription 3.1.2 The allophonic variation of consonants in RP and GA 3.1.3 The vowels of RP and GA and their transcription 3.1.4 Phonemic and phonetic transcription 3.2 The English syllable 3.2.1 Types of syllables and phonotactic rules of English 3.2.2 Syllabification in English 3.2.3 Stress and speech rhythm in English	Trang 49-89	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

	3.3 The phonological word in English 3.3.1 Word stress in English 3.5. Exercises		
11	<b>Mid-term test</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
12-15	<b>Chapter 4: The phonology of English: Intonation</b> 4.1 Intonational phrasing in English 4.2 Nucleus placement in English 4.3 English tones and their usage 4.3.1 The tone of English and their transcription 4.3.2 The function of English tones and tunes 4.3.3 Pitch range, key and register 4.5 Exercises	<b>Trang 105-126</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**  
- Giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**BỘ MÔN**



**TS. Trần Thị Thùy**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Ngữ Dụng Học

Mã học phần: 0101001852

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45 + 90 = 135
	15	0	30	0	

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Ngữ nghĩa học

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

1. Thông tin về các giảng viên giảng dạy:

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần Ngữ Dụng Học, sinh viên có thể:

3.1 Kiến thức:

MT1: Trình bày được khái niệm cơ bản của ngữ dụng và mối tương quan của nó với các lĩnh vực khác trong ngôn ngữ học.

MT2: Trình bày các khái niệm cốt lõi và những vấn đề thường được đề cập trong lĩnh vực ngữ dụng.

MT3: Phân tích được vai trò của ngôn ngữ và văn hóa trong việc hỗ trợ hình hành chiến lược giao tiếp.

MT4: Nhận biết mối quan hệ giữa hình thức và ý nghĩa cũng như các mối quan hệ của chúng trong giao tiếp và ngữ cảnh.

3.2 Kỹ năng:

MT5: Xác định và mô tả các loại nghĩa khác nhau trên cơ sở kiến thức ngữ dụng học.

MT6: Phân tích nghĩa của câu và phát ngôn như các loại tiền giả định và hàm ngôn.

MT7: Phân tích hành động lời nói và phân biệt được hành động tạo ngôn, hành động tại ngôn cũng như hành động xuyên ngôn.

MT8: Phát triển kỹ năng phân tích, tư duy logic và khả năng sử dụng tiếng Anh phù hợp trong ngữ cảnh phát ngôn cụ thể.

### 3.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

MT9: Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của môn học trong việc nghiên cứu ngôn ngữ bản xứ.

MT10: Thể hiện thái độ nghiêm túc khi làm việc nhóm hoặc khi thực hiện các phần việc được thiết kế để tự nghiên cứu.

MT11: Thể hiện tác phong đúng đắn, khéo léo làm chủ hành vi và ngôn ngữ trong giao tiếp.

### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp

1 = Mức thấp

2 = Mức trung bình

3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001852	Ngữ dụng học	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	3	0	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Biết được các đặc điểm đặc trưng của ngữ dụng và mối tương quan của nó với các lĩnh vực khác trong ngôn ngữ học.	PO4, PO7, PO11, PO13
MT2	CO2	Hiểu rõ các khái niệm cốt lõi và những vấn đề thường được đề cập trong lĩnh vực ngữ dụng.	PO4, PO7, PO11, PO13
MT3	CO3	Hiểu được sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa có thể giúp hình hành chiến lược giao tiếp trong các tình huống khác nhau.	PO4, PO7, PO11, PO13

<b>Mục tiêu HP</b>	<b>CDR của HP</b>	<b>Nội dung CDR của học phần</b> Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	<b>CDR của CTĐT</b>
MT4	CO4	Nhận biết mối quan hệ giữa hình thức và ý nghĩa cũng như các mối quan hệ của chúng trong giao tiếp và ngữ cảnh.	PO4, PO7, PO11, PO13
<b>Kỹ năng</b>			
MT5	CO5	Giải thích các loại nghĩa khác nhau thông qua kiến thức về ngữ dụng học.	PO4, PO7, PO11, PO13
MT6	CO6	Phân tích nghĩa của câu và phát ngôn như các loại tiền giả định và hàm ngôn.	PO4, PO7, PO11, PO13
MT7	CO7	Phân tích hành động lời nói và phân biệt được hành động tạo ngôn, hành động tại ngôn cũng như hành động xuyên ngôn.	PO4, PO7, PO11, PO13
MT8	CO8	Phát triển kỹ năng phân tích, tư duy logic và khả năng sử dụng tiếng Anh phù hợp trong ngữ cảnh phát ngôn cụ thể.	PO4, PO7, PO11, PO13
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT9	CO9	Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của môn học trong việc nghiên cứu ngôn ngữ bản xứ.	PO17
MT10	CO10	Thể hiện thái độ nghiêm túc khi làm việc nhóm hoặc khi thực hiện các phần việc được thiết kế để học viên tự nghiên cứu.	PO17
MT11	CO11	Thể hiện tác phong đúng đắn, khéo léo làm chủ hành vi và ngôn ngữ trong giao tiếp.	PO17

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Ngữ Dụng Học nhằm giới thiệu cho sinh viên về các vấn đề về ý nghĩa – tầm quan trọng của ý nghĩa, ứng dụng ngôn ngữ và tính liên quan của ngôn ngữ trong ngữ cảnh giao tiếp. Mục đích khóa học là nhằm cung cấp cho học viên những khái niệm cơ bản trong ngữ dụng và các bài tập ứng dụng tương ứng. Hy vọng rằng thông qua các bài tập, người học sẽ có kiến thức sâu về ngữ dụng như là một ngành nghiên cứu mang tính thực tiễn và tính liên quan của nó đến nhiều ngôn ngữ khác nhau. Cuối cùng, trong quá trình nghiên cứu cũng như trong lúc trải nghiệm các bài tập, học viên sẽ khám phá ra các vấn đề thú vị thông qua nhiều tình huống giao tiếp hiệu quả.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO9, CO11
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần		- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động	CO9, CO10, CO11	10



TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
		10	trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		
2	Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11	10
2	Bài kiểm giữa kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Yule, G. (1996). *Pragmatics*. Oxford: OUP

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Rodman, F., Blair, C. & Hyams, N. (2014). *An Introduction to Language (10<sup>th</sup> Ed.)*. Wadsworth Cengage Learning.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Chương trình học, bao gồm lý thuyết và thực hành, được phân bổ trong 15 tuần, 1 buổi/tuần, 3 tiết/buổi, 45 phút/tiết, cụ thể như sau:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<b>Chapter 1</b> <b>Definitions and background</b>	[1] Chapter 1 Trang 3 – 8	CO1, CO2, CO5, CO6, CO9, CO10, CO11
	- Syntax, semantics and pragmatics - Regularity - The pragmatics wastebasket		
2	<b>Chapter 2</b>	[1] Chapter 2	CO2, CO5, CO9,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<b>Deixis and distance</b> - Person deixis - Spatial deixis - Temporal deixis - Deixis and grammar	Trang 9 - 16	CO10, CO11
3	<b>Chapter 3</b> <b>Reference and inference</b> - Referential and attributive uses - Names and references - The role of co-text - Anaphoric reference	[1] Chapter 3 Trang 17 - 24	CO2, CO5, CO6, CO9, CO10, CO11
4	<b>Chapter 4</b> <b>Presupposition and entailment</b> - Presupposition - Types of presupposition - The projection problem - Ordered entailments	[1] Chapter 4 Trang 25 - 34	CO2, CO5, CO6, CO9, CO10, CO11
5 + 6	<b>Chapter 5</b> <b>Cooperation and implicature</b> - The cooperative principle - Hedges - Conversational implicature - Generalized conversational implicatures - Scalar implicatures - Particularized conversational implicatures - Properties of conversational implicatures - Conventional implicatures	[1] Chapter 5 Trang 35 - 46	CO2, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
7 + 8	<b>Chapter 6</b> <b>Speech acts and events</b> - Speech acts - IFIDs - Felicity conditions - The performative hypothesis - Speech act classification - Direct and indirect speech acts - Speech events	[1] Chapter 6 Trang 47 - 58	CO2, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
9	Revision + Mid-term exam		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
10 + 11	<b>Chapter 7</b> <b>Politeness and interaction</b>	[1] Chapter 7 Trang 59 - 70	CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
	- Politeness - Face wants - Negative and positive face - Self and other: say nothing - Say something: off and on record - Positive and negative politeness - Strategies - Pre-sequences		
12 + 13	<b>Chapter 8</b> <b>Conversation and preference structure</b>	[1] Chapter 8 Trang 71 - 82	CO2, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
	- Conversation analysis - Pauses, overlaps, and backchannels - Conversational style - Adjacency pairs - Preference structure		
14	<b>Chapter 9</b> <b>Discourse and culture</b>	[1] Chapter 9 Trang 83 - 89	CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
	- Discourse analysis - Coherence - Background knowledge - Cultural schemata - Cross-cultural pragmatics		
15	Course revision		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

## 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Yêu cầu đối với sinh viên	- Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp. - Hoàn thành các bài tập về nhà được giao.
Quy định về tham dự lớp	- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.

Các quy định khác

- Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết)

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Lý thuyết dịch**

Mã học phần: **0101001690**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **3**    Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

**Phân bổ thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	45	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh

**Đơn vị phụ trách:** Bộ Môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Áp dụng kiến thức lý thuyết dịch vào quá trình học tập của sinh viên bao gồm: phiên dịch và biên dịch.

MT2: Xác định những khó khăn và thuận lợi của ngành biên dịch và phiên dịch.

MT3: Trình bày kiến thức cơ bản về phiên dịch và biên dịch để phục vụ cho công việc thực tế.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Biết các loại hình biên dịch.

MT5: Biết các loại hình phiên dịch.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT7: Hình thành sự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001690	Lý thuyết dịch	0	0	0	0	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	0	1	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	0				

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT2, MT3	CO1	Hiểu lý thuyết dịch.	PO7, PO8, PO10, PO16
MT1, MT2, MT3	CO2	Hiểu các mô hình dịch viết và dịch nói.	PO7, PO8, PO10, PO16
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO3	Biết các loại hình biên dịch.	PO7, PO8, PO10, PO16
MT5	CO4	Biết các loại hình phiên dịch.	PO7, PO8, PO10, PO16
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT6	CO5	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO7, PO8, PO10, PO16
MT7	CO6	Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.	PO7, PO8, PO10, PO16

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngành dịch thuật dựa trên nền tảng giới thiệu các lý thuyết cơ bản về dịch viết cũng như dịch nói để tạo thuận lợi cho các em có thể nắm bắt được dễ dàng các học phần biên dịch và phiên dịch chuyên sâu sau này.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi khi có thắc mắc.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn, T. H. (2011). Cẩm nang luyện Dịch Việt-Anh.

### 10.2. Tài liệu tham khảo



[2] Minh Thu, Nguyễn Hòa (2003), Luyện dịch Việt - Anh, Văn hóa Thông tin [418.03 M312]

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<b>1. Introduction</b>		
	1.1 Introduction to the course 1.2 General introduction to translation and interpretation	[1] Chương 1. Trang 6-8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	<b>2. Challenging words in translation and interpretation</b>		
	2.1 Culture and Tourism	[1] Chương 2. Trang 23-63.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	<b>3. Challenging words in translation and interpretation</b>		
	3.1 Culture and Tourism	[1] Chương 2. Trang 73-94.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	<b>4. Challenging words in translation and interpretation</b>		
	4.1 Economy	[1] Chương 2. Trang 111-130.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5, 6	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		
	<b>5. Challenging words in translation and interpretation</b>		
	5.1 Economy	[1] Chương 2. Trang 130-152.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7, 8	<b>6. Challenging words in translation and interpretation</b>		
	6.1 Finance-electronics-telecommunication	[1] Chương 2. Trang 166-191.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
9, 10	<b>7. Challenging words in translation and interpretation</b>		
	7.1 Finance-electronics-telecommunication	[1] Chương 2. Trang 202-223.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6



	<b>8. Challenging words in translation and interpretation</b>		
11, 12	8.1 Medicine	[1] Chương 2. Trang 231-255.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	<b>9. Challenging words in translation and interpretation</b>		
13, 14	9.1 Medicine	[1] Chương 2. Trang 265-282	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	<b>10. Slang and idioms</b>		
15	10.1 Slang 10.2 Idioms	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**

**CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**







**ĐỀ/CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Biên Dịch 1**

Mã học phần: **0101001735**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 2      Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Lý Thuyết Dịch**

Học phần học trước: **Lý Thuyết Dịch**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Giải thích các loại hình dịch cơ sở.

MT2: Xác định những khó khăn và thuận lợi của các hình thức dịch cơ sở.

MT3: Trình bày các kiến thức cơ bản về biên dịch thông thường.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Biên dịch Anh-Việt căn bản.

MT5: Biên dịch Việt-Anh căn bản.

MT6: Biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh một số mẫu câu thông dụng.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.



#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
0101001735	Biên dịch 1	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	0	2	0	0	0	2
		PO15	PO16	PO17				
0	2	0						

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ trong biên dịch Anh-Việt cơ bản.	PO4
MT2	CO2	Vận dụng các kiến thức về ngôn ngữ trong kiến thức về biên dịch Việt-Anh cơ bản.	PO4
MT3	CO3	Ứng dụng các mẫu câu biên dịch thông dụng trong dịch thuật.	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Dịch các mẫu câu Anh-Việt, Việt-Anh thông dụng.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT5	CO5	Biên dịch Anh-Việt cơ bản.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT6	CO6	Biên dịch Việt-Anh cơ bản.	PO7, PO8, PO10, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO7	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO16
MT8	CO8	Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO16

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các mẫu câu biên dịch Anh Việt và Việt Anh thông dụng. Bên cạnh đó các em cũng sẽ được thực tập biên dịch song ngữ các nội dung cơ sở liên quan đến các tình huống giao tiếp hàng ngày để tạo tiền đề vững chắc khi bước vào học phần biên dịch 2.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.



### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

### 10. Học liệu

#### Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Hữu Dự, 1997, Luyện dịch Việt – Anh qua những mẫu câu thông dụng, Đồng Nai.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<b>1. Introduction</b>		
	1.1 Introduction to the course 1.2 General introduction to basic translation	[1] introduction	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	<b>2. Sample sentences in translation</b>		
	2.1 Sample sentences 1	[1] Chương 1. Trang 23-63.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO8
3	<b>3. Sample sentences in translation</b>		
	3.1 Sample sentences 2	[1] Chương 1. Trang 73-94.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO8
4	<b>4. Sample sentences in translation</b>		

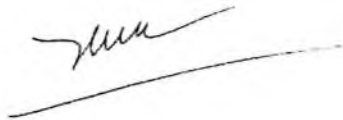
	4.1 Sample sentences 3	[1] Chương 1. Trang 111-130.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO8
5	<b>5. Sample sentences in translation</b>		
	5.1 Sample sentences 4	[1] Chương 1. Trang 130-152.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8
6	<b>6. Sample sentences in translation</b>		
	6.1 Sample sentences 5	[1] Chương 1. Trang 166-191.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8
7	<b>7. Sample sentences in translation</b>		
	7.1 Sample sentences 6	[1] Chương 1. Trang 202-223.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8
8	<b>8. Sample sentences in translation</b>		
	8.1 Sample sentences 7	[1] Chương 1. Trang 231-255.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8
9	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		
	<b>9. Sample sentences in translation</b>		
	9.1 Sample sentences 8	[1] Chương 2. Trang 265-282	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
10	<b>10. Sample sentences in translation</b>		
	10.1 Sample sentences 9	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
11	<b>11. Translation practice</b>		
	11.1 Translation practice 1	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
12	<b>12. Translation practice</b>		
	12.1 Translation practice 2	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
13	<b>13. Translation practice</b>		

	13.1 Translation practice 3	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
14	<b>14. Translation practice</b>		
	14.1 Translation practice 4	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
15	<b>15. Translation practice</b>		
	15.1 Translation practice 5	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu.

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





### ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Biên Dịch 2

Mã học phần: 0101001856

#### 1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2      Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Biên Dịch 1

Học phần học trước: Biên Dịch 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

#### 2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

#### 3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

##### \* Về kiến thức

MT1: Trình bày các loại hình dịch trung cấp.

MT2: Xác định những khó khăn và thuận lợi của các hình thức dịch trung cấp.

MT3: Khái quát hóa các loại hình biên dịch tương đối phức tạp.

##### \* Về kỹ năng

MT4: Biên dịch Anh-Việt trình độ trung cấp.

MT5: Biên dịch Việt-Anh trình độ trung cấp.

MT6: Xử lý các tình huống biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh tương đối phức tạp

##### \* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.



#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001856	Biên dịch 2	0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	3	0	0	0	2
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	0				

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ trong biên dịch Anh-Việt trung cấp.	PO4
MT2	CO2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ trong biên dịch Việt-Anh trung cấp.	PO4
MT3	CO3	Ứng dụng các mẫu câu biên dịch tương đối phức tạp trong dịch thuật.	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Dịch các mẫu câu Anh-Việt, Việt-Anh tương đối phức tạp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT5	CO5	Biên dịch Anh-Việt trung cấp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT6	CO6	Biên dịch Việt-Anh trung cấp.	PO7, PO8, PO10, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO7	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO16
MT8	CO8	Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.	PO16

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các mẫu câu biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh trung cấp. Bên cạnh đó các em cũng sẽ được thực tập biên dịch song ngữ các nội dung cơ sở liên quan đến các tình huống đòi hỏi năng lực ngôn ngữ trình độ trung cấp để tạo tiền đề vững chắc khi bước vào học phần biên dịch 3.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.



**9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)**

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5 5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

**10. Học liệu**

**Tài liệu học tập**

[1] Minh Thu, Nguyễn Hòa, 2003, Luyện dịch Việt - Anh, Văn hóa thông tin.

**11. Nội dung chi tiết học phần**

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<b>1. Introduction</b>		
	1.1 Introduction to the course 1.2 General introduction to inter-mediate translation	[1] introduction	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
2	<b>2. Principles of translation</b>		
	2.1 Challenging words in translation 1	[1] Chương 1. Trang 23-63.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
3	<b>3. Principles of translation</b>		
	3.1 Challenging words in translation 2	[1] Chương 1. Trang 73-94.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
4	<b>4. Principles of translation</b>		
	4.1 Challenging words in translation 3	[1] Chương 1. Trang 111-130.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
5	<b>5. Principles of translation</b>		

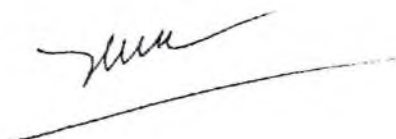
	5.1 Challenging words in translation 4	[1] Chương 1. Trang 130-152.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
6	<b>6. Principles of translation</b>		
	6.1 Challenging words in translation 5	[1] Chương 1. Trang 166-191.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
7	<b>7. Principles of translation</b>		
	7.1 Challenging words in translation 6	[1] Chương 1. Trang 202-223.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
8	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		
	<b>8. Principles of translation</b>		
	8.1 Challenging words in translation 7	[1] Chương 1. Trang 231-255.	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
9	<b>9. Principles of translation</b>		
	9.1 Challenging words in translation 8	[1] Chương 2. Trang 265-282	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
10	<b>10. Principles of translation</b>		
	10.1 Challenging words in translation 9	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
11	<b>11. Translation practice</b>		
	11.1 Translation practice 1	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
12	<b>12. Translation practice</b>		
	12.1 Translation practice 2	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
13	<b>13. Translation practice</b>		
	13.1 Translation practice 3	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
14	<b>14. Translation practice</b>		

	14.1 Translation practice 4	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8
15	<b>15. Translation practice</b>		
	15.1 Translation practice 5	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO2, CO4, CO05, CO6, CO7, CO8

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Phiên dịch 1**

Mã học phần: **0101001736**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **3**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Lý thuyết dịch**

Học phần học trước: **Lý thuyết dịch**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

\* Về kiến thức

MT1: Củng cố kiến thức về kỹ năng phiên dịch đuôi và các kỹ thuật cần thiết cho phiên dịch viên.

MT2: Xác định, phân tích và xây dựng nhận thức rõ ràng hơn về ngành nghề và các phẩm chất của phiên dịch viên.

MT3: Xác định các cấp độ và loại hình dịch

MT4: Xác định các thủ tục cần lưu ý trước, trong và sau khi phiên dịch.

MT5: Phân tích nội dung cần chuẩn bị từ lúc liên hệ ban đầu đến sau khi hoàn tất phiên dịch.

MT6: Hiểu rõ vai trò quan trọng của việc hiểu rõ thông điệp trong phiên dịch và các điều kiện cần thiết để có thể hiểu đúng thông điệp.

MT7: Thực hành đọc hiểu, nghe hiểu để nắm thông điệp, tổng hợp và tóm tắt thông tin chính.

MT8: Phân biệt các loại ghi nhớ.

MT9: Liệt kê, phân loại các kỹ thuật giúp ghi nhớ thông điệp trong phiên dịch đuôi. Đồng thời, áp dụng các kỹ thuật này trong phiên dịch đuôi.

MT10: Hiểu rõ các phẩm chất cần thiết để trở thành diễn giả trước đám đông tốt của phiên dịch viên. Thực hành kỹ năng diễn thuyết trước đám đông khi phiên dịch.

MT11: Xác định, phân tích và giải thích được các ý chính, ý phụ và mối liên quan giữa các ý trong một văn bản.

MT12: Xác định được vai trò ghi chú trong phiên dịch; nắm vững qui tắc ghi chú; sưu tầm các cách ghi chú thông dụng; tự đề xuất cách viết tắt hoặc ký hiệu để ghi chú khi dịch.

MT13: Hiểu rõ và ứng dụng được cách diễn giải thông điệp bằng ngôn ngữ đích.

MT14: Thực hành luyện trí nhớ (không ghi chép) với nhiều loại văn bản khác nhau.

MT15: Sử dụng được khoảng 1.000 từ vựng tích cực trong các hội thoại/phòng vấn ngắn xoay quanh các vấn đề về giáo dục, ngôn ngữ, sức khỏe, thương mại, dịch vụ và du lịch.

**\* Về kỹ năng**

MT16: Xử lý tình huống khi phiên dịch.

MT17: Phân tích và đánh giá một bài dịch nói ở hai phương diện ngôn ngữ và thái độ một cách cụ thể dựa trên tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

MT18: Dịch đuôi trong thực hành dịch hội thoại/phòng vấn ngắn và tương đối phức tạp.

MT19: Làm việc độc lập tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

MT20: Tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.

MT21: Sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) phù hợp trong phiên dịch và giao tiếp.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT22: Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết phiên dịch trong dịch thuật.

MT23: Nghiêm túc đối với môn học.

MT24: Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.

MT25: Thường xuyên trau dồi để sử dụng thành thạo các kỹ thuật phiên dịch.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001736	Phiên dịch 1	0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	0	2	0	0	0	2
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	0				



### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Củng cố kiến thức về kỹ năng phiên dịch đũa và các kỹ thuật cần thiết cho phiên dịch viên.	PO4
MT2	CO2	Xác định, phân tích và xây dựng nhận thức rõ ràng hơn về ngành nghề và các phẩm chất của phiên dịch viên.	PO4
MT3	CO3	Xác định các cấp độ và loại hình dịch.	PO4
MT4	CO4	Xác định các thủ tục cần lưu ý trước, trong và sau khi phiên dịch.	PO4
MT5	CO5	Phân tích nội dung cần chuẩn bị từ lúc liên hệ ban đầu đến sau khi hoàn tất phiên dịch.	PO4
MT6	CO6	Hiểu rõ vai trò quan trọng của việc hiểu rõ thông điệp trong phiên dịch và các điều kiện cần thiết để có thể hiểu đúng thông điệp.	PO4
MT7	CO7	Thực hành đọc hiểu, nghe hiểu để nắm thông điệp, tổng hợp và tóm tắt thông tin chính.	PO4, PO7
MT8	CO8	Phân biệt các loại ghi nhớ.	PO4
MT9	CO9	Liệt kê, phân loại các kỹ thuật giúp ghi nhớ thông điệp trong phiên dịch đũa. Đồng thời, áp dụng các kỹ thuật này trong phiên dịch đũa.	PO4
MT10	CO10	Hiểu rõ các phẩm chất cần thiết để trở thành diễn giả trước đám đông tốt của phiên dịch viên. Thực hành kỹ năng diễn thuyết trước đám đông khi phiên dịch.	PO4, PO9, PO8
MT11	CO11	Xác định, phân tích và giải thích được các ý chính, ý phụ và mối liên quan giữa các ý trong một văn bản.	PO4, PO8
MT12	CO12	Xác định được vai trò ghi chú trong phiên dịch; nắm vững qui tắc ghi chú; sưu tầm các cách ghi chú thông dụng; tự đề xuất cách viết tắt hoặc ký hiệu để ghi chú khi dịch.	PO4
MT13	CO13	Hiểu rõ và ứng dụng được cách diễn giải thông điệp bằng ngôn ngữ đích.	PO4; PO8



MT14	CO14	Thực hành luyện trí nhớ (không ghi chép) với nhiều loại văn bản khác nhau.	PO4; PO8
MT15	CO15	Sử dụng được khoảng 1.000 từ vựng tích cực trong các hội thoại/phòng vấn ngắn xoay quanh các vấn đề về giáo dục, ngôn ngữ, sức khỏe, thương mại, dịch vụ và du lịch.	PO4; PO10
<b>Kỹ năng</b>			
MT16	CO16	Xử lý tình huống khi phiên dịch.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT17	CO17	Phân tích và đánh giá một bài dịch nói ở hai phương diện ngôn ngữ và thái độ một cách cụ thể dựa trên tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT18	CO18	Dịch đuôi trong thực hành dịch hội thoại/phòng vấn ngắn và tương đối phức tạp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT19	CO19	Làm việc độc lập tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp	PO7, PO8, PO10, PO14
MT20	CO20	Tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT21	CO21	Sử dụng ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) phù hợp trong phiên dịch và giao tiếp.	PO7, PO8, PO10, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT22	CO22	Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết phiên dịch trong dịch thuật.	PO14
MT23	CO23	Nghiêm túc đối với môn học	PO14
MT24	CO24	Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.	PO14
MT25	CO25	Thường xuyên trau dồi để sử dụng thành thạo các kỹ thuật phiên dịch.	PO14

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần giới thiệu tổng quan về phiên dịch và dịch đuôi, một số điểm lý thuyết về phiên dịch và các loại hình phiên dịch, đặc biệt nhấn mạnh quy tắc đạo đức cần thiết đối với người phiên dịch. Phần lớn chương trình học tập trung thực hành các kỹ năng cơ bản của công việc phiên dịch: ghi nhớ, ghi chú, tóm tắt, diễn giải. Sinh viên thực hành dịch các câu hoặc các đoạn ngắn (Tiếng Anh và Tiếng Việt) có độ dài từ 30 giây đến 1 phút theo các chủ đề phổ biến (giáo dục, văn hoá, kinh tế, xã hội, khoa học ...).

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học mới.	CO1, CO2, ... CO25
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, ... CO25
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO16, ... CO25
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO22, ... CO25

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa kì
- Tham dự thi kết thúc học phần

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO22, ... CO25	5 5
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, ... CO25	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, ... CO25	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh*. NXB Tổng hợp TP HCM.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thành Yên (2003). *Thực hành phiên dịch Anh-Việt – Việt-Anh*. NXB Tp. Hồ Chí Minh.

[3] Nolan, J. (2005). *Interpretation: Techniques and Exercises* Clevedon: Multilingual Matters Ltd.

[4] Lucas, S. E. (2003). *The Art of Public Speaking* (9th ed.): McGraw-Hill.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Lesson 1: Orientation and Introduction to Interpreting		CO1, CO2
2	Lesson 2: Levels and Types of Interpreting		CO3, CO22, CO23, CO24, CO25
3	Lesson 3: The Criteria, Rules and Codes of Ethics		CO2, CO22, CO23, CO24, CO25
4, 5	Lesson 4: The Cycle of Interpreting - The process of Interpreting - Factors to Interpreting - Challenges in Interpreting		CO4, CO5, CO16, CO17, CO22, CO23, CO24, CO25
6	Lesson 5: Comprehension in Interpreting and Review Listening Comprehension Skills		CO6, CO7, CO8, CO15, CO16, CO17, CO22, CO23, CO24, CO25
7, 8	Lesson 6: Message analysis		CO6, CO7, CO11, CO13, CO22, CO23, CO24, CO25
9	Revision & Midterm Test		CO18, CO19, CO20, CO21, CO22, CO23, CO24, CO25
10, 11	Lesson 7: Memory in Interpreting		CO8, CO9, CO14, CO15, CO22, CO23, CO24, CO25
12, 13	Lesson 8: Note-taking		CO12, CO22, CO23, CO24, CO25

14	Lesson 9: Interpreters As Public Speakers		CO10, CO22, CO23, CO24, CO25
15	Revision for the Final Exam		CO1, CO2, ... CO25

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Giáo trình, máy chiếu, loa, laptop

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**Th.S Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ/CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Phiên dịch 2 (Interpretation 2)**

Mã học phần: **0101001857**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2** Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Phiên dịch 1

**Học phần học trước:** Phiên dịch 1

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh:

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

\* Về kiến thức

MT1: Phân tích nội dung cần chuẩn bị phiên dịch.

MT2: Hiểu rõ các yếu tố chính của Tiếng Anh khẩu ngữ để hiểu đúng và dịch thông điệp trong các mẫu hội thoại/ phỏng vấn một cách đầy đủ, đúng và tự nhiên.

MT3: Hiểu rõ các mức độ trang trọng trong tiếng Anh để dịch thông điệp cho phù hợp.

MT4: Thực hành đọc hiểu, nghe hiểu để nắm thông điệp, tổng hợp và tóm tắt thông tin chính.

MT5: Thực hành các kỹ thuật giúp ghi nhớ thông điệp trong phiên dịch đuôi (không và có ghi chú).

MT6: Thực hành kỹ năng diễn thuyết trước đám đông khi phiên dịch.

MT7: Xác định, phân tích và giải thích được các ý chính, ý phụ và mối liên quan giữa các ý trong một văn bản.

MT8: Xác định và sử dụng được các nhân tố hỗ trợ phiên dịch đuôi: thành ngữ, từ có liên quan, từ đồng nghĩa, và ghi chú.

MT9: Xác định được vai trò ghi chú trong phiên dịch; nắm vững qui tắc ghi chú; sưu tầm các cách ghi chú thông dụng; tự đề xuất cách viết tắt hoặc ký hiệu để ghi chú khi dịch.

MT10: Phân biệt các cách xưng hô trong tiếng Anh và tiếng Việt.



MT11: Sử dụng được khoảng 2.000 từ vựng tích cực trong các hội thoại/phòng vấn dài từ 5-7 phút xoay quanh các vấn đề về giáo dục, ngôn ngữ, sức khỏe, thương mại, dịch vụ và du lịch.

**\* Về kỹ năng**

MT12: Xử lý tình huống khi phiên dịch.

MT13: Phân tích và đánh giá một bài dịch nói ở hai phương diện ngôn ngữ và thái độ một cách cụ thể dựa trên tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

MT14: Dịch đuổi trong thực hành dịch hội thoại/phòng vấn ngắn và tương đối phức tạp.

MT15: Làm việc độc lập tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

MT16: Tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.

MT17: Ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) trong phiên dịch và giao tiếp.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT18: Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết phiên dịch trong dịch thuật.

MT19: Nghiêm túc đối với môn học

MT20: Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.

MT21: Thường xuyên trau dồi để sử dụng thành thạo các kỹ thuật phiên dịch.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001857	Phiên dịch 2	0	0	0	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	3	0	0	0	2
		PO15	PO16	PO17	0	2	0	

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Phân tích nội dung cần chuẩn bị phiên dịch	PO4, PO8
MT2	CO2	Hiểu rõ các yếu tố chính của Tiếng Anh khẩu ngữ để hiểu đúng và dịch thông điệp trong các mẫu hội thoại/ phòng vấn một cách đầy đủ, đúng và tự nhiên.	PO4, PO8
MT3	CO3	Hiểu rõ các mức độ trang trọng trong tiếng Anh để dịch thông điệp cho phù hợp.	PO4, PO7, PO8
MT4	CO4	Thực hành đọc hiểu, nghe hiểu để nắm thông điệp, tổng hợp và tóm tắt thông tin chính.	PO4, PO7

MT5	CO5	Thực hành các kỹ thuật giúp ghi nhớ thông điệp trong phiên dịch đuôi (không và có ghi chú).	PO4
MT6	CO6	Thực hành và củng cố kỹ năng diễn thuyết trước đám đông khi phiên dịch.	PO4, PO9
MT7	CO7	Xác định, phân tích và giải thích được các ý chính, ý phụ và mối liên quan giữa các ý trong một văn bản.	PO4, PO8
MT8	CO8	Xác định và sử dụng được các nhân tố hỗ trợ phiên dịch đuôi: thành ngữ, từ có liên quan, từ đồng nghĩa, và ghi chú.	PO4
MT9	CO9	Xác định được vai trò ghi chú trong phiên dịch; nắm vững qui tắc ghi chú; sưu tầm các cách ghi chú thông dụng; tự đề xuất cách viết tắt hoặc ký hiệu để ghi chú khi dịch.	PO4
MT10	CO10	Phân biệt các cách xưng hô trong tiếng Anh và tiếng Việt.	PO4
MT11	CO11	Sử dụng được khoảng 2000 từ vựng tích cực trong các hội thoại/phòng vấn xoay quanh các vấn đề về giáo dục, ngôn ngữ, sức khỏe, thương mại, dịch vụ và du lịch.	PO4, PO10
<b>Kỹ năng</b>			
MT12	CO12	Xử lý tình huống khi phiên dịch.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT13	CO13	Phân tích và đánh giá một bài dịch nói ở hai phương diện ngôn ngữ và thái độ một cách cụ thể dựa trên tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT14	CO14	Dịch đuôi trong thực hành dịch hội thoại/phòng vấn ngắn và tương đối phức tạp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT15	CO15	Làm việc độc lập tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT16	CO16	Tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT17	CO17	Ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) trong phiên dịch và giao tiếp.	PO7, PO8, PO10, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT18	CO18	Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết phiên dịch trong dịch thuật.	PO16
MT19	CO19	Nghiêm túc đối với môn học.	PO16
MT20	CO20	Ý thức được trách nhiệm của mình với	PO16



		công việc được phân công.	
MT21	CO21	Thường xuyên trau dồi để sử dụng thành thạo các kỹ thuật phiên dịch.	PO16

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Phiên Dịch 2 giúp sinh viên lĩnh hội và thực hành một số kỹ thuật phiên dịch cơ bản như nghe hiểu, ghi chép, tóm tắt văn bản, ghi tốc ký, kỹ năng ghi nhớ, thuyết trình trước công chúng, giải quyết các tình huống nghề nghiệp bất ngờ có thể xảy ra và trau dồi vốn tiếng Anh lẫn tiếng Việt thông qua thực hành phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh trên lớp và bài tập ở nhà các đoạn ngắn (Tiếng Anh và Tiếng Việt) có độ dài 2-3 phút với các chủ đề đa dạng như bài giảng ngắn, các bài diễn văn và thuyết minh du lịch nhằm giúp sinh viên hình thành thái độ có chọn lọc và mang tính xây dựng đối với các giá trị về học thuật lẫn kinh tế - xã hội. Ngoài ra, thông qua khoá học này sinh viên được nâng cao ý thức về khác biệt văn hóa, tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và tác phong chuyên nghiệp cần có đối với người phiên dịch.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học mới.	CO1, CO2, ... CO17
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, ... CO21
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO12, CO13, ... CO21
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO18, CO19, CO20, CO21

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa kì
- Tham dự thi kết thúc học phần

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO18, CO19, CO20, CO21	5
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, ...CO21	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, ...CO21	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh*. NXB Tổng hợp TP HCM.

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thành Yên (2003). *Thực hành phiên dịch Anh-Việt – Việt-Anh*. NXB Tp. Hồ Chí Minh.

[3] Nolan, J. (2005). *Interpretation: Techniques and Exercises* Clevedon: Multilingual Matters Ltd.

[4] Rozan, J. F. (2005). *Note-taking in Consecutive Interpreting: Tertium*, Cracow.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Lesson 1: Review the Cycle of Interpreting		CO1, CO18, CO19, CO20, CO21
2, 3	Lesson 2: Elements of Spoken Languages - Stress - Pronunciation - Intonation - Rhythm - Word Order		CO2, CO4, CO18, CO19, CO20, CO21
4	Lesson 3: Formality		CO3, CO10 CO18, CO19, CO20, CO21
5, 6	Lesson 4: Supporting Factors for Better Interpretation - Synonyms - Idioms		CO7, CO8 CO18, CO19, CO20, CO21



	- Collocations		
7, 8	Lesson 5: Paraphrasing and Reformulation		CO2, CO4 CO18, CO19, CO20, CO21
9	Revision & Midterm Test		
10	Lesson 6: Note Taking		CO8, CO9 CO18, CO19, CO20, CO21
11	Lesson 7: Simplification		CO4, CO7 CO18, CO19, CO20, CO21
12	Lesson 8: Memory Training in Context: Interviews _Narrative		CO5, CO6, CO11, CO12, CO13, CO14, CO15, CO16, CO17 CO18, CO19, CO20, CO21
13	Lesson 9: Memory Training In Context: Interviews _Descriptive		CO6, CO11, CO12, CO13, CO14, CO15, CO16, CO17 CO18, CO19, CO20, CO21
14	Lesson 10: Memory Training in Context: Interviews _Argumentative		CO6, CO11, CO12, CO13, CO14, CO15, CO16, CO17 CO18, CO19, CO20, CO21
15	Revision for the Final Exam		

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Giáo trình, máy chiếu, loa, laptop

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**Th.S Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học  
Mã học phần: 0101000123  
Thông tin về học phần  
Số tín chỉ: 3  
Tổng số tiết quy chuẩn: 60  
Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 0	P 30	O 0	60 + 120 = 180

Loại học phần: **Bắt buộc**  
Học phần tiên quyết: **Viết 4**  
Học phần học trước: **Không**  
Học phần học song hành: **Không**  
Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt  Tiếng Anh:**   
Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

2. Thông tin về các giảng viên giảng dạy: **Khoa Ngoại ngữ**

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

Sau khi hoàn thành học phần Phương Pháp Nghiên Cứu Khoa Học (NCKH), sinh viên có thể:

**3.1 Kiến thức:**

- MT1: Xây dựng đề cương NCKH.
- MT2: Vận dụng các loại hình nghiên cứu để triển khai một đề tài NCKH.
- MT3: Trình bày các bước tiến hành NCKH.

**3.2 Kỹ năng:**

- MT4: Rèn luyện tư duy lập luận logic, khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu trong viết bài báo cáo khoa học.
- MT5: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.
- MT6: Thực hiện đề tài NCKH ở cấp độ NCKH của sinh viên (phù hợp với chuyên ngành ngôn ngữ và xã hội).

### 3.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

MT7: Nhận thức đúng về vai trò của môn học trong học tập, nghiên cứu và làm việc sau này.

MT8: Hình thành niềm đam mê NCKH.

MT9: Ý thức thực hiện nghiêm túc qui định đạo đức của người NCKH.

### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp

1 = Mức thấp

2 = Mức trung bình

3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101000123	Phương pháp NCKH	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	3	3	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	0				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Xây dựng đề cương NCKH dựa trên kiến thức tổng quát về phương pháp NCKH.	PO4, PO7
MT2	CO2	Vận dụng các phương pháp NCKH để triển khai một đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ tiếng Anh nói riêng và khoa học xã hội nói chung.	PO4, PO7
MT3	CO3	Trình bày các bước tiến hành NCKH.	PO4, PO7
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Rèn luyện tư duy lập luận logic; khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu trong viết bài báo cáo khoa học.	PO11, PO12, PO13
MT5	CO5	Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	PO11, PO12, PO13
MT6	CO6	Thực hiện đề tài NCKH ở cấp độ NCKH của sinh viên (phù hợp với chuyên ngành ngôn ngữ và xã hội).	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO16
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			

<b>Mục tiêu HP</b>	<b>CDR của HP</b>	<b>Nội dung CDR của học phần</b> Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	<b>CDR của CTĐT</b>
MT7	CO7	Nhận thức đúng về vai trò của môn học trong học tập, nghiên cứu và làm việc sau này.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO16
MT8	CO8	Hình thành niềm đam mê NCKH.	PO11, PO12, PO13
MT9	CO9	Ý thức thực hiện nghiêm túc quy định đạo đức của người NCKH.	PO11, PO12, PO13

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Phương pháp NCKH là học phần bắt buộc nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh những kiến thức cơ bản về phương pháp luận NCKH để phục vụ nhu cầu học tập và làm nghiên cứu ở bậc đại học; hướng dẫn sinh viên cách chọn đề tài; cách viết đề cương một NCKH, cách trình bày một báo cáo NCKH theo quy định về mặt ngôn ngữ và thông tin, cách trích dẫn tài liệu tham khảo, và viết đề mục sách tham khảo.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

<b>Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Mục đích</b>	<b>CDR của HP đạt được</b>
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học trong viết bài NCKH	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.

- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

### 9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO7, CO8	10
2	Bài tập nhóm	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
2	Bài kiểm giữa kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
3	Thi kết thúc HP - Viết 1 đề cương NCKH	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Brown, D. J. (2002). *Understanding Research in Second Language Learning*. Cambridge: Cambridge University Press.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nunan, D. (1994). *Research Methods in Language Learning*. Cambridge: Cambridge University Press.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Chương trình học được phân bổ trong 10 tuần, 2 buổi/tuần, 3 tiết/buổi, 45 phút/tiết, cụ thể như sau:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<b>Unit 1</b> <b>What is research?</b>	[1] Unit 1 Trang 1 - 6	CO1, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	- Types of research - Characteristics of statistical research - The value of statistical research		
	<b>Unit 2</b> <b>Variables</b>	[1] Unit 2 Trang 7 - 18	CO1, CO2, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	- How variables fit into research - Different types of variables - The relationship among variables - Important caveats		
2	<b>Unit 3</b> <b>Data organization</b>	[1] Unit 3 Trang 20 – 28	CO1, CO2, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	- Levels of measurements - Four types of scales - Scales can be slippery - Practical considerations		
	<b>Unit 5</b> <b>Critiquing statistical studies</b>	[1] Unit 5 Trang 43 - 62	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	- Abstract - Introduction - Method - The sections so far: a review - Results - Discussion/conclusions - References - Appendixes - Overall merits of a study		
3	<b>Unit 6</b> <b>The group and the individuals</b>	[1] Unit 6 Trang 63 - 74	

VA  
TRƯỜNG  
HỌC  
CẦN THƠ  
★



Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Frequency</li> <li>- Central tendency</li> <li>- Dispersion</li> </ul>		CO1, CO2, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	<b>Unit 8</b> <b>Statistics for testing</b>	[1] Unit 8 Trang 95 - 107	CO1, CO2, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Preliminary considerations</li> <li>- Test consistency</li> <li>- Test validity</li> <li>- Importance of testing statistics</li> </ul>		
4	<b>Unit 9</b> <b>Statistical logic</b>	[1] Unit 9 Trang 108 - 125	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stage 1: focusing on study</li> <li>- Stage 2: Sampling</li> <li>- Stage 3: setting up statistical decisions</li> <li>- Stage 4: necessary considerations</li> <li>- Stage 5: Statistical decisions</li> <li>- Related analyses</li> </ul>		
	<b>Unit 10</b> <b>Correlation</b>	[1] Unit 10 Trang 154 - 181	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stage 1: focusing on study</li> <li>- Stage 2: Sampling</li> <li>- Stage 3: setting up statistical decisions</li> <li>- Stage 4: necessary calculations</li> <li>- Stage 5: Statistical decisions</li> <li>- Related analyses</li> </ul>		
5	<b>Unit 11</b> <b>Comparing means</b>	[1] Unit 11 Trang 154 - 181	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Stage 1: focusing on study</li> <li>- Stage 2: Sampling</li> <li>- Stage 3: setting up statistical decisions</li> <li>- Stage 4: necessary calculations</li> <li>- Stage 5: Statistical decisions</li> <li>- Related analyses</li> </ul>		
	Revision + Mid-term exam		

<b>Tuần</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài liệu</b>	<b>CDR của HP</b>
<b>6</b>	Practice - Research orientation and topic selection		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	Practice - Identifying research questions and hypotheses (if any)		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
<b>7</b>	Practice - Identifying research methods		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	Practice - Designing research instruments		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
<b>8</b>	Practice - Identifying the required content and typical structure of a research proposal		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	Practice - Writing a research proposal		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
<b>9</b>	Practice - Writing a research proposal		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	Practice - Writing a research proposal		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
<b>10</b>	Thực hành - Proposal correction and submission		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
	Course revision		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9

*Ghi chú: Sinh viên tham khảo thêm các bài 4, 7, 12, 13 trong giáo trình chính.*

## **12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

Yêu cầu đối với sinh viên	- Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp. - Hoàn thành các bài tập về nhà được giao.
Quy định về tham dự lớp	- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.

Quy định về hành vi trong lớp học	- Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.
Các quy định khác	- Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết).

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2

**Mã học phần:** 0101001687

**1. Thông tin về học phần**

**Số tín chỉ:** 2      **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

**Phân bổ thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	15	0	30	0	45+90 = 135

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

• **Về kiến thức**

MT1: Trình bày được các khái niệm và nội dung chủ yếu của những học thuyết về quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, và ảnh hưởng của chúng đối với các xu hướng dạy học ngoại ngữ.

MT2: Hiểu được các yếu tố tác động đến sự hình thành và tiếp thu ngôn ngữ, từ đó nhận định và giải thích các nguyên nhân liên quan đến kết quả học tập tiếng Anh của học sinh

MT3: Vận dụng được các nguyên lý tiếp thu ngôn ngữ thứ hai được trình bày trong môn học này vào việc giảng dạy tiếng Anh.

• **Về kỹ năng**

MT4: Quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan đến lớp học và các yếu tố nội tại/ngoại tại gây ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu ngôn ngữ của mỗi học sinh; làm cơ sở để giải quyết các tình huống trong giảng dạy và thiết kế hoạt động học tập hỗ trợ học sinh.



MT5: Tự quan sát, đánh giá quá trình tiếp thu/học Tiếng Anh của bản thân và lập kế hoạch học tập cho mình.

MT6: Điều chỉnh được hành vi và cách ứng xử của bản thân khi làm việc tập thể; thuyết trình, đàm phán và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

MT7: Tìm và xử lý thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để nâng cao trình độ và ứng dụng vào việc giảng dạy.

• **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Lắng nghe, tiếp thu và tích cực tham gia xây dựng bài học.

MT9: Tích lũy, bồi dưỡng quan điểm cá nhân và thể hiện ý kiến một cách tự tin, rõ ràng.

MT10: Tự tin khi làm việc độc lập; hợp tác hiệu quả với cộng đồng; dùng biện pháp tích cực để giải quyết vấn đề.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001687	Quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2	0	0	0	3	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	0	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Trình bày được các khái niệm và nội dung quan yếu của những học thuyết về quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, và ảnh hưởng của chúng đối với các xu hướng dạy học ngoại ngữ.	PO4
MT2	CO2	Hiểu được các yếu tố tác động đến sự hình thành và tiếp thu ngôn ngữ, từ đó nhận định và giải thích các nguyên nhân liên quan đến kết quả học tập tiếng Anh của học sinh	PO4

MT3	CO3	Vận dụng được các nguyên lý tiếp thu ngôn ngữ thứ hai được trình bày trong môn học này vào việc giảng dạy tiếng Anh.	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Quan sát, so sánh, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan đến lớp học và các yếu tố nội tại/ngoại tại gây ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu ngôn ngữ của mỗi học sinh; làm cơ sở để giải quyết các tình huống trong giảng dạy và thiết kế hoạt động học tập hỗ trợ học sinh.	PO8
MT5	CO5	Tự quan sát, đánh giá quá trình tiếp thu/học Tiếng Anh của bản thân và lập kế hoạch học tập cho mình.	PO8, PO17
MT6	CO6	Điều chỉnh được hành vi và cách ứng xử của bản thân khi làm việc tập thể; thuyết trình, đàm phán và làm việc nhóm một cách hiệu quả.	PO8
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO7	Lắng nghe, tiếp thu và tích cực tham gia xây dựng bài học.	PO8
MT8	CO8	Tích lũy, bồi dưỡng quan điểm cá nhân và thể hiện ý kiến một cách tự tin, rõ ràng.	PO8
MT9	CO9	Tự tin khi làm việc độc lập; hợp tác hiệu quả với cộng đồng; dùng biện pháp tích cực để giải quyết vấn đề.	PO8, PO17
MT10	CO10	Có tác phong chuyên nghiệp, hành động mẫu mực, nhất quán, thái độ nhã nhặn với mọi người.	PO8

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học giúp người học nắm được cơ bản quá trình tiếp thu ngôn ngữ mẹ đẻ cũng như ngôn ngữ thứ hai. Nắm bắt được những yếu tố ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu. Giải thích rõ lý do thành công trong học ngôn ngữ.



## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6,	10

				CO7, CO8, CO9,CO10	
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Ortega, L. (2013). *Understanding second language acquisition*. New York Routledge [418 O77]

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Brown, G., Malmkjær, K., & Williams, J. (Eds.). (1996). *Performance and competence in second language acquisition*. Cambridge University Press.

[3] Reid, J. M. (1995). *Learning Styles in the ESL/EFL classroom*. Heinle & Heinle publishers, 1995

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Chapter 1 Introduction	Trang 1-11	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
2	Chapter 2: Age	Trang 12-30	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
3	Chapter 3: Crosslinguistic influences	Trang 31-54	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
4	Chapter 4: Linguistic environment	Trang 55-70	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
5	Chapter 4: Linguistic environment (cont)	Trang 71-81	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
6	Chapter 5: Cognition	Trang 82-109	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
7	Chapter 6: Learner Language Development	Trang 110-120	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8,

ĐẠO TẠO



			CO9,CO10
8	<b>Chapter 6: Learner Language Development (cont)</b>	Trang 121-144	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
9	<b>Mid-Term Exam</b>		CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
10	<b>Chapter 7: Aptitude</b>	Trang 145-167	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
11	<b>Chapter 8 Motivation</b>	Trang 168-191	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
12	<b>Chapter 9: Affect</b>	Trang 192-215	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
13	<b>Chapter 10: Social dimension of Second Language Learning</b>	Trang 216-230	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
14	<b>Chapter 10: Social dimension of Second Language Learning (cont)</b>	Trang 231-254	CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10
15	<b>Final exam</b>		CO1, CO2, CO3,CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9,CO10

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**

**CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** Văn hóa xã hội các nước nói tiếng Anh

**Mã số học phần :** 0101001854

**1. Thông tin học phần:**

**Số tín chỉ học phần:** 02 tín chỉ

**Số tiết học phần:** 30 tiết lý thuyết

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Khái quát hóa các khía cạnh văn hóa khác nhau của các quốc gia nói Tiếng Anh.

MT2: Phân tích và đánh giá các đặc điểm văn hóa của mỗi quốc gia.

MT3: Định lượng sự phổ biến của Tiếng Anh trên quy mô toàn cầu.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Đối chiếu và phân tích những khía cạnh văn hóa giữa các quốc gia nói Tiếng Anh.

MT5: Xây dựng khả năng suy luận và phân tích về văn hóa của các quốc gia nói tiếng Anh.

MT6: Thực hành kỹ năng thuyết trình để thuyết phục người nghe.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Phát triển khả năng tự học thông qua tham gia các hoạt động học ngoại khóa.

MT8: Áp dụng tinh thần chuyên tâm, tích cực, và đam mê vào quá trình học tập.

MT9: Tham gia tích cực và đóng góp ý kiến xây dựng trong mọi hoạt động học tập.

MT10: Hình thành khả năng tự giác trong việc tìm hiểu tài liệu học trước khi đến lớp.

**Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
	Văn Hoá Các Nước	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	0	0	3	0
	Nói Tiếng Anh.	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	3	0	3	3	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		2	0	0				

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT8, MT9, MT10,	CO1	Cung cấp kiến thức về các khía cạnh văn hóa của các nước nói tiếng Anh	PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
MT2, MT8, MT9, MT10,	CO2	Kiến thức về các đặc trưng văn hóa của mỗi nước	PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
MT3, MT8, MT9, MT10,	CO3	Tạo cơ hội phát triển nhận thức về sự khác biệt về văn hóa các quốc gia	PO6, PO9, PO11, PO12, PO13
<b>Kỹ năng</b>			
MT5, MT8, MT9, MT10	CO4	Tạo cơ hội phát triển kỹ năng tiếp cận văn hóa nước ngoài	PO7, PO8, PO11, PO13, PO17
MT1, MT2, MT3, MT4, MT6, MT7, MT8, MT9, MT10	CO5	Phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa và phát triển tự tin trong giao tiếp với người nước ngoài nói tiếng Anh	PO4, PO5, PO6, PO7, PO8, PO12, PO13
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT9, MT10	CO6	Sinh viên rèn luyện tính chuyên cần, chăm chỉ, tích cực, say mê học tập.	PO15

MT9, MT10	CO7	Sinh viên có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp	PO15
MT10	CO8	Sinh viên chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà.	PO15

### 5. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học nhằm cung cấp kiến thức về các khía cạnh văn hóa của các nước nói tiếng Anh, kiến thức về các đặc trưng văn hóa của mỗi nước nhằm tạo cơ hội phát triển nhận thức về sự khác biệt về văn hóa các quốc gia cũng như tạo cơ hội phát triển kỹ năng tiếp cận văn hóa nước ngoài, và cơ hội phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa.

### 6. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 8. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		
3	Thi giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

### 10. Học liệu

[1] Falk, R. (1993). Spotlight in the United States. OUP

[2] Crowther, J., & Kavanagh, K. (2005). Guide to British and American Culture for learners of English. Oxford University Press

### 11. Nội dung chi tiết học phần

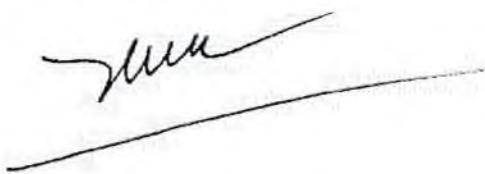
Tuần	Chủ đề	Nội dung	Số tiết LT	CDR của HP
1	<b>Chủ đề 1.</b>	<b>Giới thiệu về môn học</b>	3	
	1.1	Ý nghĩa của sự hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	1.2	Phương pháp dạy và học văn hóa các nước nói tiếng Anh		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	<b>Chủ đề 2</b>	<b>Tiếng Anh được nói ở đâu?</b>	3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	<b>Chủ đề 3</b>	<b>Các nước nói tiếng Anh bản ngữ</b>		
3	3.1.1	Vương Quốc Anh (Truyền thông, phong tục và nghi thức)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
4	3.1.2.	Vương Quốc Anh (các nhân vật lịch sử quan trọng, hệ thống chính trị và giai cấp, giáo dục, và thể thao)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
5	3.2.1	Hoa Kỳ (Truyền thông, phong tục và nghi thức)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
6	3.2.2.	Hoa Kỳ (Các ngày lễ, ẩm thực, tiếng Anh-Mỹ)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
7	3.3.1	Australia (Thờ dân Úc bản địa và Nghệ thuật, hệ thực vật và động vật)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8

8	3.3.2.	Australia (Lối sống Úc, giáo dục)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
9	3.4	New Zealand (sự khám phá ra vùng đất New Zealand)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
	<b>Chủ đề 4</b>	<b>Các nước nói tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai</b>		
10	4.1	Singapore (Văn hóa và lịch sử các mối quan hệ dân tộc, đô thị hóa và phát triển kinh tế)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
11	4.2	Ấn Độ (Vai trò của gia đình, nghi thức, phong tục)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
12	4.3	Nam Phi (Đất nước và con người)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
	<b>Chủ đề 5</b>	<b>Các nước nói tiếng Anh như một ngoại ngữ</b>		
13	5.1	Hàn Quốc (Đất nước và con người)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
14	5.2	Nhật Bản (Đất nước và con người)	3	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO8
15	<b>Chủ đề 6</b>	<b>Ôn tập</b>	3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Máy tính cá nhân, giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: Thực tế ngoài trường

Mã học phần: 0101001855

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Thể hiện được thực trạng các vấn đề văn hóa, xã hội trong quá trình thực tế.

**\* Về kỹ năng**

MT2: Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ để thể hiện các vấn đề văn hóa, xã hội.

MT3: Tóm lược các đặc điểm về văn hóa xã hội quan sát được trong quá trình thực tế.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Nhận thức được trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ các giá trị văn hóa, xã hội của đất nước.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao



Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101001855	Thực tế ngoài trường	0	0	0	0	0	3	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	3	0	3	2	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		3	0	0				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Liên kết các kiến thức về ngôn ngữ và văn hóa, xã hội trong quá trình thực tế.	PO6
<b>Kỹ năng</b>			
MT2	CO2	Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ để thể hiện các vấn đề văn hóa, xã hội.	PO6, PO9, PO12
MT3	CO3	Tóm lược các đặc điểm về văn hóa xã hội quan sát được trong quá trình thực tế.	PO6, PO9, PO12
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT4	CO4	Nhận thức được trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ các giá trị văn hóa, xã hội.	PO15

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về văn hóa và con người ở một số địa phương để hiểu hơn về văn hóa và con người Việt Nam.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Quan sát, tìm hiểu thực tế	Thông qua việc tham gia các chuyên đi thực tế, sinh viên quan sát và nắm bắt được các thông tin về văn hóa, con người ở các địa phương	CO1, CO2, CO3, CO4



Hoạt động nhóm	Nhằm tạo trải nghiệm cho sinh viên với bạn cùng lớp	CO1, CO2, CO3, CO4
Viết bài thu hoạch	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham gia chuyến thực tế (Đối với SV không thể tham gia vì lí do sức khỏe hoặc kinh tế có thể viết đơn xin không tham gia chuyến thực tế có xác nhận của gia đình).
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động nhóm trong suốt chuyến đi.
- Viết bài thu hoạch.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

#### - Đối với sinh viên đi thực tế

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Tham gia chuyến đi thực tế	20	Tham dự đầy đủ các hoạt động trong chuyến đi	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Video clip về các kiến thức thu thập trong chuyến đi	20	- Chất lượng video clip - Khả năng ngôn ngữ trong các nội dung truyền tải	CO1, CO2, CO3, CO4	10
3	Viết bài thu hoạch	60	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4	10

#### - Đối với sinh viên không đi thực tế

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Quay video clip	40	Quay một video clip ngắn (từ 5 đến 7 phút) thuyết minh giới thiệu một địa điểm du lịch hoặc di tích lịch sử (bằng tiếng Anh)	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Viết bài thu hoạch	60	Bài thu hoạch (bài luận nêu cảm nghĩ bản thân về địa điểm đã giới thiệu)	CO1, CO2, CO3, CO4	10



## 10. Học liệu

- Các nguồn tài liệu được cung cấp tại các địa điểm thực tế do các đơn vị địa phương xác nhận.
- Các nguồn tài liệu tham khảo đến từ nguồn thư viện sách báo, các nguồn tài liệu online của nhà trường, các đơn vị cung cấp thông tin uy tín.

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp – Ngôn ngữ Anh

Mã học phần: 0101002362

Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 4

Tổng số tiết quy chuẩn: 120

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	120	0	120 + 240 = 360

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết:

Học phần học trước:

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ - Đại học Nam Cần Thơ

### 2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ – Trường Đại học Nam Cần Thơ

### 3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

#### \* Về kiến thức

MT1: Đánh giá được các khía cạnh của môi trường làm việc liên quan đến chuyên ngành tại các tổ chức/công ty/doanh nghiệp.

#### \* Về kỹ năng

MT2: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành để hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại đơn vị thực tập.

MT3: Đánh giá được thực trạng công việc tại nơi thực tập từ đó đưa ra các hướng đề xuất xử lý.

MT4: Thiết lập được các kế hoạch làm việc để nâng cao hiệu quả, chất lượng công việc.



**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**MT5:** Nhận thức được trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ các phẩm chất chính trị, yêu nghề.

**MT6:** Nhận thức được trách nhiệm trong việc đảm bảo nâng cao chất lượng công việc.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101002362	Thực tập tốt nghiệp – Ngôn ngữ Anh	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	3	3	3	0
		PO15	PO16	PO17				
3	3	0						

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Ứng dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào môi trường làm việc hiệu quả.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16
<b>Kỹ năng</b>			
MT2	CO2	Vận dụng các kỹ năng ngôn ngữ chuyên môn vào quá trình thực tập.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16
MT3	CO3	Mô tả các vấn đề tồn tại tại đơn vị thực tập.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16
MT4	CO4	Đề xuất các giải pháp để xử lý vấn đề tồn tại cho đơn vị thực tập.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16

MT5	CO5	Lập được thời gian biểu làm việc phù hợp với nhiệm vụ tại đơn vị thực tập.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16
MT6	CO6	Phát triển được khả năng làm việc nhóm, báo cáo, phản biện	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO7	Rèn luyện thái độ làm việc chuẩn mực.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16
MT8	CO8	Có ý thức trách nhiệm phục vụ xã hội và xây dựng tác phong trung thực.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO13, PO15, PO16

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực tập tốt nghiệp – Ngôn ngữ Anh được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có điều kiện áp dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành tiếng Anh trong quá trình học tập vào thực tế môi trường làm việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước. Thông qua học phần Thực tập tốt nghiệp, sinh viên được mong đợi sẽ có kinh nghiệm để hoàn thiện kỹ năng chuyên môn, nhận thức được thực trạng môi trường làm việc, từ đó tìm kiếm được công việc và hoàn thành hiệu quả theo năng lực bản thân.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thực tập	Nắm được các quy trình hoạt động tại các đơn vị cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Phân tích được các tình huống sử dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực tế làm việc.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Hỏi đáp	Gợi mở những kiến thức có sẵn của sinh viên, thúc đẩy suy nghĩ tìm kiếm câu trả lời phù hợp với hoàn cảnh/tình huống thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

<b>Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học</b>	<b>Mục đích</b>	<b>CĐR của HP đạt được</b>
Báo cáo	Nâng cao năng lực viết báo cáo, tổng hợp kiến thức, phản biện thông qua các tình huống nghề nghiệp cụ thể.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Đọc, tổng hợp tài liệu tham khảo	Phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu để sinh viên có thể cải thiện chất lượng công việc của bản thân.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Thực tập tại các cơ sở và tuân thủ các quy định, quy trình tại đơn vị thực tập.
- Ghi nhận, tổng hợp các vấn đề xảy ra tại cơ sở theo sự hướng dẫn của cán bộ làm việc tại đơn vị thực tập.
- Nghiên cứu, tổng hợp tài liệu để hiểu rõ/khắc phục các vấn đề trong quá trình làm việc tại đơn vị thực tập.
- Thảo luận nhóm/thuyết trình cho giảng viên/cán bộ hướng dẫn.
- Viết bài báo cáo quá trình thực tập cho giảng viên/cán bộ hướng dẫn.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

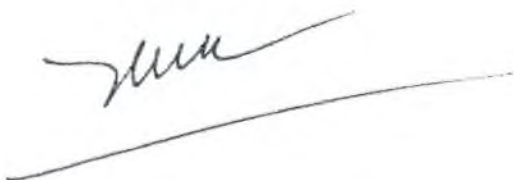
- Đối với sinh viên đi thực tế

<b>TT</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Trọng số (%)</b>	<b>Tiêu chí đánh giá</b>	<b>CĐR của HP</b>	<b>Điểm tối đa</b>
1	Chăm điểm báo cáo	50	Theo hướng dẫn chăm của Bộ môn/Khoa phụ trách. Theo đánh giá/nhận xét từ giảng viên/cán bộ hướng dẫn trong quá trình thực tập.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
2	Vấn đáp	50	- Theo hướng dẫn của Bộ môn/Khoa phụ trách. - Trả lời các câu hỏi qua đó thể hiện sự quan sát, đánh giá của sinh viên trong quá trình thực tập.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

## 10. Học liệu

- Các nguồn tài liệu được cung cấp tại các địa điểm thực tế do các đơn vị địa phương xác nhận.
- Các nguồn tài liệu tham khảo đến từ nguồn thư viện sách báo, các nguồn tài liệu online của nhà trường, các đơn vị cung cấp thông tin uy tín.

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Giao tiếp liên văn hóa**

Mã học phần: **0101002003**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Nghe nói 4, đọc 4, viết 4**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: **Củng cố và mở rộng kiến thức về văn hóa các nước trên thế giới trong xu thế toàn cầu hóa.**

MT2: **Có khả năng tư duy và nhận thức được sự đa dạng trong văn hóa, từ đó tránh được sự hiểu lầm và định kiến trong giao tiếp đối với người ở nền văn hóa khác.**

MT3: **Tăng cường kiến thức về kỹ năng giao tiếp và cách ứng xử phù hợp ở các nền văn hóa và tình huống giao tiếp khác nhau.**

**\* Về kỹ năng**

MT4: **Biết cách làm việc theo nhóm, học được những ý tưởng hay qua việc thảo luận nhóm và cách thuyết trình về đặc trưng văn hóa.**

MT5: **Kỹ năng diễn đạt bằng tiếng Anh để giao tiếp, ứng xử trong các tình huống giao tiếp đa văn hóa**

MT6: **Học được kỹ năng đọc phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin**

MT7: **Sử dụng công nghệ thông tin trong việc tìm kiếm thông tin và học tập, trao đổi kiến thức về văn hóa và kỹ năng giao tiếp.**





**\*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, tích cực, say học tập

MT8: Có thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

MT9: Có cách ứng xử và hành vi phù hợp với văn hóa, tình huống và đối tượng giao tiếp.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100 2003	Giao tiếp đa văn hóa	0	0	0	3	0	3	0	3	2	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
		0	2	0	0	2	0	0			

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Có kiến thức về văn hóa các quốc gia cũng như hiểu được sự đa dạng trong văn hóa	PO4, PO6, P08, PO9
MT2	CO2	Có kiến thức về kỹ năng ứng xử phù hợp ở các nền văn hóa khác nhau	PO4, PO6, P08, PO9
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO3	Có khả năng làm việc theo nhóm để trao đổi và thuyết trình hiệu quả	PO8, PO9, PO12
MT4	CO4	Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm, tổng hợp và đánh giá thông tin	PO8, PO9, PO12
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	CO5	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, chuyên cần và chăm chỉ trong học tập	PO15
MT6	CO6	Có thái độ ứng xử phù hợp trong giao tiếp với các nền văn hóa khác nhau	PO15

**6. Nội dung tóm tắt của học phần**

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về văn hóa xã hội ở các vùng miền khác nhau trên thế giới. Từ đó, sinh viên có cái nhìn toàn diện hơn về các đặc trưng văn hóa. Sinh viên có ý thức hơn về yếu tố văn hóa trong quá trình giao tiếp để tránh sự hiểu lầm và định kiến trong giao tiếp. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có ý thức hơn trong hành vi ứng xử của mình, rèn luyện cách ứng xử để hoàn thiện kỹ năng giao tiếp và bản thân. Sinh viên cũng được yêu cầu thể hiện sự sáng tạo, đam mê trong việc tìm hiểu và trình bày đặc trưng của các nền văn hóa thông qua đề tài văn hóa của nhóm.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học và kỹ năng làm việc nhóm.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghe giảng trên lớp; làm bài tập; thảo luận; học đôi, nhóm; tự học. Các hoạt động viết bài được thực hiện theo cặp, nhóm hay cá nhân và được làm tại lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn tự học qua việc tự sửa bài hoặc sửa bài cho nhau và qua một số sách tham khảo.

- SV phải chuẩn bị bài, đi học đúng giờ, tham dự lớp 80%, làm đầy đủ các bài tập và tham gia thảo luận ở lớp.

- Tham dự kiểm tra giữa kì, tham dự thi kết thúc học phần

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa

1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Judith Martin, Thomas Nakayama (2005). Experiencing Intercultural Communication: an Introduction. McGrawHill.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Judith Martin, Thomas Nakayama (2003). Intercultural Communication in Contexts. McGrawHill

[3] Harry Collis (2000). 101 American Customs. Passport Books

[4] Roger E. Axtell (2007). Essential DO's & Taboos. John Wiley & Sons

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<b>1. Tổng qua về văn hóa và giao tiếp đa văn hóa</b>		
1+2	- Giới thiệu về khái niệm về văn hóa và giao tiếp đa văn hóa trên thế giới. - Đưa ra một số ví dụ cụ thể so sánh về sự đa dạng văn hóa giữa các châu lục và các quốc gia trong khu vực	[1] bài 1	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>2. Cách chào hỏi</b>		
3+4	- Giới thiệu các cách chào hỏi khác nhau của các quốc gia trong khu vực và các quốc gia lớn trên thế giới. Đồng thời chia sẻ	[1] bài 2	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6

	những điều nên và không nên trong chào hỏi ở một số quốc gia như Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan...		
	<b>3. Khái niệm về thể diện</b>		
5+6	- Giới thiệu về khái niệm thể diện theo quan điểm của phương đông và phương tây	[1] bài 3	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>4. Cách thức trả lời – xin lỗi – than phiền</b>		
7+8	- Giới thiệu từ vựng và cấu trúc trong cách trả lời, xin lỗi hay than phiền một cách lịch sự. - Chia sẻ cách ứng xử phù hợp khi trả lời, xin lỗi hay than phiền.	[1] bài 4	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>5. Ngôn ngữ hình thể</b>		
9+10	- Giới thiệu những loại ngôn ngữ hình thể và ý nghĩa của nó khi giao tiếp. - Chia sẻ một số cách ứng xử phù hợp với từng loại ngôn ngữ hình thể khác nhau.	[1] bài 5	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>6. Ngôn ngữ trang phục</b>		
11+12	- Giới thiệu từ vựng về trang phục và cách kết hợp trang phục phù hợp với môi trường và văn hóa khác nhau.	[1] bài 6	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>7. Văn hóa ẩm thực và quy tắc ứng xử trên bàn ăn</b>		
13	- Giới thiệu những món ăn đặc trưng, nổi tiếng ở châu Á và châu Âu - Cách ứng xử trước, trong và sau trên bàn ăn	[1] bài 7	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6



	- Những điều cần lưu ý trên bàn ăn của Châu Á và châu Âu		
	<b>8. Nguyên tắc ứng xử trong trao tặng quà</b>		
14	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu những món đồ thường được chọn làm quà tặng ( Nên hay không nên tặng gì) tùy vào khu vực, vùng miền, văn hóa</li> <li>- Giới thiệu cách thức trao tặng (lời nói, ngôn ngữ hình thể...)</li> </ul>	[1] bài 8	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>9.Revision</b>		
15	- Bài tập nhóm từ bài 1-8	[1] bài 1-bài 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học có bảng đen, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Chuyên đề các kì thi tiếng Anh quốc tế

Mã học phần: 0101002002

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Phân tích và xác định các vấn đề chính liên quan đến các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEFL, TOEIC và GRE để hiểu rõ giá trị và cách áp dụng chúng.

MT2: Áp dụng và thực hành kiến thức về cách thức thực hiện các bài thi Tiếng Anh quốc tế.

MT3: Lập kế hoạch và thực hiện chiến lược học tập dài hạn và ngắn hạn để đạt kết quả cao trong các kỳ thi Tiếng Anh quốc tế.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Xác định và phân loại các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế.

MT5: Phân tích chi tiết các đặc điểm nổi bật của từng loại bài thi.

MT6: Đánh giá các đặc điểm đặc trưng của từng môn thi đối với từng loại bài thi.

MT7: Kết hợp các chiến lược từ nhiều nguồn để xây dựng chiến lược cá nhân hiệu quả.

MT8: Phát triển khả năng ứng phó và áp dụng kiến thức từ kỳ thi Tiếng Anh quốc tế vào các lĩnh vực khác.



MT9: Sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình học và luyện thi.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu lý thuyết và thực hành các bài thi Tiếng Anh quốc tế để áp dụng vào thực tế và chia sẻ kinh nghiệm.

MT11: Phát triển ý thức tự học, tự rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và ý thức trách nhiệm với công việc được giao.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:  
0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101002002	Chuyên đề các kì thi tiếng Anh quốc tế	0	0	2	2	0	0	2
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Phân tích và xác định các vấn đề chính liên quan đến các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế như IELTS, TOEFL, TOEIC và GRE để hiểu rõ giá trị và cách áp dụng chúng.	PO2, PO4
MT2, MT2, MT3	CO2	Áp dụng và thực hành kiến thức về cách thức thực hiện các bài thi Tiếng Anh quốc tế.	PO2, PO4
MT1, MT2, MT3	CO3	Lập kế hoạch và thực hiện chiến lược học tập dài hạn và ngắn hạn để đạt kết quả cao trong các kỳ thi Tiếng Anh quốc tế.	PO2, PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4, MT10, MT11	CO4	Xác định và phân loại các loại hình thi Tiếng Anh quốc tế.	PO7
MT5, MT10, MT11	CO5	Phân tích chi tiết các đặc điểm nổi bật của từng loại bài thi.	PO7

MT6, MT10, MT11	CO6	Đánh giá các đặc điểm đặc trưng của từng môn thi đối với từng loại bài thi.	PO7
MT7, MT10, MT11	CO7	Kết hợp các chiến lược từ nhiều nguồn để xây dựng chiến lược cá nhân hiệu quả.	PO7
MT8, MT10, MT11	CO8	Phát triển khả năng ứng phó và áp dụng kiến thức từ kỳ thi Tiếng Anh quốc tế vào các lĩnh vực khác.	PO7
MT9	CO9	Sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình học và luyện thi.	PO7
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT10	CO10	Thực hiện nghiêm túc việc nghiên cứu lý thuyết và thực hành các bài thi Tiếng Anh quốc tế để áp dụng vào thực tế và chia sẻ kinh nghiệm.	PO12
MT11	CO11	Phát triển ý thức tự học, tự rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và ý thức trách nhiệm với công việc được giao.	PO12

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Chuyên đề Các Bài thi Tiếng Anh Quốc tế tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận và nắm bắt các vấn đề then chốt của những kỳ thi Tiếng Anh quốc tế phổ biến rộng rãi hiện nay như IELTS, TOEFL, TOEIC và GRE. Thông qua học phần, sinh viên biết được ý nghĩa đích thực, giá trị sử dụng... của những kỳ thi này và đặc biệt là những yêu cầu và kiến thức, kỹ năng mà người dự thi cần nắm chắc. Đồng thời, sinh viên sẽ dựa trên những kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau để xây dựng cho mình chiến lược dài hạn và ngắn hạn nhằm đạt được kết quả cao khi dự những kỳ thi này. Học phần không nhằm luyện thi cụ thể những kỳ thi này mà là kênh thông tin về những kỳ thi và tạo điều kiện cho sinh viên nắm bắt những vấn đề then chốt nhằm xây dựng ý thức rèn luyện kỹ năng cho mình nếu muốn tham dự những kỳ thi này trong tương lai.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11



	rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	
Thuyết trình	Giúp sinh viên rèn luyện khả năng nói trước đám đông và cách tìm tài liệu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/cá nhân và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham dự thi kết thúc học phần

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + làm bài tập (10%) - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc (10%)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11	5
3	Báo cáo nhóm	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3	10

### 10. Học liệu

#### Tài liệu học tập và Tài liệu tham khảo

1. Cambridge ESOL (2007). Cambridge IELTS 4. Cambridge University Press
2. Educational Testing Service (2007). Practicing to Take the GRE General Test, 10th Edition. Educational Testing Service.
3. Educational Testing Service (2009). The Official Guide to the TOEFL Test, 3rd Edition. McGraw Hill.
4. Grant Trew (2007). Tactics for TOEIC Listening and Reading Test. Oxford University Press.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	CDR của HP
1	Bài 1: Giới thiệu tổng quát các kỳ thi Tiếng Anh quốc tế phổ biến	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
2	Bài 2: Giới thiệu chi tiết kỳ thi IELTS	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
3	Bài 3: Thảo luận những vấn đề cần lưu ý về kì thi IELTS	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
4	Bài 4: Giới thiệu chi tiết về kỳ thi TOEFL	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
5	Bài 5: Thảo luận những vấn đề cần lưu ý về kỳ thi TOEFL	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
6	Bài 6: Giới thiệu chi tiết về kỳ thi TOEIC	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
7	Bài 7: Thảo luận những vấn đề cần lưu ý về kỳ thi TOEIC	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
8	Bài 8: Giới thiệu chi tiết về kì thi GRE	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
9	Bài 9: Thảo luận những vấn đề cần lưu ý về kỳ thi GRE	CO1, CO4, CO5, CO6, CO10, CO11
10	Bài 10: Thảo luận về các tài liệu hướng dẫn ôn thi các kỳ thi Tiếng Anh quốc tế đã được giới thiệu	CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
11	Bài 10: Thảo luận về các tài liệu hướng dẫn ôn thi các kỳ thi Tiếng Anh quốc tế đã được giới thiệu	CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11



12	Trial Test (1 trong các kỳ thi quốc tế đã học)	CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
13	Bài 11: Báo cáo của sinh viên về những thu nhận từ các bài giới thiệu và các buổi thảo luận và những khó khăn sinh viên gặp phải khi luyện các kỳ thi này	CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
14	Bài 11: Báo cáo của sinh viên về những thu nhận từ các bài giới thiệu và các buổi thảo luận và những khó khăn sinh viên gặp phải khi luyện các kỳ thi này	CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11
15	Trial Test (1 trong các kỳ thi quốc tế đã học)	CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Máy tính cá nhân, giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Biên Dịch Nâng Cao (Advanced Translation)**

Mã học phần: **0101002353**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 2      Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Tự chọn**

Học phần tiên quyết: **Biên Dịch 2**

Học phần học trước: **Biên Dịch 2**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Xác định các loại hình dịch cao cấp.

MT2: Nhận biết những khó khăn và thuận lợi của các hình thức dịch cao cấp.

MT3: Trình bày kiến thức về các loại hình biên dịch phức tạp.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Biên dịch Anh-Việt trình độ cao cấp.

MT5: Biên dịch Việt-Anh trình độ cao cấp.

MT6: Xử lý các tình huống biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh phức tạp

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.



**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
101002353	Biên dịch nâng cao	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	3	0	0	0	3
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	0				

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ trong biên dịch Anh-Việt cao cấp.	PO4
MT2	CO2	Vận dụng kiến thức về ngôn ngữ trong biên dịch Việt-Anh cao cấp.	PO4
MT3	CO3	Ứng dụng các mẫu câu biên dịch phức tạp trong dịch thuật.	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Dịch các mẫu câu Anh-Việt, Việt-Anh phức tạp	PO7, PO8, PO10, PO14
MT5	CO5	Biên dịch Anh-Việt cao cấp	PO7, PO8, PO10, PO14
MT6	CO6	Biên dịch Việt-Anh cao cấp	PO7, PO8, PO10, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO7	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO16
MT8	CO8	Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO16

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các mẫu câu biên dịch Anh-Việt và Việt-Anh cao cấp. Bên cạnh đó các em cũng sẽ được thực tập biên dịch song ngữ các nội dung cơ sở liên quan đến các tình huống đòi hỏi năng lực ngôn ngữ trình độ cao cấp để tạo tiền đề vững chắc khi bước vào học phần biên dịch nâng cao.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO7, CO8
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.



### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian ham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

### 10. Học liệu

#### Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Đức Châu, Phương pháp mới phiên- dịch biên dịch Anh Việt Việt-Anh, Nhà xuất bản trẻ, 2004.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<b>1. Introduction</b>		
	1.1 Introduction to the course 1.2 General introduction to Advanced translation	[1] introduction	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	<b>2. Principles advanced translation</b>		
	2.1 Advanced translation 1	[1] Chương 1. Trang 23-63.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO8
3	<b>1. Principles advanced translation</b>		
	3.1 Advanced translation 2	[1] Chương 1. Trang 73-94.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO8
4	<b>4. Principles advanced translation</b>		
	4.1 Advanced translation 3	[1] Chương 1. Trang	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO8

		111-130.	
5	<b>5. Principles advanced translation</b>		
	5.1 Advanced translation 4	[1] Chương 1. Trang 130-152.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
6	<b>6. Principles advanced translation</b>		
	6.1 Advanced translation 5	[1] Chương 1. Trang 166-191.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
7	<b>7. Principles advanced translation</b>		
	7.1 Advanced translation 6	[1] Chương 1. Trang 202-223.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
8	<b>8. Principles advanced translation</b>		
	8.1 Advanced translation 7	[1] Chương 1. Trang 231-255.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
9	<b>Kiểm tra giữa kỳ</b>		
	<b>9. Principles advanced translation</b>		
	9.1 Advanced translation 8	[1] Chương 2. Trang 265-282	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
10	<b>10. Principles advanced translation</b>		
	10.1 Advanced translation 9	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
11	<b>11. Translation practice</b>		
	11.1 Translation practice 1	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
12	<b>12. Translation practice</b>		
	12.1 Translation practice 2	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
13	<b>13. Translation practice</b>		
	13.1 Translation practice 3	[1] Chương 2. Trang	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8



		322-325	
14	<b>14. Translation practice</b>		
	14.1 Translation practice 4	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8
15	<b>15. Translation practice</b>		
	15.1 Translation practice 5	[1] Chương 2. Trang 322-325	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7, CO8

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Phiên dịch nâng cao**

Mã học phần: **101002353**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**      Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

**Phân bổ thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90=135

**Loại học phần:** Tự chọn

**Học phần tiên quyết:** Phiên dịch 2

**Học phần học trước:** Phiên dịch 2

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể:

**\* Về kiến thức**

MT1: Nhắc lại được các nội dung cần chuẩn bị cho phiên dịch.

MT2: Trình bày và thực hành kỹ năng ghi chú đề phiên dịch và kỹ năng diễn thuyết trước đám đông khi phiên dịch.

MT3: Xử lý tình huống dịch với các con số và tên riêng.

MT4: Phân tích nội dung cần chuẩn bị phiên dịch, dự đoán thông điệp trong bài phát biểu trong một cuộc họp/hội thảo.

MT5: Vận dụng được một số kỹ thuật xử lý tình huống dịch có các cấu trúc phức tạp để dịch thông điệp một cách đầy đủ, đúng và tự nhiên.

MT6: Phân tích các cụm/đơn vị có nghĩa để hiểu đúng và dịch đúng.

MT7: Áp dụng được cách xử lý các tình huống dịch có các mệnh đề trạng ngữ.

MT8: Áp dụng được cách xử lý vấn đề “không thể dịch” trong phiên dịch.



MT9: Phân loại các hình thái tu từ và thực hành phiên dịch các diễn văn có các hình thái tu từ phổ biến.

MT10: Nhận ra lập luận của diễn giả để dịch cho đúng và đầy đủ.

MT11: Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với bối cảnh phiên dịch cụ thể.

MT12: Làm rõ văn phong trang trọng trong tiếng Anh để dịch thông điệp cho phù hợp.

MT13: Thực hành đọc hiểu, nghe hiểu để nắm thông điệp, tổng hợp và tóm tắt thông tin chính.

MT14: Xử lý được các vấn đề thường gặp khi dịch bài diễn văn về chính trị.

MT15: Xử lý các vấn đề phổ biến khi dịch bài diễn văn về kinh tế.

MT16: Sử dụng được khoảng 2.500 từ vựng thường dùng trong các phát biểu dài từ 5-10 phút xoay quanh các vấn đề về thời sự, chính trị, xã hội và kinh tế.

**\* Về kỹ năng**

MT17: Xử lý được các tình huống khi phiên dịch.

MT18: Đánh giá được một bài dịch nói ở hai phương diện ngôn ngữ và thái độ một cách cụ thể dựa trên tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.

MT19: Áp dụng được phương pháp dịch đuôi trong thực hành dịch hội thoại/phông vấn ngắn và tương đối phức tạp.

MT20: Rèn luyện được kỹ năng làm việc độc lập tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp

MT21: Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.

MT22: Phát triển được kỹ năng Ngôn ngữ (cả tiếng Việt và tiếng Anh) trong phiên dịch và giao tiếp.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT23: Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết phiên dịch trong dịch thuật.

MT24: Nghiêm túc đối với môn học

MT25: Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.

MT26: Thường xuyên trau dồi để sử dụng thành thạo các kỹ thuật phiên dịch.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101002000	Phiên dịch 3	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	3	0	0	0	3
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	0				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Nhắc lại được các nội dung cần chuẩn bị cho phiên dịch.	PO4
MT2	CO2	Trình bày và thực hành kỹ năng ghi chú để phiên dịch và kỹ năng diễn thuyết trước đám đông khi phiên dịch.	PO4
MT3	CO3	Xử lý tình huống dịch với các con số và tên riêng.	PO4
MT4	CO4	Phân tích nội dung cần chuẩn bị phiên dịch, dự đoán thông điệp trong bài phát biểu trong một cuộc họp/hội thảo.	PO4
MT5	CO5	Vận dụng được một số kỹ thuật xử lý tình huống dịch có các cấu trúc phức tạp để dịch thông điệp một cách đầy đủ, đúng và tự nhiên.	PO4
MT6	CO6	Phân tích các cụm/đơn vị có nghĩa để hiểu đúng và dịch đúng.	PO4
MT7	CO7	Áp dụng được cách xử lý các tình huống dịch có các mệnh đề trạng ngữ.	PO4
MT8	CO8	Áp dụng được cách xử lý vấn đề “không thể dịch” trong phiên dịch.	PO4
MT9	CO9	Phân loại các hình thái tu từ và thực hành phiên dịch các diễn văn có các hình thái tu từ phổ biến.	PO4
MT10	CO10	Nhận ra lập luận của diễn giả để dịch cho đúng và đầy đủ.	PO4
MT11	CO11	Lựa chọn được từ ngữ phù hợp với bối cảnh phiên dịch cụ thể.	PO4



MT12	CO12	Làm rõ văn phong trang trọng trong tiếng Anh để dịch thông điệp cho phù hợp.	PO4
MT13	CO13	Thực hành đọc hiểu, nghe hiểu để nắm thông điệp, tổng hợp và tóm tắt thông tin chính.	PO4
MT14	CO14	Xử lý được các vấn đề thường gặp khi dịch bài diễn văn về chính trị.	PO4
MT15	CO15	Xử lý các vấn đề phổ biến khi dịch bài diễn văn về kinh tế.	PO4
MT16	CO16	Sử dụng được khoảng 2.500 từ vựng thường dùng trong các phát biểu dài từ 5-10 phút xoay quanh các vấn đề về thời sự, chính trị, xã hội và kinh tế.	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT17	CO17	Xử lý được các tình huống khi phiên dịch.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT18	CO18	Đánh giá được một bài dịch nói ở hai phương diện ngôn ngữ và thái độ một cách cụ thể dựa trên tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT19	CO19	Áp dụng được phương pháp dịch đuôi trong thực hành dịch hội thoại/phòng vấn ngắn và tương đối phức tạp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT20	CO20	Rèn luyện được kỹ năng làm việc độc lập tìm tài liệu, thảo luận nhóm và trình bày trước lớp.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT21	CO21	Rèn luyện được kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin.	PO7, PO8, PO10, PO14
MT22	CO22	Phát triển được kỹ năng Ngôn ngữ (cả tiếng Việt và tiếng Anh) trong phiên dịch và giao tiếp.	PO7, PO8, PO10, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT23	CO23	Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết phiên dịch trong dịch thuật.	PO16
MT24	CO24	Nghiêm túc đối với môn học	PO16
MT25	CO25	Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.	PO16
MT26	CO26	Thường xuyên trau dồi để sử dụng thành thạo các kỹ thuật phiên dịch.	PO16

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần củng cố kiến thức cho người học về lý thuyết về phiên dịch và các loại hình phiên dịch. Người học có cơ hội ứng dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào các tình huống phiên dịch thực tế. Người học hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ Anh-Việt, đồng thời nâng cao vốn kiến thức văn hóa. Thông qua học phần, sinh viên thực hành đa dạng các chủ đề về giáo dục, kinh tế, xã hội, khoa học, chính trị, đô thị hóa, khủng hoảng kinh tế vv... và chuyển tải nội dung phiên dịch ở mức độ thành thạo với độ chính xác cao.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học mới.	CO1,CO2,...CO26
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1,CO2,...CO26
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1,CO2,...CO26
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1,CO2,...CO26

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa kì
- Tham dự thi kết thúc học phần

VÀ  
NG  
IQC  
NTHC

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1,CO2...CO26	10
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1,CO2...CO26	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1,CO2...CO26	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Nolan, J. (2012). Interpretation: Techniques and Exercises Clevedon: Multilingual Matters Ltd.

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Rozan, J. F. (2002). Note-taking in Consecutive Interpreting: Tertium, Cracow.

[3] Thu, Đặng Xuân & Giang, Ngô Văn. (2011). *Dịch nói theo tình huống bằng Situationnal interpreting: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ*. Đại học Hà Nội.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Review – The Cycle of Interpreting + Public Speaking and Note Taking		CO1, CO13, CO2, CO13, CO16
2	Proper Names + Figures		CO3
3	Preparation/Anticipating The Speaker		CO4, CO13
4	Practice 1 (Topic: News)		CO1, CO2, ...CO26
5	Complex Syntax/ Compression		CO5, CO13
6	Word Order/Clusters + General Adverbial Clauses		CO6, CO7, CO13
7	Practice 2 (Topic: Politics)		CO1, CO2, ...CO26
8	Revision & Midterm Test		CO1, CO2, ...CO26
9	Untranslatability		CO8, CO16
10	Figure of Speech and Formal Styles		CO9, CO10, CO16
11	Argumentation + Diction/Register		CO10, CO11, CO12, CO13, CO16

12	Practice 3 (Topic: Economics)		CO1, CO2, ...CO26
13	Political Discourse and Economic Discourse		CO14, CO15, CO16
14	Practice 4 (Topic: Society & Culture)		CO1, CO2, ...CO26
15	Revision for the Final Exam		CO1, CO2, ...CO26

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Giáo trình, máy chiếu, loa, laptop

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**







**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh

**Mã số học phần:** 0101002355

**1. Thông tin học phần:**

**Số tín chỉ học phần:** 02 tín chỉ

**Số tiết học phần:** 45 tiết

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45+90 = 135
	15	0	30	0	

**Loại học phần:** Tự chọn

**Học phần tiên quyết:** Không

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức:**

MT1: Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Ngôn ngữ học tiếng Anh; văn chương Anh Mỹ, giao tiếp liên văn hóa, dịch thuật vào việc lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động chuyên môn liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh.

**\* Về kỹ năng**

MT2: Sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh một cách hiệu quả để phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

MT3: Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới đồng nghiệp; phổ biến kiến thức, kỹ năng trong hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực tiếng Anh, phiên dịch, biên dịch tiếng Anh.

MT4: Giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5: Lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện các hoạt động trong lĩnh vực Ngôn ngữ Anh một cách hiệu quả; Làm việc độc lập hoặc theo nhóm; Chịu trách nhiệm cá nhân và chịu trách nhiệm với nhóm.



#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
101002355	Tổng quan về giảng dạy tiếng Anh	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	3	3	0	3
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	2				

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Có kiến thức nền tảng mang hệ thống về ngôn ngữ và các thành tố cấu thành ngôn ngữ. Có kiến thức cơ bản về quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ 2 và ứng dụng kiến thức này vào quá trình dạy và học tiếng Anh	PO4
MT2	CO2	Có kiến thức tổng quan về một số lý thuyết và phương pháp giảng dạy tiếng Anh phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới; ứng dụng các phương pháp giảng dạy này vào lớp học	PO4
MT2	CO3	Nắm vững các yếu tố liên quan có tác động đến hiệu quả học tập ngoại ngữ của người học; hiểu rõ về vai trò của giáo viên và đặc điểm của người học	PO4
MT2	CO4	Lĩnh hội được cấu trúc cơ bản phổ biến của một bài dạy tiếng Anh và các giai đoạn chính trong bài dạy trong bối cảnh dạy học của Việt Nam	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT2	CO5	Phân tích nội dung và hoạt động trong sách, giáo trình ở mức độ cơ bản	PO4, PO7
MT2	CO6	Chọn lọc nội dung và hoạt động để đảm bảo mục tiêu bài dạy, nội dung và	PO4, PO7

		hoạt động đưa vào bài dạy tương thích với nhau tốt.	
MT3	CO7	Thiết kế đầy đủ một bài dạy và giải thích những quy tắc được sử dụng trong thiết kế bài dạy	PO4, PO7
MT4	CO8	Triển khai một bài dạy mẫu trong lớp học; thể hiện khả năng quản lý lớp, tổ chức bài dạy, hướng dẫn và đưa ý kiến phản hồi hợp lý.	PO4, PO7, PO11, PO12, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	CO9	Thể hiện năng lực làm việc độc lập và chịu trách nhiệm cá nhân trước yêu cầu của nơi làm việc	PO16, PO17
MT5	CO10	Thực hiện công việc một cách có hiệu quả khi làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trước nhóm và tôn trọng ý kiến của người khác	PO16, PO17

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên Ngôn ngữ Anh kiến thức nền tảng về giảng dạy ngôn ngữ tiếng Anh. Khóa học kết hợp kiến thức ngôn ngữ cơ bản về hệ thống ngôn ngữ và các thành tố, kỹ năng ngôn ngữ, quá trình tiếp thu ngôn ngữ, các yếu tố chủ quan và khách quan tác động đến quá trình dạy và học, các lý thuyết, phương pháp giảng dạy tiếng Anh phổ biến. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng sư phạm cơ bản bao gồm thiết kế bài giảng, dạy học theo nhóm, ra hướng dẫn, quản lý lớp học và đánh giá phản hồi có hiệu quả.

#### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu tài liệu	Đối với từng chủ đề, sinh viên sẽ được hướng dẫn đọc tài liệu và trả lời câu hỏi trước khi tham gia lớp học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

Thuyết trình nhóm	Sinh viên sẽ thực hiện thuyết trình theo nhóm một số nội dung ngoài nội dung giảng viên chia sẻ	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
-------------------	---	---

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tham gia thuyết trình và dạy theo nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
3	Điểm bài tập nhóm	30	Soạn 1 bài giảng theo yêu cầu của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10
4	Dạy demo	50	Dạy mẫu trên lớp vào cuối học kì	CO1, CO2, CO4, CO8	10

### 10. Học liệu

[1] Ortega, L. (2013). Understanding second language acquisition. New York Routledge [418 077]

[2] BBC Teaching English- <https://www.Teachingenglish.org.uk>

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	CĐR của HP
1	Introduction to the course Language and its system: language skills and components	3	CO1
2	Second language acquisition and learning	3	CO1
3	Understanding language learning and learners' factors	3	CO3
4	Understanding teachers' roles	3	CO3

5	Popular methods in language teaching 1	3	CO1, CO2, CO3
6	Popular methods in language teaching 2	3	CO1, CO2, CO3
7	Understanding textbooks and lesson planning	3	CO4, CO5, CO6
8	Giving instructions	3	CO7, CO8
9	Giving feedback and mistake correction	3	CO7, CO8
10	Language assessment	3	CO7, CO8
11	Lesson plans	3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
12	Lesson plans- Group practice	3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
13	Microteaching	3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
14	Demonstration teaching	3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
15	Demonstration teaching	3	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

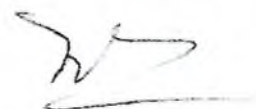
- Máy tính cá nhân, giáo trình, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**

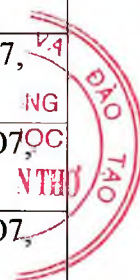


**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN CHUYÊN NGÀNH  
NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ**

Mã học phần: **0101002356**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**      Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Tự chọn**

Học phần tiên quyết: **Tin học căn bản**

Học phần học trước: **Tin học căn bản**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Áp dụng các công nghệ mới trong quá trình học ngôn ngữ, đặc biệt trong lĩnh vực giao tiếp và sáng tạo.

MT2: Xây dựng khả năng sử dụng công nghệ để tiếp cận và hiểu rõ các nội dung liên quan đến ngôn ngữ, từ vựng, ngữ pháp đến văn phong và văn hoá ngôn ngữ.

MT3: Vận dụng kiến thức cơ bản về các công nghệ thông tin và khả năng sử dụng chúng một cách hiệu quả trong việc học ngôn ngữ, từ phần mềm học tập đến các tài nguyên trực tuyến phong phú.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ ở mức độ cơ bản và nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế trong việc học ngôn ngữ.

MT5: Vận dụng thành thạo các ứng dụng và công cụ công nghệ để hỗ trợ việc học và thực hành ngôn ngữ.

MT6: Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm thông qua việc ứng dụng công nghệ vào các hoạt động học tập.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**



MT7: Thể hiện thái độ tích cực và trách nhiệm khi sử dụng công nghệ trong học tập, công việc và giao tiếp trong ngôn ngữ.

MT8: Phát triển khả năng sáng tạo và tự học để áp dụng kiến thức và kỹ năng công nghệ đã học vào thực tế, tạo ra giá trị trong việc học và ứng dụng ngôn ngữ.

MT9: Hình thành sự tự tin, hứng thú và linh hoạt trong việc áp dụng công nghệ vào học ngôn ngữ, xây dựng nền tảng vững chắc cho sự thành công trong lĩnh vực này.

#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
0101002356	Ứng dụng công nghệ trong học ngôn ngữ	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	3	0	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	0	3	0
		PO15	PO16	PO17				
0	0	2						

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT3	CO1	Nắm vững kiến thức về công nghệ và ứng dụng trong việc học ngôn ngữ. Nắm vững Kiến thức về cách sử dụng công nghệ để mở rộng vốn từ vựng, cải thiện ngữ pháp và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.	PO3
MT1, MT2	CO2	Hiểu biết về các công nghệ học tập như phần mềm học tiếng, trang web giáo dục, ứng dụng di động học ngôn ngữ, vv.	PO3
<b>Kỹ năng</b>			
MT4, MT5	CO3	Áp dụng các công nghệ và ứng dụng vào quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ.	PO7, PO13
MT4, MT5	CO4	Phát triển khả năng sử dụng công nghệ một cách linh hoạt và hiệu quả trong việc học tập và giao tiếp bằng tiếng.	PO7, PO13
MT4, MT6	CO5	Xây dựng kỹ năng làm việc nhóm thông qua các dự án sử dụng công nghệ trong học ngôn ngữ.	PO7, PO13
MT4, MT7	CO6	Tự rèn luyện và cải thiện kỹ năng học tập tự học thông qua việc áp dụng công nghệ vào quá trình học tập.	PO7, PO13
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			

MT8	CO7	Tham gia tích cực vào việc ứng dụng công nghệ trong học tập và trách nhiệm với quá trình học của mình.	PO17
MT8, MT9	CO8	Hợp tác và chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với bạn bè và cộng đồng học ngôn ngữ Anh.	PO17
MT9	CO9	Chủ động lên kế hoạch sử dụng công nghệ để phát triển khả năng ngôn ngữ Anh của mình và duy trì sự hứng thú và sự tự tin khi áp dụng kiến thức học được vào thực tế.	PO17

#### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Chương trình môn "Ứng dụng công nghệ trong việc học ngôn ngữ" nhấn mạnh vào việc áp dụng công nghệ hiện đại vào quá trình học tập và nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh. Sinh viên sẽ được giáo dục về cách sử dụng phần mềm, ứng dụng di động, trang web học tập và các công cụ điện tử khác để hỗ trợ việc học tiếng Anh một cách thông minh và hiệu quả. Sinh viên sẽ được khuyến khích áp dụng kiến thức mới vào thực tế thông qua các hoạt động thực hành trực tuyến và các dự án nghiên cứu nhỏ. Bằng cách kết hợp giữa công nghệ thông tin và nền tảng kiến thức vững chắc về ngôn ngữ, chương trình môn này nhằm mục tiêu giúp sinh viên trở thành người học tự chủ, linh hoạt và thành thạo trong việc sử dụng công nghệ trong môi trường học tập ngôn ngữ hiện đại.

#### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học và logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO8, CO9

#### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.



- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20%	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	30%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO8, CO9	10
4	Thi kết thúc HP	50%	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

### 10. Học liệu

#### Tài liệu học tập

[1] Whittaker, C. (2013). Introduction. In B. Tomlinson & C. Whittaker (eds) Blended learning in English language teaching: Course design and implementation. British Council.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Giới thiệu môn học và công cụ học online: Microsoft Teams, Zoom Thiết lập môi trường học trực tuyến: Google Classroom		CO1, CO2, CO7
2	Công cụ và phần mềm học ngôn ngữ: Duolingo, Quizlet, ELSA Speak		CO1, CO3
3	Các ứng dụng thiết kế bài giảng: - PowerPoint, Google Slides - Canva, Padlet, Prezi		CO2, CO4
4-5	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo: - Chatbots và Virtual Assistants		CO4, CO5, CO6

	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Ứng dụng AI trong kỹ năng nghe và nói</li> <li>-Thực hành luyện nghe và phân xạ ngôn ngữ thông qua video và phần mềm đàm thoại.</li> </ul>		
6-7	<p>Ứng dụng trí tuệ nhân tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Chatbots và Virtual Assistants</li> <li>-Ứng dụng AI trong kỹ năng đọc và viết</li> <li>-Sử dụng ứng dụng học từ vựng và ngữ pháp trực tuyến để tự luyện tập.</li> </ul>		CO4, CO5, CO6
8	<p>Sử dụng phần mềm dịch tự động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Google Translate</li> <li>-Hướng dẫn sử dụng phần mềm dịch thông minh và công cụ học ngôn ngữ trực tuyến.</li> <li>-Thực hành với phần mềm dịch</li> </ul>		CO4, CO6
9-10	<p>Các phần mềm chỉnh sửa âm thanh, hình ảnh và video:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Faststone capture (quay chụp màn hình)</li> <li>-Audacity (chỉnh sửa âm thanh)</li> <li>-Capcut (chỉnh sửa video)</li> </ul>		CO4, CO5,
11	<p>Các ứng dụng dùng cho kiểm tra, đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Google Form</li> <li>-SHub classroom, AZOTA</li> <li>-Quizizz, Kahoot</li> </ul>		CO7, CO4, CO8
12-13	<p>Các nguồn tài nguyên hỗ trợ học tập ngôn ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Các trang web hỗ trợ tài liệu học tập kỹ năng nghe</li> <li>-Các trang web hỗ trợ tài liệu học tập kỹ năng đọc</li> <li>-Các trang web hỗ trợ tài liệu học tập kỹ năng viết</li> </ul>		CO4, CO5, CO9
14	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Bài tập thực hành và dự án cuối khóa</li> </ul>		CO1, CO2, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9
15	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kết hợp lý thuyết và thực hành trong việc xử lý vấn đề ngôn ngữ</li> </ul>		CO4, CO5, CO6, CO8,




	thông qua công nghệ. –Phân tích và giải quyết các vấn đề ngôn ngữ thông qua dự án thực tế trên máy tính.		
--	---	--	--

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy chiếu, mạng internet

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



101002357	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
		0	3	3	3	3	3	3			

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Trang bị cho sinh viên hiểu về tầm quan trọng của khởi nghiệp đối với nền kinh tế trong bối cảnh hiện nay.	PO13, PO14
MT1, MT2	CO2	Vận dụng lý thuyết và kiến thức đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp vào việc phát triển tâm nhin, định hướng bản thân và phát triển mục tiêu nghề nghiệp cá nhân	PO13, PO14
MT3,	CO3	Áp dụng công cụ và kỹ thuật cơ bản của khởi nghiệp sáng tạo vào việc phát triển, đánh giá ý tưởng, giải quyết vấn đề phức tạp.	PO13, PO14,
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Xác định và phát triển cơ hội khởi nghiệp	PO13, PO14, PO15, PO16
MT5	CO5	Vận dụng mô hình kinh doanh để thực hành việc biến ý tưởng thành mô hình kinh doanh	PO7, PO9, PO11, PO13, PO14,
MT4, MT5	CO6	Hiểu được các bước để giải quyết vấn đề	PO13, PO14, PO15 PO16
MT3, MT4, MT5	CO7	Hiểu được cách thảo luận nhóm để giải quyết vấn đề một cách thành công	PO13, PO14, PO15 PO16
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT6	CO8	Phát triển được thái độ tích cực, phát triển bản thân thông qua quá trình khởi nghiệp và sáng tạo mới.	PO13, PO14, PO17
MT6	CO9	Trải nghiệm quá trình khởi nghiệp sáng tạo thực tế thông qua việc học tập từ dự án	PO15, PO16, PO17

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này tập trung vào lĩnh vực khởi sự doanh nghiệp và đổi mới cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Từ quan điểm học thuật, khởi nghiệp và đổi mới là lĩnh vực phức tạp với những tranh luận đáng kể về định nghĩa và phạm vi của chúng. Từ góc nhìn thực tế, khởi nghiệp liên quan đến quá trình phát triển các dự án kinh doanh và sự đổi mới trong mô hình kinh doanh. Từ đó, giúp

cho sinh viên có cái nhìn tổng quát hơn về những mô hình và dự án kinh doanh, sáng tạo ý tưởng kinh doanh liên quan đến chuyên ngành của mình, giúp sinh viên tự tin định hướng nghề nghiệp tốt hơn sau khi ra trường. Bên cạnh đó, thành công trong khởi nghiệp đòi hỏi nhiều hơn là chỉ may mắn và tiền bạc, đó là một quá trình gắn kết từ lập kế hoạch, phát triển ý tưởng, sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Những lý do chính để nghiên cứu khởi nghiệp và đổi mới ở trình độ đại học là để tạo ra nhận thức về kinh doanh, để phát triển phân tích và kỹ năng sáng tạo và để khuyến khích tự phát triển của sinh viên vào kinh doanh kinh doanh với vai trò chủ sở hữu hoặc nhân viên.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học và kỹ năng làm việc nhóm.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO5
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghe giảng trên lớp; làm bài tập; thảo luận; học đôi, nhóm; tự học. Các hoạt động viết bài được thực hiện theo cặp, nhóm hay cá nhân và được làm tại lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn tự học qua việc tự sửa bài hoặc sửa bài cho nhau và qua một số sách tham khảo.
- SV phải chuẩn bị bài, đi học đúng giờ, tham dự lớp 80%, làm đầy đủ các bài tập và tham gia thảo luận ở lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa kì, tham dự thi kết thúc học phần
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</li> <li>Thời gian tham dự buổi học bắt buộc</li> </ul>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo tiêu chí đánh giá của giảng viên	CO8, CO9	10

## 10. Học liệu

### 10.1 Giáo trình

- Micheal H. Morris., Donald F. Kuratko., & Jeffrey G. Covin. (2011). *Corporate Entrepreneurship & Innovation, 2th edition*. South-Western Cengage learning;

### 10.3 Tài liệu tham khảo

- Owen, R. J., Bessant, J. R., & Heintz, M. (Eds.). (2013). *Responsible innovation* (Vol. 104). Chichester: Wiley.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài Liệu	CĐR của HP
	<b>1. Khởi nghiệp là tất yếu</b>		
1	1.1 Khởi nghiệp là gì 1.2 Khởi nghiệp kinh doanh là gì 1.3 Quản lý và khởi nghiệp. 1.4 Khởi nghiệp là tất yếu 1.5 Bản chất khởi nghiệp: Năm vững qui trình khởi sự kinh doanh 1.6 Mô hình khởi nghiệp doanh nghiệp tổng thể	Bài 1	CO1, CO2, CO3, CO4
	<b>2. Các cấp độ khởi nghiệp trong tổ chức</b>		
2	2.1. Khám phá các chiều kích của khởi nghiệp 2.2. Cường độ khởi nghiệp: kết hợp độ tự do và tần suất khởi nghiệp 2.3. Lưới khởi nghiệp cho tổ chức Những điều biết và chưa biết về khởi nghiệp.	Bài 2	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>3. Các dạng khởi sự kinh doanh</b>		
3	3.1. Doanh nghiệp mạo hiểm: Đưa lĩnh vực kinh doanh mới vào công ty 3.2. Chiến lược khởi nghiệp: đổi mới theo lợi thế cạnh tranh 3.3. Mô hình kinh doanh chiếc xe cho doanh nghiệp khởi nghiệp 3.4. Cách mạng đổi mới mở	Bài 3	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
	<b>4. Nguồn lực nhân sự trong doanh nghiệp khởi nghiệp</b>		
4	4.1. Ch4: Nguồn lực nhân sự trong doanh nghiệp khởi nghiệp 4.2. Sáng tạo cá nhân trong một công ty 4.3. Quy trình sáng tạo 4.4. Khuôn khổ sáng tạo 4.5. Kỹ thuật sáng tạo và chất lượng sáng tạo 4.6. Nhân cách doanh nhân	Bài 4	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	4.7. Động lực hành vi của doanh nhân Động lực khởi nghiệp và vai trò quan trọng của hệ thống khen thưởng		
	<b>5. Chiến lược công ty và khởi nghiệp</b>		
5	5.1. Sự thay đổi bối cảnh 5.2. Logic theo bối cảnh cạnh tranh 5.3. Vai trò của quản trị chiến lược và chiến lược công ty. 5.4. Tích hợp khởi nghiệp với chiến lược 5.5. Quản trị chiến lược đổi mới: Một danh mục tiếp cận 5.6. Công nghệ, tinh thần khởi nghiệp và chiến lược 5.7. Giới hạn công nghệ và nền tảng 5.8. Khái niệm chìa khóa chiến lược: Khởi nghiệp là một sự khác biệt Chiến lược khởi nghiệp: Một số yếu tố quyết định.	Bài 5	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	<b>Midterm</b>		
	<b>6. Cấu trúc của công ty khởi nghiệp</b>		
7	6.1. Thành phần của cấu trúc 6.2. Các dạng cấu trúc: Liên kết với chiến lược khởi nghiệp 6.3. Cấu trúc doanh nghiệp khởi nghiệp và khái niệm chu kỳ 6.4. Dự án khởi nghiệp: cấu trúc bên trong cấu trúc Mối quan hệ cấu trúc giữa sáng kiến khởi nghiệp và công ty.	Bài 6	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	<b>7. Phát triển văn hóa khởi nghiệp</b>		
8	7.1. Bản chất của văn hóa tổ chức 7.2. Các dạng văn hóa chung 7.3. Các yếu tố của văn hóa khởi nghiệp 7.4. Văn hóa trong văn hóa Sự lãnh đạo và văn hóa	Bài 7	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	<b>8. Khó khăn trong thực hiện khởi nghiệp</b>		





9	<p>8.1. Khuôn khổ nhận biết được những trở ngại</p> <p>8.2. Giới hạn của doanh nghiệp khởi nghiệp</p> <p>8.3. Doanh nghiệp đổi mới hoặc nhà quản lý tinh ranh</p> <p>8.4. Vượt qua những trở ngại và khó khăn</p> <p>Tập trung giải quyết trở ngại đúng thời điểm</p>	Bài 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	<b>9. Dẫn dắt tổ chức kinh doanh</b>		
10	<p>9.1. Nhà quản lý cấp cao trong tổ chức khởi nghiệp</p> <p>9.2. Mệnh lệnh của các nhà lãnh đạo chiến lược</p> <p>9.3. Quản trị song hành: Cân bằng giữa mới và cũ</p> <p>9.4. Nhà quản lý cấp trung: Mấu chốt trong tổ chức khởi nghiệp</p> <p>Hướng dẫn cho lãnh đạo trong các cấp trong tổ chức</p>	Bài 9	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	<b>10: Đánh giá điều hành doanh nghiệp khởi nghiệp</b>		
11	<p>10.1. Đánh giá hoạt động khởi nghiệp trong công ty</p> <p>10.2. Hệ thống tiếp cận: đánh giá sức khỏe khởi nghiệp</p> <p>10.3. Đánh giá dự án khởi nghiệp độc lập</p> <p>10.4. Phát triển kế hoạch</p> <p>10.5. Xây dựng kế hoạch liên hoàn toàn diện</p> <p>Khởi nghiệp phù hợp: tập trung 2 mặt</p>	Bài 10	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	<b>11. Kiểm soát và hoạt động khởi nghiệp</b>		
12	<p>11.1. Bản chất của kiểm soát trong tổ chức</p> <p>11.2. Chiều kích của kiểm soát và khởi nghiệp</p> <p>11.3. Tiếp cận kiểm soát và khởi nghiệp như một sự bổ sung</p> <p>11.4. Mở rộng trên khái niệm xa lầy</p> <p>11.5. Kiểm soát chi phí</p> <p>Khái niệm hồ lợi nhuận</p>		CO6, CO7, CO8, CO9
13+14+15	<p>Thực hành – Dự án kinh doanh</p> <p>Bài tập nhóm: Mỗi nhóm sẽ phải áp dụng những kiến thức đã học, phát triển một sản phẩm mới cho một doanh nghiệp đang có hoặc dự kiến thành lập mới từ ý tưởng đến áp dụng ý tưởng kinh doanh vào thực tế.</p>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

## 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng đen, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**

5  
TAN



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Phân tích số liệu khoa học xã hội

Mã học phần: 0101002358

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 2      Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt  Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Mô tả được tổng quan về phần mềm SPSS và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học xã hội.

MT2: Phân biệt được các loại dữ liệu và thang đo.

MT3: Thiết kế được các phương pháp phân tích dữ liệu.

MT4: Áp dụng được các phương pháp mã hóa và nhập dữ liệu.

MT5: Thực hiện được các phép thống kê mô tả

MT6: Áp dụng được các kiểm định giả thuyết trung bình của hai tổng thể

MT7: Ứng dụng được các kiểm định phi tham số

MT8: Thực hiện được các phân tích phương sai

MT9: Áp dụng được các phép đo sự tương quan và hồi quy tuyến tính

**\* Về kỹ năng**

MT10: Xây dựng được tư duy lập luận logic; khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu trong phân tích dữ liệu.

MT11: Rèn luyện được kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.



MT12: Ứng dụng được phần mềm chuyên dụng trong hoạt động phân tích dữ liệu khoa học xã hội.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT13: Nhận thức được tầm quan trọng của phân tích dữ liệu trong hoạt động nghiên cứu về khoa học xã hội.

MT14: Nghiêm túc đối với hoạt động phân tích dữ liệu và làm nghiên cứu

MT15: Nhận thức được các yêu cầu về tính bảo mật và liêm chính trong xử lý số liệu và nghiên cứu khoa học.

MT16: Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.

MT17: Rèn luyện để sử dụng thành thạo các phương pháp phân tích dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101002358	Phân tích số liệu khoa học xã hội	0	0	0	0	0	0	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	3	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		0	2	2				

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Xác định được những vấn đề tổng quan về phần mềm SPSS trong phân tích số liệu.	PO12, PO13
	CO2	Giải thích ý nghĩa của việc phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học xã hội.	PO12, PO13
MT2	CO3	Phân biệt các loại dữ liệu trong nghiên cứu khoa học.	PO12, PO13
	CO4	Phân loại các thang đo trong nghiên cứu khoa học xã hội.	PO12, PO13
MT3	CO5	Mô tả được phương pháp phân tích đơn biến.	PO12, PO13
	CO6	Trình bày được phương pháp phân tích hai biến.	PO12, PO13
	CO7	Thiết kế phương pháp phân tích dữ liệu phù hợp cho các nghiên cứu khoa học xã hội.	PO12, PO13
MT4	CO8	Áp dụng được các bước để chuẩn bị nguồn dữ liệu	PO12, PO13

		cho một nghiên cứu khoa học.	
	CO9	Thực hiện tạo tập dữ liệu cho hoạt động phân tích dữ liệu.	PO12, PO13
	CO10	Ứng dụng phần mềm SPSS tạo các biểu đồ trong trình bày số liệu.	PO12, PO13
MT5	CO11	Thực hiện được các phép thống kê mô tả bằng phần mềm SPSS.	PO12, PO13
MT6	CO12	Thực hiện được các kiểm định giả thuyết về trị trung bình của hai tổng thể.	PO12, PO13
MT7	CO13	Ứng dụng phần mềm SPSS để thực hiện các kiểm định phi tham số	PO12, PO13
MT8	CO14	Thực hiện được các phân tích phương sai sử dụng phần mềm SPSS.	PO12, PO13
MT9	CO15	Ứng dụng phần mềm SPSS trong phân tích mô hình hồi quy	PO12, PO13
<b>Kỹ năng</b>			
MT10	CO16	áp dụng được các khả năng tư duy lập luận logic; khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu trong phân tích dữ liệu.	PO12, PO13
MT11	CO17	Phát triển được các kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PO12, PO13
MT12	CO18	Phát triển được kỹ năng phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học xã hội.	PO12, PO13
<b>Về năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT13	CO19	Nhận thức được tầm quan trọng của phân tích dữ liệu trong hoạt động nghiên cứu về khoa học xã hội.	PO16, PO17
MT14	CO20	Nghiêm túc đối với hoạt động phân tích dữ liệu và làm nghiên cứu	PO16, PO17
MT15	CO21	Nhận thức được các yêu cầu về tính bảo mật và liêm chính trong xử lý số liệu và nghiên cứu khoa học.	PO16, PO17
MT16	CO22	Ý thức được trách nhiệm của mình với công việc được phân công.	PO16, PO17
MT17	CO23	Rèn luyện để sử dụng thành thạo các phương pháp phân tích dữ liệu bằng phần mềm chuyên dụng.	PO16, PO17

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức trọng tâm về: chức năng cơ bản của phần mềm SPSS và các ứng dụng của phần mềm SPSS trong nghiên cứu khoa học xã hội. Cụ thể, sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng phân loại dữ liệu, mã hóa, nhập liệu, làm sạch dữ liệu; ứng dụng phần mềm SPSS để thực hiện các phép thống kê mô tả, đánh giá độ tin cậy của thang đo Cronbach's alpha, kiểm định giả thuyết trung bình của hai tổng thể, kiểm định phi tham số, phân tích phương sai và kiểm định tương quan và hồi quy tuyến tính. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng vào hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Thông qua việc thuyết giảng sinh viên nắm được nội dung kiến thức môn học mới.	CO1, CO2, ... CO23
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, ... CO23
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, ... CO23
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, ... CO23

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.
- Tham dự kiểm tra giữa kì.
- Tham dự thi kết thúc học phần.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ - tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO19, CO20, CO21, CO22, CO23	10
2	Bài tập nhóm	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, ... CO23	10
3	Bài kiểm giữa kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, ... CO12	10
4	Thi kết thúc HP	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, ... CO23	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Đỗ Văn Thắng và Phan Thành Huân (2003). *Giáo trình SPSS dành cho sinh viên khối ngành khoa học xã hội và nhân văn*. NXB Đại học Quốc Gia.

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2013). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS tập 1*. Nhà xuất bản Hồng Đức

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<b>Chương 1: Giới thiệu tổng quan về phần mềm spss và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học xã hội</b> 1.1 giới thiệu tổng quan về phần mềm spss 1.2 phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học xã hội		CO1, CO2
2	<b>Chương 2: Các loại dữ liệu và thang đo</b> 1.1 Phân loại dữ liệu 1.2 Các loại thang đo		CO3, CO4

3	<b>Chương 3: Phương pháp phân tích dữ liệu</b> 3.1 Lựa chọn phương pháp phân tích dữ liệu thích hợp 3.2 Kiểm định thống kê để đánh giá các giả thuyết 3.3 Phân tích đơn biến 3.4 Phân tích hai biến		CO5, CO6, CO7
4	<b>Chương 4: Mã hóa và nhập dữ liệu</b> 4.1 chuẩn bị dữ liệu 4.2 Tạo tập dữ liệu mới 4.3 Cách trình bày số liệu bằng biểu đồ		CO8, CO9, CO10
5	Thực hành thu thập dữ liệu và tạo file dữ liệu		CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
6	<b>Chương 5: Thống kê mô tả</b> 5.1 Thống kê mô tả 5.2 Mối quan hệ giữa các biến		CO11
7	<b>Chương 6: Kiểm định giả thuyết trung bình của hai tổng thể</b> 6.1 Kiểm định T một mẫu 6.2 Kiểm định T hai mẫu		CO12
8	Thực hành thống kê mô tả và kiểm định T-test.		CO11, CO12
9	Kiểm tra giữa kỳ		CO1, CO2, ... CO12
10	<b>Chương 7: Kiểm định phi tham số</b>		CO13
11	<b>Chương 8: Phân tích phương sai</b> 8.1 Phân tích phương sai một yếu tố 8.2 Phân tích phương sai hai yếu tố		CO14
12	Thực hành các kiểm định phi tham số và phân tích phương sai		CO13, CO14
13	<b>Chương 9: Tương quan và hồi quy tuyến tính</b> 9.1 Tương quan tuyến tính 9.2 Hồi quy tuyến tính 9.3 Mô hình hồi quy bội		CO15
14	Thực hành các phân tích tương quan		CO15



	và hỏi quy.		
15	Ôn tập thi cuối kỳ		CO1, CO2, ... CO15

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Giáo trình, phần mềm SPSS, máy chiếu, loa, laptop.

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**ThS. Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Tiếng Anh thương mại

Mã học phần: 0101002005

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	15	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Nghe nói 4, đọc 4, viết 4

Học phần học trước: Nghe nói 4, đọc 4, viết 4

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

**\* Về kiến thức**

MT1: Áp dụng những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ trong các văn bản xã hội và phương pháp để luyện tập và nâng cao kỹ năng viết một số loại văn bản xã hội bằng tiếng Anh tạo nền tảng để sau khi tốt nghiệp.

MT2: Viết các loại thư thương mại, bản ghi nhớ, báo cáo công việc. Có những kỹ năng xử lý tình huống trong thương mại.

MT3: Viết cho mẫu CV và đơn xin việc bằng tiếng Anh.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Làm việc theo nhóm, học được những ý tưởng hay qua việc thảo luận nhóm và cách trình bày một mẫu thư cá nhân, thư thương mại, thư xin xin việc, mẫu CV, lý lịch cá nhân.

MT5: Phân tích thông tin các văn bản xã hội và số liệu của một bảng cáo cáo bằng tiếng Anh.



MT6: Đọc hiểu những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; hiểu được những thông báo, báo cáo trong công việc.

**\*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, tích cực, say mê tập viết bằng tiếng Anh các mẫu thư thương mại.

MT8: Hình thành thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
10100 2005	Tiếng Anh thương mại	0	0	0	3	0	0	3	0	0	3
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
		0	2	0	0	0	2	0			

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT2, MT3, MT6	CO1	Áp dụng 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là kỹ năng viết trong thương mại	PO4
MT2	CO2	Trình bày kiến thức về văn hóa của một số quốc gia phát triển về thương mại như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO3	Làm việc theo nhóm để thuyết trình hiệu quả	PO7
MT5, MT6	CO4	Đọc hiểu văn bản và biên-phiên dịch các tài liệu trong thương mại	PO7
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO5	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, chuyên cần và chăm chỉ trong học tập	PO17

MT8	CO6	Tích cực học trên lớp, về nhà, trung thực trong thi cử	PO17
-----	-----	--	------

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần *Tiếng Anh thương mại* được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các vấn đề thực tế trong hoạt động kinh doanh như: Quảng cáo, marketing quốc tế, thương mại điện tử, quản lý tổ chức, văn hóa kinh doanh, và thay đổi phương thức kinh doanh trong nền kinh tế mới. Thông qua một loạt các hoạt động chẳng hạn như: thuyết trình, networking, giải quyết các tình huống khó khăn, và các bài nghe giúp người học chủ động, rèn luyện kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả trong các hoạt động kinh doanh.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học và kỹ năng làm việc nhóm.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO3, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghe giảng trên lớp; làm bài tập; thảo luận; học đôi, nhóm; tự học. Các hoạt động viết bài được thực hiện theo cặp, nhóm hay cá nhân và được làm tại lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn tự học qua việc tự sửa bài hoặc sửa bài cho nhau và qua một số sách tham khảo.

- SV phải chuẩn bị bài, đi học đúng giờ, tham dự lớp 80%, làm đầy đủ các bài tập và tham gia thảo luận ở lớp.

- Tham dự kiểm tra giữa kì, tham dự thi kết thúc học phần

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] David Cotton & David Falvey (2002) *Market Leader (New Edition)*. Third impression. Pearson. Longman

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Keith Harding & Alastair Lane (2014). *International Express (3<sup>rd</sup> edition)*. Oxford University Press, Oxford.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Trang	CDR của HP
1	<b>Unit 1 brands</b> - Talk about your favourite brands - listening: An interview with a brand manager Reading: Building luxury brands - Financial Times - Words that go with brand. product and market	<b>Trang 6-13</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Present simple and present continuous</li> <li>- Taking part in meetings</li> <li>- Hudson Corporation: Decide how a luggage manufacturer can protect its brand Writing: e-mail</li> </ul>		
2	<p><b>Unit 2. Travel</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Talk about your travel experiences</li> <li>- Listening: An interview with a sales director of a hotel chain Reading: What business travellers want- Financial Times</li> <li>- British and American travel words Talking about the future</li> </ul>	<b>Trang 14-21</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	<p><b>Unit 3. Change</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Discuss attitudes to change in general and at work</li> <li>- Reading: Mercedes, shining star- Financial Times listening: An interview with a management consultant</li> <li>- Words for describing change Past simple and present perfect</li> </ul>	<b>Trang 22-29</b>	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
4	<b>Revision 1</b>	<b>Trang 32-35</b>	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
5	<p><b>Unit 4 Organization</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Talk about status within an organisation</li> <li>- Reading: A successful organisation - Financial Times listening: An interview with a management consultant</li> <li>- Words and expressions to describe company structure Noun combinations</li> </ul>	<b>Trang 36-43</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Socialising: introductions and networking</li> </ul>		
6	<p><b>Unit 5. Advertising</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Discuss authentic advertisements</li> <li>- Reading: A new kind of campaign -Financial Times listening: An interview with a marketing communications executive</li> <li>- Words and expressions for talking about advertising Article</li> </ul>	Trang 44-51	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
7	<p><b>Unit 6 Money</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do a Quiz and discuss attitudes to money</li> <li>- listening: An interview with an investment director Reading: An inspirational story- Sunday Times</li> <li>- Words and expressions for talking about finance Describing trends</li> <li>- Dealing with figures</li> </ul>	Trang 52-59	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
8	<p><b>Revision 2</b></p>	Trang 62-65	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
9	<p><b>Unit 7. Cultures</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Discuss the importance of cultural awareness in business</li> <li>- Listening: An interview with the manager of a cultural training centre Reading: Culture shock- Finance Week</li> <li>- Idioms for talking about business relationships Advice, obligation and necessity</li> </ul>	Trang 66-73	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
10	<p><b>Unit 8 human sources</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Talk about job interviews</li> </ul>	.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Reading: Women at work- Thanh Nien News listening: An interview with an international recruitment specialist</li> <li>- Expressions for talking about job applications -ing forms and infinitives</li> </ul>	<b>Trang 74-81</b>	
11	<b>Unit 9. International markets</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Discuss the development of international markets</li> <li>- Reading: Trade between China and the US -Chino Doily, Reuters Listening: An interview with an expert on negotiating</li> <li>- Words and expressions for talking about free trade Conditions</li> </ul>	<b>Trang 82-89</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
12	<b>Revision 3</b>	<b>Trang 92-95</b>	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
13	<b>Unit 10 Ethnics</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Discuss questions of ethics at work</li> <li>- Reading: The ethics of resume writing- Business Week Listening: An interview with the director of an environmental organization</li> <li>- Words to describe illegal activity or unethical behaviour Narrative tenses</li> </ul>	<b>Trang 96-103</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
14	<b>Unit 11 Leadership</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Discuss the qualities of good leadership</li> <li>- Listening: An interview with the managing director of an executive recruitment company</li> </ul>	<b>Trang 103-111</b>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6





	Reading: Leading L'Oreal - Financial Times - Words to describe character Relative clauses		
15	<b>Unit 12 Competition</b> - Do a quiz on how competitive you are - Reading: Head to head competition - Financial Times Listening: An interview with a manager from the Competition Commission - Idioms from sport to describe competition Passives	Trang 105- 111	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học có bảng đen, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Tiếng Anh báo chí

Mã học phần: 0101002359

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Nghe nói 4, Đọc 4, Viết 4

Học phần học trước: Nghe nói 4, Đọc 4, Viết 4

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

\* Về kiến thức

MT1: Vận dụng kiến thức về thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành tiếng Anh báo chí.

MT2: Vận dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh một cách hiệu quả để phục vụ các mục đích giao tiếp liên quan đến lĩnh vực báo chí.

MT3: Xác định các dạng báo đang phổ biến hiện nay.

\* Về kỹ năng

MT4: Ứng dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nhất là viết bản tin trong báo chí.

MT5: Đọc-dịch, nghe-dịch những bài báo tiếng Anh trong nhiều ngành.

\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Rèn luyện thái độ tích cực trong làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc hiệu quả.

MT7: Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
0101002359	Tiếng Anh báo chí	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	3	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
0	2	0						

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Vận dụng kiến thức về thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành tiếng Anh báo chí.	PO4, PO7
MT2	CO2	Vận dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh một cách hiệu quả để phục vụ các mục đích giao tiếp liên quan đến lĩnh vực báo chí.	PO7
MT3	CO3	Xác định các dạng báo đang phổ biến hiện nay.	PO10
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Vận dụng kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, nhất là viết bản tin trong báo chí.	PO7
MT5	CO5	Đọc-dịch, nghe-dịch những bài báo tiếng Anh trong nhiều ngành.	PO10
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT6	CO6	Rèn luyện thái độ tích cực trong làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc hiệu quả.	PO12
MT7	CO7	Hình thành sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.	PO16

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng liên quan báo chí cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng nghe, đọc, hiểu để tóm tắt và viết bài báo nhằm đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn kiến thức cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học và logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6	10

4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
---	-----------------	----	--	-----------------------------------	----

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

Tập bài giảng.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Lesson 1: Introduction to Journalism Studies Why Should We Study the Language of Journalism? The Issues of Journalism		CO4
2	Lesson 2: Who is a Journalist?		CO4
3	Lesson 3: Investigating the Language of Journalism		CO4
4-5	Lesson 4: News Production and News Content		CO3, CO4
6	REVIEW		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
7	Lesson 5: Specialist journalism		CO3
8-9	Lesson 6: The craft of writing		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
10	REVIEW		CO4, CO5
11	Mid-term test		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
12	Lesson 7: Writing and reporting news		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
13	Lesson 8: Essential Skills for 21st Century Journalism		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
14	Lesson 9: Journalism studies in a global context		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

15	REVIEW	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
----	--------	---

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



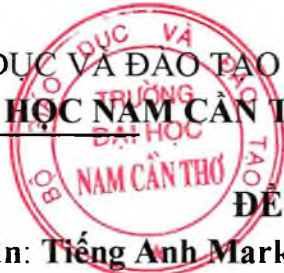
**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Tiếng Anh Marketing**

Mã học phần: **0101002360**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Tự chọn**

Học phần tiên quyết: **Nghe nói 4, đọc 4, viết 4**

Học phần học trước: **Nghe nói 4, đọc 4, viết 4**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Vận dụng kiến thức cơ bản về ngôn ngữ trong các văn bản xã hội, giao tiếp với khách hàng, thảo luận về chiến dịch quảng cáo với công ty và phương pháp để luyện tập và nâng cao kỹ năng viết một số loại văn bản xã hội bằng tiếng Anh tạo nền tảng để sau khi tốt nghiệp như kế hoạch tiếp thị, hoặc viết một thông cáo báo chí.

MT2: Phát triển kỹ năng nói khi thực hành việc gọi điện thoại, đối thoại và trình bày, qua đó sử dụng vốn từ chuyên ngành liên quan đến việc xây dựng thương hiệu, nghiên cứu thị trường, tỷ lệ quảng cáo, marketing trực tiếp, và quan hệ công chúng. Thêm vào đó, người học có thể thực hành nghe hiểu để phát triển kỹ năng giao tiếp qua việc nghe thực tế như là đoạn hội thoại, thuyết trình và bài giảng ...

MT3: Vận dụng và phát triển kỹ năng viết qua việc thực hành viết thông cáo báo chí, email, tường trình hay báo cáo bằng tiếng Anh.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Nhận biết được tầm quan trọng của việc làm việc theo nhóm, học được những ý tưởng hay qua việc thảo luận nhóm qua cách trình bày những chủ đề quan trọng liên quan đến tìm kiếm khách hàng, công cụ và chiến lược marketing, tạo quảng cáo và hội chợ thương mại,....

MT5: Khái quát hóa được các kiến thức về kỹ năng đọc phân tích và đánh giá thông tin các bài quảng cáo bằng tiếng Anh.

MT6: Phát triển kỹ năng đọc hiểu qua những bài viết phục vụ cho mục đích nắm bắt thông tin hoặc mở rộng kiến thức: những sự kiện xã hội, quảng cáo, những tiêu đề trên báo và những bài báo viết về những chủ đề quen thuộc; hiểu được những thông báo, báo cáo trong công việc.

**\*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Rèn luyện được tính chuyên cần, chăm chỉ, tích cực, say mê thực hành nói và viết để trình bày ý kiến cá nhân, hoặc đưa ra phản hồi

MT8: Hướng đến thái độ tích cực tham gia vào các hoạt động trên lớp, chủ động chuẩn bị bài và làm bài tập ở nhà, trung thực trong kiểm tra, đánh giá.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
010100 2360	Tiếng Anh										
	Marketing	0	0	0	3	0	0	3	0	0	3
		PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17			
		0	2	0	0	0	2	0			

**5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1,MT2, MT3, MT6	CO1	Tổng hợp được kiến thức về việc áp dụng 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp bằng nói và viết.	PO4
MT2	CO2	Nhận biết và giải thích được những thuật ngữ nghiên cứu thị trường và chiến dịch quảng cáo.	PO4
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO3	Tổ chức được việc làm việc theo nhóm	PO7, PO12



		để thuyết trình hiệu quả.	
MT5, MT6	CO4	Phát triển kỹ năng đọc hiểu qua những văn bản và biên-phiên dịch các tài liệu trong lĩnh vực marketing.	PO10
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT7	CO5	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, chuyên cần và chăm chỉ trong học tập.	PO17
MT8	CO6	Hình thành thái độ tích cực học trên lớp, về nhà, trung thực trong thi cử.	PO17

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần *English for Marketing and Advertising* được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến các vấn đề thực tế trong hoạt động marketing như: tìm kiếm khách hàng, chiến thuật marketing, tạo quảng cáo và hội chợ thương mại. Thông qua một loạt các hoạt động chẳng hạn như: thuyết trình, viết email và báo cáo, thông cáo báo chí, và nghe thực tế sẽ cung cấp cho các bạn học sinh, sinh viên kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ một cách hiệu quả.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học và kỹ năng làm việc nhóm.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO3, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghe giảng trên lớp; làm bài tập; thảo luận; học đôi, nhóm; tự học. Các hoạt động viết bài được thực hiện theo cặp, nhóm hay cá nhân và được làm tại lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn tự học qua việc tự sửa bài hoặc sửa bài cho nhau và qua một số sách tham khảo.

- SV phải chuẩn bị bài, đi học đúng giờ, tham dự lớp 80%, làm đầy đủ các bài tập và tham gia thảo luận ở lớp.

- Tham dự kiểm tra giữa kì, tham dự thi kết thúc học phần

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6	10

### 10. Học liệu

#### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Sylee Gore, (2021) *English for Marketing and Advertising*. Oxford

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] David Cotton & David Falvey, (2002) *Market Leader (New Edition)*. Third impression. Pearson. Longman

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<b>1. Introduction to Marketing and Advertising</b>		
1	- Topics: Jobs and responsibilities	[1] Mục 1- 11,	CO1, CO2, CO4, CO5, CO6

	<p>Corporate identity, logos Branding</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Useful Languages and Skills: Talking about Job descriptions Presenting your ideas</li> <li>- Exercises</li> </ul>	Unit 1	
	<b>2. Finding the Customer</b>		
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Topics: Marketing research Customer profiles Data collection A telephone survey</li> <li>- Useful Languages and Skills: Giving and asking for opinions Agreeing and disagreeing Marketing research terms Asking questions Writing reports</li> <li>- Exercises</li> </ul>	[1] Mục 1-10, Unit 2	CO1, CO2, CO4, CO6
	<b>3. Planning a Marketing Strategy</b>		
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Topics: The marketing plan The four Ps Pricing and positioning strategies</li> <li>- Useful Languages and Skills: Writing emails Writing positioning strategies Giving a presentation</li> <li>- Exercises</li> </ul>	[1] Mục 1-12, Unit 3	CO1, CO2, CO4, CO6
	<b>4. Creating Ads</b>		
4-5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Topics: The AIDA model for advertising Working with an ad agency Advertising channels</li> </ul>	[1] Mục 1-16, Unit 4	CO1, CO2, CO4, CO6

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rate sheets</li> <li>- Useful Languages and Skills: Discussing an ad campaign Giving feedback</li> <li>- Exercises</li> </ul>		
	<b>5. Marketing Tools</b>		
6-7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Topics: Distribution channels Types of discount Types of retailer Telemarketing Direct marketing</li> <li>- Useful Languages and Skills: Telephoning – getting through Writing to customers (direct mailing)</li> <li>- Exercises</li> </ul>	[1] Mục 1-12, Unit 5	CO1, CO3, CO4, CO6
	<b>6. Presenting your public face</b>		
8-9	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Topics: Public relations Websites as a marketing tool Sponsoring Effective press releases</li> <li>- Useful Languages and Skills: Getting customer quotes Writing press releases Writing a holiday letter</li> <li>- Exercises</li> </ul>	[1] Mục 1-10, Unit 6	CO1, CO3, CO4, CO6
	<b>7. Marketing through trade fairs</b>		
10-11	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Topics: Giveaways Organizing events Attending a trade fair</li> <li>- Useful Languages and Skills: The language of trade</li> </ul>	[1] Mục 1-10, Unit 7	CO1, CO3, CO4, CO6

	fairs Socializing Reporting on a trade fair visit - Exercises		
	<b>Revision 1</b>		
<b>12-13</b>	- Exercises Unit 1 – Unit 4 - Midterm test	[1] Unit 1 – Unit 4	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	<b>Revision 2</b>		
<b>14-15</b>	- Exercises Unit 5 - Unit 7	[1] Unit 5 – Unit 7	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học có bảng đen, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng**

Mã học phần: **0101002361**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	15	0	30	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Tự chọn**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Các giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

**MT1:** Phân biệt các thuật ngữ chuyên ngành về lĩnh vực nhà hàng – khách sạn.

**MT2:** Tổ chức các hoạt động dịch vụ liên quan đến nhà hàng – khách sạn.

**\* Về kỹ năng**

**MT3:** Áp dụng các kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành để giao tiếp trong các tình huống thực hiện nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn cơ bản.

**MT4:** Lên kế hoạch cho các hoạt động du lịch – nhà hàng theo nhu cầu khách hàng.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

**MT5:** Nhận thức được trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ các giá trị văn hóa, xã hội của đất nước.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0101002361	Tiếng Anh										
		0	0	0	3	0	0	3	0	0	3
	lich – Nhà hàng	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO17			
		1	2	3	4	5	6				
		0	2	0	0	3	0	0			

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Phân biệt được các khái niệm thường gặp về lĩnh vực nhà hàng – khách sạn, lưu trú, điều hành tour.	PO4, PO7, PO10, PO12
MT2	CO2	Tổ chức các hoạt động tour, lưu trú cho các hành khách sử dụng tiếng Anh.	PO4, PO7, PO10, PO12
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO3	Áp dụng kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành để giới thiệu các hoạt động du lịch – lưu trú.	PO4, PO7, PO10, PO12
MT4	CO4	Lên kế hoạch cho các tour du lịch – lưu trú bằng ngôn ngữ chuyên ngành.	PO4, PO7, PO10, PO12
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT5	CO5	Nhận thức được giá trị cảnh đẹp, văn hóa của đất nước để phổ biến đến các khách du lịch.	PO15

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Tiếng Anh Du lịch – Nhà hàng cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh chuyên ngành về lĩnh vực nhà hàng – khách sạn. Nội dung học tập tập trung vào việc giúp cho sinh viên phân biệt các hoạt động du lịch, lưu trú, các kiến thức về điều hành tour du lịch, chào đón và hỗ trợ khách hàng. Kết hợp các từ ngữ chuyên ngành và các kiến thức về ngôn ngữ, người học có thể hỗ trợ, truyền tải các giá trị về văn hóa lịch sử của địa phương đến với khách du lịch trong và ngoài nước.

### 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học và kỹ năng làm việc nhóm.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

### 8. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Nghe giảng trên lớp; làm bài tập; thảo luận; học đôi, nhóm; tự học. Các hoạt động viết bài được thực hiện theo cặp, nhóm hay cá nhân và được làm tại lớp hoặc ở nhà. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn tự học qua việc tự sửa bài hoặc sửa bài cho nhau và qua một số sách tham khảo.

- SV phải chuẩn bị bài, đi học đúng giờ, tham dự lớp, làm đầy đủ các bài tập và tham gia thảo luận ở lớp.

- Tham dự kiểm tra giữa kì, tham dự thi kết thúc học phần

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Bài tập/kiểm tra định kỳ	15	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10





TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
3	Thực hành	50	Theo tiêu chí đánh giá của bài thực hành	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng . (2023). Đại học Nam Cần Thơ.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

Duckworth, M. (2009). *Going international: English for Tourism*. Oxford University Press.

Margaret, O & Iwonna, D. (2003). *English for International Tourism*. Pearson Education Limited

Strutt, P. (2003). *English for international tourism. course book*. Longman.

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Unit 1 - Introduction to tourism	Unit 1 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
2	Unit 2 - Tourist attractions	Unit 2 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3	Unit 3 - Accommodation	Unit 3 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
4	Unit 4 - Tour operators	Unit 4 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5	Revision		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	Unit 5 - Travel agencies	Unit 5 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7	Unit 6 - Welcoming guests	Unit 6 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

Buổi	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
8	Unit 7 - Tickets, reservations, insurance	Unit 7 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9	Unit 8 - Tourist motivation	Unit 8 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	Revision + progress test		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
11	Unit 9 - Air travel	Unit 9 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
12	Unit 10 - Travel by road and rail	Unit 10 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
13	Unit 11 - Travel by sea and river	Unit 11 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
14	Unit 12 - Development in tourism	Unit 12 – Giáo trình Tiếng Anh du lịch – Nhà hàng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
15	Final Revision		

**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**

- Phòng học có bảng đen, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**



**ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: Tiểu luận tốt nghiệp

Mã học phần: 0101002062

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 4      Tổng số tiết quy chuẩn: 120

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar			120		120+120=240

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

**Học phần học trước:** Không

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt  Tiếng Anh:

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành tiểu luận tốt nghiệp, sinh viên có thể:

**\* Về kiến thức**

MT1: Mô tả các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.

MT2: Áp dụng các kiến thức đã học để viết đề cương nghiên cứu khoa học một cách độc lập.

**\* Về kỹ năng**

MT3: Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói riêng và xã hội nói chung.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân.

MT5: Hình thành sự tự tin, hứng thú, và niềm đam mê đối với nghiên cứu khoa học.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101002062	Tiêu luận tốt nghiệp	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	3	3	3	3
		PO15	PO16	PO17				
		0	3	0				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Trình bày các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.	PO4, PO7
MT2	CO2	Áp dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học để viết đề cương nghiên cứu một cách độc lập.	PO4, PO7
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO3	Tổng quan tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.	PO11, PO12, PO13, PO14,
	CO4	Thu thập và xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học.	PO11, PO12, PO13, PO14
	CO5	Hoàn thành báo cáo khóa luận tốt nghiệp.	PO11, PO12, PO13, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT4	CO6	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, có đạo đức nghiên cứu và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân	PO12, PO16
MT5	CO7	Hình thành sự tự tin, hứng thú, và niềm đam mê đối với nghiên cứu khoa học.	PO16

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên tham gia một nghiên cứu phù hợp với chuyên môn khoa học và trình độ. Sinh viên có thể tham gia vào các đề tài, dự án nghiên cứu của Bộ môn hoặc các đơn vị có lĩnh vực nghiên cứu tương ứng theo chương trình đào tạo của ngành.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên hướng dẫn và sinh viên để làm rõ các nội dung nghiên cứu trong quá trình thực hiện tiểu luận tốt nghiệp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tự nghiên cứu	Giúp sinh viên hiểu rõ vấn đề nghiên cứu, tự định hướng và đưa ra kết luận chuyên môn	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường khả năng nghiên cứu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nộp bài theo đúng lộ trình của Bộ môn đề ra
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

## 9. Đánh giá tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên (thang điểm 10)

- Báo cáo tiểu luận tốt nghiệp của sinh viên sẽ được chấm bởi 02 giảng viên và được triển khai theo quy định của Nhà trường.

## 10. Tiến trình khóa văn

### 1. Điều kiện thực hiện tiểu luận tốt nghiệp:

- Theo quy định của Nhà trường.

### 2. Kế hoạch thời gian:

#### Tuần 1

- Sinh viên đăng ký đề tài tiểu luận tốt nghiệp và nộp thông tin đề tài cho Bộ môn.

#### Tuần 2

- Bộ môn công bố danh sách sinh viên đăng ký và đủ điều kiện thực hiện tiểu luận tốt nghiệp.
- Bộ môn công bố danh sách giảng viên hướng dẫn tiểu luận tốt nghiệp.

#### Tuần 3 - 5

- Giảng viên hướng dẫn duyệt đề tài sơ bộ.
- Sinh viên gửi tên đề tài chính thức cho giảng viên hướng dẫn.
- Bộ môn công bố danh sách sinh viên và đề tài thực hiện.



**Tuần 6-17**

- Sinh viên chính thức thực hiện tiểu luận tốt nghiệp.
- Sinh viên báo cáo tiến độ thực hiện cho cán bộ hướng dẫn theo định kỳ.
- Cán bộ hướng dẫn cung cấp thông tin tình hình thực hiện tiểu luận tốt nghiệp đến lãnh đạo Khoa.

**Tuần 18:**

- Sinh viên kết thúc thực hiện tiểu luận tốt nghiệp.
- Sinh viên nộp báo cáo tiểu luận tốt nghiệp bản chính cho giảng viên hướng dẫn để hoàn chỉnh và ký xác nhận.
- Giảng viên hướng dẫn nộp tiểu luận tốt nghiệp chính thức cho Bộ môn.

**Tuần 19:**

- Bộ môn công bố danh sách cán bộ chấm tiểu luận tốt nghiệp.
- Cán bộ chấm tiểu luận tốt nghiệp đọc và nhận xét.

**Tuần 20**

- Bộ môn tổ chức buổi chấm tiểu luận tốt nghiệp: Sinh viên trình bày những nội dung chính trong báo cáo tiểu luận và trả lời câu hỏi của cán bộ chấm.
- Công bố điểm chính thức và nhập điểm vào hệ thống quản lý điểm.
- Sinh viên tiến hành chỉnh sửa báo cáo tiểu luận tốt nghiệp theo yêu cầu của cán bộ chấm.

**KHOA NGOẠI NGỮ****TS. Trần Thị Thùy****BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH****ThS. Phạm Trút Thùy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Khóa luận tốt nghiệp**

Mã học phần: **0101002063**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: 8

Tổng số tiết quy chuẩn: 240

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
			240		240+240=480

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp, sinh viên có thể:

**\* Về kiến thức**

MT1: Mô tả quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.

MT2: Áp dụng các kiến thức đã học để thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học độc lập.

**\* Về kỹ năng**

MT3: Phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ Anh nói riêng và xã hội nói chung.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT4: Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân.

MT5: Hình thành sự tự tin, hứng thú, và niềm đam mê đối với nghiên cứu khoa học.

**4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao



Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
ESH3005	Khóa luận tốt nghiệp	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	3	3	3	3
		PO15	PO16	PO17				
		0	3	3				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Trình bày các bước thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học.	PO4, PO7
MT2	CO2	Áp dụng các kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện một đề tài nghiên cứu độc lập.	PO4, PO7
<b>Kỹ năng</b>			
MT3	CO3	Tổng quan tài liệu liên quan đến đề tài nghiên cứu.	PO11, PO12, PO13, PO14,
	CO4	Thu thập và xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học.	PO11, PO12, PO13, PO14
	CO5	Hoàn thành báo cáo khóa luận tốt nghiệp.	PO11, PO12, PO13, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT4	CO6	Rèn luyện khả năng làm việc độc lập, có đạo đức nghiên cứu và có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân	PO16, PO17
MT5	CO7	Hình thành sự tự tin, hứng thú, và niềm đam mê đối với nghiên cứu khoa học.	PO16, PO17

### 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần nhằm tổ chức cho sinh viên tham gia một nghiên cứu phù hợp với chuyên môn khoa học và trình độ. Sinh viên có thể tham gia vào các đề tài, dự án nghiên cứu của Bộ môn hoặc các đơn vị có lĩnh vực nghiên cứu tương ứng theo chương trình đào tạo của ngành.



## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên hướng dẫn và sinh viên để làm rõ các nội dung nghiên cứu trong quá trình thực hiện Khóa luận tốt nghiệp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Tự nghiên cứu	Giúp sinh viên hiểu rõ vấn đề nghiên cứu, tự định hướng và đưa ra kết luận chuyên môn	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường khả năng nghiên cứu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Nộp bài theo đúng lộ trình của Khoa đề ra
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

## 9. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp của sinh viên (thang điểm 10)

- Báo cáo khóa luận tốt nghiệp của sinh viên sẽ được chấm bởi Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp và được triển khai theo quy định của Nhà trường.

## 10. Tiến trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp

### 11. Điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp:

- Theo quy định của Nhà trường.

### 12. Kế hoạch thời gian:

#### Tuần 1

- Sinh viên đăng ký đề tài khóa luận tốt nghiệp và nộp thông tin đề tài cho Bộ môn.

#### Tuần 2

- Bộ môn công bố danh sách sinh viên đăng ký và đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp.
- Bộ môn công bố danh sách giảng viên hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp.

#### Tuần 3

- Giảng viên hướng dẫn duyệt đề cương sơ bộ.
- Sinh viên gửi tên đề tài chính thức cho giảng viên hướng dẫn.

#### Tuần 4:



- Sinh viên thực hiện đề cương chi tiết và nộp về Bộ môn quản lý.

**Tuần 5:**

- Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa Ngoại ngữ tổ chức phê duyệt đề cương (*Sinh viên báo cáo đề cương trước hội đồng*, hoặc sẽ được nhận góp ý từ thành viên hội đồng).

- Công bố danh sách sinh viên và đề tài thực hiện.

**Tuần 6-17**

- Sinh viên nộp lại đề cương chính thức sau khi đã nhận được góp ý.

- Bộ môn gửi tên đề tài chính thức cho Khoa.

- Sinh viên chính thức thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên báo cáo tiến độ thực hiện cho cán bộ hướng dẫn theo định kỳ.

- Cán bộ hướng dẫn cung cấp thông tin tình hình thực hiện khóa luận tốt nghiệp đến lãnh đạo Khoa.

**Tuần 18:**

- Sinh viên kết thúc thực hiện đề tài.

- Sinh viên nộp báo cáo khóa luận tốt nghiệp bản chính cho giảng viên hướng dẫn để hoàn chỉnh và ký xác nhận.

- Giảng viên hướng dẫn lập danh sách sinh viên đủ và không đủ điều kiện bảo vệ gửi về Khoa để báo cáo thông tin.

- Giảng viên hướng dẫn nộp khóa luận tốt nghiệp chính thức cho trợ lý Khoa.

**Tuần 19:**

- Bộ môn công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

- Bộ môn công bố hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

- Thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp đọc và nhận xét.

**Tuần 20**

- Bộ môn tổ chức bảo vệ khóa luận tốt nghiệp và công bố điểm (Sẽ công bố lịch chi tiết).

- Công bố điểm chính thức và nhập điểm vào hệ thống quản lý điểm.

- Sinh viên tiến hành chỉnh sửa báo cáo khóa luận tốt nghiệp theo yêu cầu của hội đồng.

*Lưu ý: Một khóa luận tốt nghiệp ĐH có thể từ 01 đến 02 cán bộ hướng dẫn và phải có ít nhất 01 cán bộ giảng viên thuộc trường Đại học Nam Cần Thơ.*

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thủy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thủy**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Tên học phần:** Đọc 3

**Mã học phần:** 0101001692

**1. Thông tin về học phần**

**Số tín chỉ:** 3      **Tổng số tiết quy chuẩn:** 45

**Phân bố thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	30	0	60 + 120 = 180

**Loại học phần:** Bắt buộc

**Học phần tiên quyết:** Đọc 1, Đọc 2

**Học phần học trước:** Đọc 1, Đọc 2

**Học phần học song hành:** Không

**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt       Tiếng Anh:

**Đơn vị phụ trách:** Bộ môn cơ sở ngành Ngôn Ngữ Anh

**2. Thông tin về các giảng viên**

Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

**\* Về kiến thức**

MT1: Xác định các ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những thuật ngữ thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình.

MT2: Áp dụng được các chiến thuật đọc hiểu trong việc đọc hiểu các văn bản phức tạp với các chủ đề cụ thể và trừu tượng.

MT3: Vận dụng được từ vựng và ngữ pháp trong việc đọc hiểu.

**\* Về kỹ năng**

MT4: Phát triển được kỹ năng đọc ở mức trung cấp theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

MT5: Phát triển và vận dụng thực tiễn các kỹ năng đọc hiểu trong quá trình đọc.

MT6: Phát triển kỹ năng làm việc theo đôi hoặc nhóm trong quá trình đọc hiểu.

MT7: Phát triển kỹ năng tự học trong quá trình đọc hiểu và chiếm lĩnh văn bản tiếng Anh.

**\* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Xây dựng thái độ tích cực trong làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Phát triển sự tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.



#### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
0101001692	Đọc 3	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
		0	0	3	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		2	0	0	0	0	0	0
		PO15	PO16	PO17				
0	0	2						

#### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1, MT3	CO1	Nhận biết từ vựng và ngữ pháp để đọc hiểu ở trình độ trung cấp.	PO4, PO5
MT1, MT2	CO2	Trình bày được các chiến thuật đọc hiểu như đọc lấy ý chính, đọc lấy ý chi tiết, lập luận và xử lý văn bản.	PO4, PO5
<b>Kỹ năng</b>			
MT4, MT5	CO3	Áp dụng kỹ năng đọc hiểu thành thạo nhằm phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn	PO8, PO9, PO10, PO12
MT4, MT5	CO4	Vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp trong quá trình đọc hiểu	PO8, PO9, PO10, PO12
MT4, MT6	CO5	Phát triển kỹ năng truyền đạt ý kiến và lập luận khi làm việc theo nhóm hoặc theo đôi	PO7, PO8
MT4, MT7	CO6	Phát triển kỹ năng tự học thông qua các bài tập đọc ngoài lớp học	PO9, PO10, PO12
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT8	CO7	Phối hợp tham gia vào các hoạt động trong lớp học. Hợp tác tốt với bạn trong lúc làm việc theo đôi hoặc/ và nhóm.	PO17
MT8, MT9	CO8	Xây dựng ý thức về tự học, chủ động lên kế hoạch phát triển kiến thức và kỹ năng đọc hiểu, luôn cập nhật thông tin và kiến thức về chuyên ngành của mình	PO17
MT9	CO9	Thiết lập sự tự tin, hứng thú áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO17



## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học xây dựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên để sinh viên có thể đáp ứng trình độ cơ bản theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Bên cạnh đó, môn học cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội học và thực hành kỹ năng đọc hiểu để đạt được thành công về học thuật, nghề nghiệp và giao tiếp. Mở rộng vốn từ vựng cho sinh viên về các chủ đề thuộc phạm vi môn học. Sinh viên có thể vận dụng từ vựng để trau dồi tốc độ đọc và khả năng hiểu bài đọc ở cấp độ nâng cao. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên nhận biết đầy đủ các yếu tố về bài đọc ở cấp độ nâng cao cũng như biết cách xử lý các dạng câu hỏi ở mức độ thang kỹ năng cao, từ đó sinh viên có thể biết cách tự nâng cao kỹ năng và khả năng đọc hiểu. Sinh viên có thể biết cách đọc các bài đọc học thuật tương đối dài và biết được cách duy trì đầy mạnh kỹ năng đọc hiểu sau khi kết thúc học phần.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học và logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

### 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8	5
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO8, CO9	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

### 10. Học liệu

#### 10.1 Tài liệu học tập

[1] Colin S.Ward, Margot F.Gramer. (2015). *Q, Skills for Success: Reading and Writing 3*. Oxford University Press.

#### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] *Reading comprehension skills and strategies*. (2002). Irvine, CA: Saddleback Educational Pub.

[3] Zimmerman, C. B. (2009). *Inside reading: The academic word list in context*. Oxford: Oxford University Press.

### 11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Introduction to the course		CO5, CO7, CO8
2	<b>Unit 1: Sociology</b> <b>Reading 1:</b> Small Talk: A Big Deal <b>Reading skill:</b> Identifying main ideas and supporting details		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
3	<b>Unit 1: Sociology (cont)</b> <b>Reading 2:</b> Job Interviews 101 <b>Vocabulary skill:</b> Using the dictionary to identify word forms		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
4	<b>Unit 2: Nutritional Science</b> <b>Reading 1:</b> Knowing Your tastes <b>Reading skill:</b> Previewing a text		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

5	<b>Unit 2: Nutritional Science (cont)</b> <b>Reading 2:</b> Finding Balance in Food <b>Vocabulary skill:</b> Use of context to understand words		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
6	<b>Unit 3: Information Technology</b> <b>Reading 1:</b> Cars That Think <b>Reading skill:</b> Taking notes		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
7	<b>Unit 3: Information Technology (cont)</b> <b>Reading 2:</b> Living Outside the Box <b>Vocabulary skill:</b> Synonyms		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
8	<b>Review Unit 1- Unit 3</b> <b>Mini- Test 1</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
9	<b>Unit 4: Marketing</b> <b>Reading 1:</b> Food Advertising Tricks You Should Know About <b>Reading skill:</b> Distinguish facts from opinions		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
10	<b>Unit 4: Marketing (cont)</b> <b>Reading 2:</b> In Defense of Advertising <b>Vocabulary skill:</b> Suffixes		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
11	<b>Unit 5: Psychology</b> <b>Reading 1:</b> A Super Soccer Fan <b>Reading skill:</b> Identifying supporting sentences and details		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
12	<b>Unit 5: Psychology (cont)</b> <b>Reading 2:</b> The History of Soccer <b>Vocabulary skill:</b> The prefix un-		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
13	<b>Unit 6: Philosophy</b> <b>Reading 1:</b> A Question of Numbers <b>Reading skill:</b> Using a graphic organizer		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
14	<b>Unit 6: Philosophy (cont)</b> <b>Reading 2:</b> The Biology of Altruism <b>Vocabulary skill:</b> Phrasal verbs		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
15	<b>Review Unit 4 - Unit 6</b> <b>Mini- Test 2</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

16	<b>Unit 7: Economics</b> <b>Reading 1: How a Ugandan Girl Got an Education?</b> <b>Reading skill: Using a timeline</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
17	<b>Unit 7: Economics (cont)</b> <b>Reading 2: How to Make a Biggest Differences When Giving to Charity</b> <b>Vocabulary skill: Collocations with nouns</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
18	<b>Unit 8: Behavioral Studies</b> <b>Reading 1: Fast Cars, Big Money</b> <b>Reading skill: Scanning a text</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
19	<b>Unit 8: Behavioral Studies (cont)</b> <b>Reading 2: Practice Makes...Pain?</b> <b>Vocabulary skill: Collocations with adjectives + prepositions</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
20	<b>Review Unit 7- Unit 8</b> <b>Mid-term test</b>		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9



**12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần**  
- Phòng học, máy vi tính, máy chiếu

**KHOA NGOẠI NGỮ**

**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN**  
**CƠ SỞ NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**

**ThS. Phạm Đình Quốc**





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

Tên học phần: **Phân Tích Diễn Ngôn**

Mã học phần: **0101002067**

**1. Thông tin về học phần**

Số tín chỉ: **2**

Tổng số tiết quy chuẩn: **45**

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	45+90 = 135
	15	0	30	0	

Loại học phần: **Tự chọn**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**  **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn chuyên ngành Ngôn ngữ Anh**

**2. Thông tin về các giảng viên giảng dạy:**

Giảng viên Khoa Ngoại ngữ

**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):**

Sau khi hoàn thành học phần Phân Tích Diễn Ngôn, sinh viên có thể:

**3.1 Kiến thức:**

MT1: Trình bày được những đặc điểm diễn ngôn cơ bản của ngôn ngữ.

MT2: Trình bày được các lý thuyết về hành vi ngôn ngữ, nguyên lý hội thoại và phép lịch sự trong việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh, địa vị và quan hệ xã hội.

MT3: Phân tích ý nghĩa của lời nói trong những ngữ cảnh khác nhau.

**3.2 Kỹ năng:**

MT4: Thực hiện hiệu quả các hành vi ngôn ngữ dùng trong giao tiếp, đặc biệt giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau.

MT5: Phân tích ngôn ngữ trong giao tiếp. Thông qua đó, điều chỉnh được hành vi và cách giao tiếp của bản thân trong những môi trường khác nhau.

MT6: Phát triển khả năng phân tích, đàm phán và làm việc nhóm một cách hiệu quả.

MT7: Học tập độc lập và khai thác kiến thức đã học để nghiên cứu cả ngôn ngữ nói lẫn ngôn ngữ viết: thu thập, tổng hợp tài liệu, phân tích hình thức, nội dung, ngữ cảnh, và mục đích sử dụng của mọi thể loại để nâng cao trình độ chuyên môn.

### 3.3 Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

MT8: Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của môn học trong việc nghiên cứu ngôn ngữ bản xứ.

MT9: Thể hiện thái độ nghiêm túc khi làm việc nhóm hoặc khi thực hiện các phần việc được thiết kế để tự nghiên cứu.

M10: Thể hiện tác phong đúng đắn, khéo léo làm chủ hành vi và ngôn ngữ trong giao tiếp.

### 4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp

1 = Mức thấp

2 = Mức trung bình

3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0101002067	Phân tích diễn ngôn	0	0	0	3	0	0	3
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		3	0	0	0	0	0	3
		PO15	PO16	PO17				
		0	0	2				

### 5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	CDR của CTĐT
<b>Kiến thức</b>			
MT1	CO1	Trình bày được đặc điểm diễn ngôn đặc trưng của ngôn ngữ.	PO4, PO7, PO8, PO14
MT2	CO2	Trình bày được các nội dung cơ bản về hành vi ngôn ngữ, nguyên lý hội thoại và phép lịch sự trong việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh, địa vị và quan hệ xã hội.	PO4, PO7, PO8, PO14
MT3	CO3	Phân tích ý nghĩa của lời nói trong những tình huống	PO4, PO7,

<b>Mục tiêu HP</b>	<b>CDR của HP</b>	<b>Nội dung CDR của học phần</b> Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:	<b>CDR của CTĐT</b>
		khác nhau.	PO8, PO14
<b>Kỹ năng</b>			
MT4	CO4	Thực hiện các hành vi ngôn ngữ phù hợp dùng trong giao tiếp, đặc biệt giao tiếp giữa các nền văn hóa khác nhau.	PO4, PO7, PO8, PO14
MT5	CO5	Phân tích ngôn ngữ trong giao tiếp. Thông qua đó, điều chỉnh được hành vi và cách giao tiếp trong những môi trường khác nhau.	PO4, PO7, PO8, PO14
MT6	CO6	Phát triển khả năng phân tích, đàm phán và làm việc nhóm một cách hiệu quả.	PO4, PO7, PO8, PO14
MT7	CO7	Học tập độc lập và khai thác kiến thức đã học để nghiên cứu cả ngôn ngữ nói lẫn ngôn ngữ viết, bao gồm thu thập, tổng hợp tài liệu, phân tích hình thức, nội dung, ngữ cảnh, và mục đích sử dụng của mọi thể loại để nâng cao trình độ chuyên môn.	PO4, PO7, PO8, PO14
<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>			
MT8	CO8	Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của môn học trong việc nghiên cứu ngôn ngữ bản xứ.	PO17
MT9	CO9	Thể hiện thái độ nghiêm túc khi làm việc nhóm hoặc khi thực hiện các phần việc được thiết kế để học viên tự nghiên cứu.	PO17
MT10	CO10	Thể hiện tác phong đúng đắn, khéo léo làm chủ hành vi và ngôn ngữ trong giao tiếp.	PO17

## 6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học Phân Tích Diễn Ngôn nghiên cứu ngôn ngữ được sử dụng trong mọi tình huống giao tiếp (trang trọng và thân mật), đặc biệt là nghiên cứu mối quan hệ giữa câu với ngữ cảnh và tình huống. Môn học này giới thiệu một số khái niệm cơ bản về Phân Tích Diễn Ngôn, bao gồm mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết; một số khái niệm cơ bản về Ngữ dụng học như lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại. Ngoài ra, môn học này còn cho thấy ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, luật, kỹ năng giao tiếp nơi công sở.

## 7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7, CO8, CO10
Thảo luận	Thông qua việc thảo luận giữa sinh viên và sinh viên, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO10
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10

## 8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, chú ý nghe giảng, và tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp như thảo luận đôi, nhóm và đóng vai dựa trên các tình huống có liên quan đến chủ đề của đơn vị bài học.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

## 9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

### 9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

## 9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO8, CO9, CO10	10
2	Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10
2	Bài kiểm giữa kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10

## 10. Học liệu

### 10.1. Tài liệu học tập

[1] Paltridge, B. (2012). *Discourse analysis: An introduction*. Bloomsbury Publishing.

### 10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Coulthard, M. (1995). *An introduction to discourse analysis*. New York: Longman

## 11. Nội dung chi tiết học phần

Chương trình học, bao gồm lý thuyết và thực hành, được phân bổ trong 15 tuần, 1 buổi/tuần, 3 tiết/buổi, 45 phút/tiết, cụ thể như sau:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<b>Chapter 1</b> <b>What is discourse analysis?</b>	[1] Chapter 1 Trang 1 - 14	CO1, CO2, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
	- What is discourse analysis? - Different views of discourse analysis		
2	<b>Chapter 2</b> <b>Discourse and society</b>	[1] Chapter 2 Trang 15 - 37	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
	- Discourse communities		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Language as social and local practice</li> <li>- Discourse and gender</li> <li>- Discourse and identity</li> <li>- Discourse and ideology</li> </ul>		
3 + 4	<p><b>Chapter 3</b> <b>Discourse and pragmatics</b></p>	[1] Chapter 3 Trang 38 - 61	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- What is pragmatics?</li> <li>- Language, context and discourse</li> <li>- Speech acts and discourse</li> <li>- The cooperative principal and discourse</li> <li>- Flouting the cooperative principal</li> <li>- Cross-cultural pragmatics and discourse</li> <li>- Conversational implicature and discourse</li> <li>- Politeness, face and discourse</li> <li>- Face and politeness across cultures</li> <li>- Politeness and gender</li> <li>- Face-threatening acts</li> <li>- Politeness and cross-cultural pragmatic failure</li> </ul>		
5	<p><b>Chapter 4</b> <b>Discourse and genre</b></p>	[1] Chapter 4 Trang 62 - 89	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- What is a genre?</li> <li>- Relationships between genres</li> <li>- Written genres across cultures</li> <li>- Spoken genres across cultures</li> <li>- Genre and academic writing</li> <li>- The social and cultural context of genres</li> <li>- The discourse structure of genres</li> <li>- Applications of genre analysis</li> </ul>		
6 + 7	<p><b>Chapter 5</b> <b>Discourse and conversation</b></p>	[1] Chapter 5 Trang 90 - 112	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Background to conversation analysis</li> <li>- Transcription conventions</li> <li>- Sequence and structure in conversation</li> <li>- Preference organization</li> <li>- Feedback</li> <li>- Repair</li> </ul>		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Discourse markers</li> <li>- Gender and conversation analysis</li> <li>- Conversation analysis and second language conversation</li> <li>- Criticisms of conversation analysis</li> <li>- A sample study: Refusals</li> </ul>		
8	Revision + Mid-term exam		
9 + 10	<p><b>Chapter 6</b> <b>Discourse grammar</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Grammar from a discourse perspective</li> <li>- The texture of a text</li> <li>- Cohesion and discourse</li> <li>- Reference</li> <li>- Lexical cohesion</li> <li>- Collocation</li> <li>- Conjunction</li> <li>- Substitution and ellipsis</li> <li>- Patterns of cohesion: A sample analysis</li> <li>- Theme and rheme</li> <li>- Thematic progression</li> <li>- Attitude and grammar</li> <li>- Grammar and engagement</li> <li>- Grammatical differences between spoken and written discourse</li> </ul>	[1] Chapter 6 Trang 113 - 143	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
11 + 12	<p><b>Chapter 7</b> <b>Corpus approaches to discourse analysis</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- What is a corpus?</li> <li>- Kinds of corpora</li> <li>- Design and construction of corpora</li> <li>- Issues to consider in constructing a corpus</li> <li>- The Longman Spoken and Written English Corpus</li> <li>- Discourse characteristics of conversational English</li> <li>- Performance phenomena of conversational discourse</li> <li>- Constructional principles of</li> </ul>	[1] Chapter 7 Trang 144 - 168	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10



Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	conversational discourse - Corpus studies of the social nature of discourse - Collocation and corpus studies - Corpus studies and academic writing - Criticisms of corpus studies		
13	<b>Chapter 8</b> <b>Multimodal discourse analysis</b> - Background to multimodal discourse analysis - Examples of multimodal discourse analysis - Genre, speech acts and multimodality - Carrying out multimodal discourse analysis - Limitations of multimodal discourse analysis	[1] Chapter 8 Trang 169 - 185	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
14	<b>Chapter 9</b> <b>Critical discourse analysis</b> - Principles of critical discourse analysis - Doing critical discourse analysis - Critical discourse analysis and genre - Critical discourse analysis and framing - Critical discourse analysis and larger data sets - Criticisms of critical discourse analysis	[1] Chapter 9 Trang 186 - 203	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8, CO9, CO10
15	Course revision		

### 12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Yêu cầu đối với sinh viên	- Tham gia tích cực vào các hoạt động giảng dạy của giảng viên trên lớp. - Hoàn thành các bài tập về nhà được giao.
Quy định về tham dự lớp	- Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số buổi học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Sinh viên tham gia buổi học cần tập trung nghe giảng và tích cực tham gia thực hành các hoạt động trên lớp, không sử dụng điện thoại, nói chuyện hoặc làm việc riêng. Giảng viên có quyền mời sinh viên ra khỏi lớp nếu vi phạm.
Các quy định khác	- Sinh viên tham gia buổi học cần mang theo đầy đủ tài liệu



học tập (Giáo trình chính, sách bài tập, từ điển và viết).

**KHOA NGOẠI NGỮ**



**TS. Trần Thị Thùy**

**BỘ MÔN  
CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH**



**ThS. Phạm Trút Thùy**

TS. T. AN